NĂM THỨ 7 – NGÀY 15-10-63

BACH KHOA

trong số này

TIỀU DÂN *diễn biến mới của cuộc tranh chấp Nga Hoa* • NGUYỄN PHƯƠNG *một phương pháp để nghiên cứu sử* • CÔ LIÊU *hiện tượng sống sót của tế bào và tạng phủ sinh vật* • TÂN PHONG *từ thi đua hòa bình đến sống chung hòa bình* • TRẦN VĂN KHÊ *lá thư Jérusalem* • NGUYỄN VĂN THƯ *đọc bản dịch « Nhân sinh quan của Trang Tử* • TRẦN HUIỀN ÂN *thuyền giấy* • PHAN MAI *công đồng Vatican II với người không công giáo* • NGUIỄN NGU Í *ngày con ra đời* • HỮU PHƯƠNG *hình ảnh mang theo* • TRĂNG THIÊN *một đề tài của Tolstoï : cái chết* • CÔ LIÊU *cô đơn* • LÊ TẤT ĐIỀU *đôi niềm vui nhỏ* • TRÚC PHƯƠNG, *Cô* BINH MINH *trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc* • **SINH HOẠT** NGUIỄN NGU Í *« Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc, tập II »*

163

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THỐI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THẤM NƯỚC, LÀM THẾ ĐỂ TRÁN MỌI SỰ HƯ THỐI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn **với giá mỗi chai chỉ có 73 $**

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24-547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 96.268 và 96.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictil et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK

CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TU BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 $ TRỞ LÊN.

Đường bay

HOA-SEN VIỆT-NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)

Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08 g 30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY :

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, NGUYỄN HUỆ, SAIGON. Đ.T. 21.624, 21.625, 21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.I.M

Sở thương mãi Saigon số : 157 B

Q. G. D B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : *29, Bến Chương-Dương — SAIGON*

Điện-thoại 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG

MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ

XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Petersen Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES

LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

xx, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại-lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

NOIR SERVICE

DENIS FRERES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :-

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Dai-Lô Hàm-Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê Thanh-Tôn (Marché central) — Tél. : 22.142.

— : 415 - 417, Duong Hai Ba Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai-lô Dông-Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 163 ngày 15-10-63

TIỀU DÂN *diễn biến mới của cuộc tranh chấp Nga Hoa*	3
NGUYỄN-PHƯƠNG *một phương pháp để nghiên cứu sử*	13
CÔ-LIEU *hiện lượng sống sót của tế bào và tầng phủ sinh vật*	19
TÂN-PHONG *từ thi đua hòa bình đến sống chung hòa bình*	25
TRẦN-VĂN-KHÊ *lá thư Jérusalem III*	37
NGUYỄN-VĂN-THƯ *đọc bản dịch « Nhân Sinh Quan » của Trang-Tử*	49
TRẦN-HUIỀN-ÂN *thuyền giấy (thơ)*	56
PHAN-MAI *công đồng Vatican II với người không công giáo*	57
NGUIỄN-NGU Í *ngày con ra đời (thơ)*	63
HỮU-PHƯƠNG *hình ảnh mang theo*	64
TRÀNG-THIÊN *một đề tài của Tolstoï : cái chết*	65
CÔ-LIÊU *cô đơn (giới thiệu truyện Adrienne Mesurat của Julien Green)*	72
LÊ-TẤT-ĐIỀU *đôi niềm vui nhỏ (truyện ngắn)*	86
NGUIỄN-NGU-Í *đọc « Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc, tập II »*	93
TRÚC-PHƯƠNG, CÔ BÌNH-MINH *trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc*	101

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Vấn đề Hoa-Kiều ở Đông-Nam-Á VIỆT-ANH

Những môn trợ lực cho sử học NGUYỄN-PHƯƠNG

Heidegger và Thi ca TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Tương lai văn chương Việt-Nam PHẠM-TRỌNG-NHÂN

Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-kiều ở Pháp MỘNG-TRUNG

Về cách trình bày trên làn sóng điện : những tài liệu chính xác về âm nhạc cổ truyền bình dân (dân ca) và bác học (cổ nhạc) TRẦN-VĂN-KHÊ

Hệ thống tổ chức ngành giáo dục âm nhạc tại Pháp TÔN-THẤT-TIẾT

Một ngày của Ivan (truyện dịch của A. Soljenitsyne) NGUYEN-MINH-HOÀNG

Một ngày của Nguyễn-văn-Tồn (truyện ngắn) VŨ-HẠNH

Thiếu dất (truyện ngắn) Y-UYÊN

Ánh sáng trong bóng tối (truyện ngắn) LÊ-TẤT-ĐIỀU

Gà và Ba tôi (truyện ngắn) VÕ-HỒNG

BÊN TRONG VỤ ĐỘNG-CHẠM NGA-HOA
Ở VÙNG BIÊN-GIỚI HAI NƯỚC

Diễn biến mới của cuộc tranh chấp hay ĐƯỜNG LỐI SÁCH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA BẮC KINH

● *TIỀU DÂN*

ĐẦU tháng 9-1963, trong cùng một lúc, báo Nhân-Dân và báo Hồng Kỳ ở Bắc Kinh đăng tải một bài xã thuyết tràng giang đại hải trình bày những vấn đề tranh chấp Nga Hoa. Lẽ tất nhiên ở mỗi vấn đề Bắc kinh đều minh định lập trường « Mác-xít chân chính » của mình và lên án những chủ trương, đường lối sai lầm của Mạc-Tư-Khoa, nhất là của ông Krouchtchev, hiện thân của « chủ nghĩa xét lại hiện đại ».

Đọc những lập luận quen thuộc ấy, giới quan sát quốc tế bỗng lưu ý đến một sự kiện mới lạ : lần đầu tiên Bắc Kinh công khai xác nhận rằng cuộc tranh chấp giữa hai nước không còn nằm trong phạm vi ý thức hệ, chính trị và chiến lược và sự động chạm đã diễn ra ở một lãnh vực khác, cụ thể hơn, thiết thực hơn : quyền lợi đất đai.

Theo bài xã thuyết ấy thì vào tháng 4 và tháng 5 năm 1962, đảng Cộng sản Nga Xô đã xúi dục hay bắt buộc hàng nghìn công dân Trung Quốc ở vùng biên giới Sinkiang chạy qua khu vực do Nga Xô kiểm soát. Tại miền Jli, Nga Xô đã vận dụng các cơ quan và cán bộ của mình để sách động công cuộc phá hoại như thế. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chính thức kháng nghị những vấn đề chưa được giải quyết ổn thỏa vì người Nga có một quan niệm đặc biệt về luật pháp quốc tế và tinh thần nhân đạo ; lẽ đương nhiên Bắc Kinh không thể chấp nhận quan niệm nầy.

Trong dịp nầy dư luận quốc tế nhấn mạnh về một số tin tức ít nhiều phổ biến như việc Wang En Mao, Ủy-viên chính trị của Bắc Kinh ở tỉnh Sinkiang đã quay lại chống Bắc Kinh, cầm đầu một phong

trào đòi Sinkiang tự trị, cùng một lúc, Nga Xô tỏ ý khuyến khích phong trào này với mục đích tạo một vùng đệm giữa Tây-Bá-Lợi-Á và miền Tây Bắc Trung Hoa; như việc Bắc Kinh đưa gần 100.000 thanh niên xung phong công tác lên vùng Tây Bắc (Sinkiang), nói là để khai phá đất đai, kỳ thật để xây dựng các công trình phòng ngự dọc theo biên giới Nga Hoa.

Người ta cũng không quên nhắc lại những sự kiện có thật, không ai chối cãi, là việc Bắc Kinh yêu cầu Nga Xô đóng cửa năm lãnh sự quán Nga tại Sinkiang và gọi các chuyên viên Nga cộng tác ở đấy về nước.

Trước bấy nhiêu sự kiện, đó đây trên trường quốc tế đã có những tiếng nói nhấn mạnh về một mức độ mới, trầm trọng hơn của cuộc tranh chấp Nga Hoa. Hơn thế, người ta còn muốn nói rằng có hai lẽ gã không lỗ Cộng sản đã bước ra khỏi môi trường ý thức hệ quen thuộc để đương đầu với nhau một cách thực tế hơn, nghĩa là quyết liệt hơn. Nói một cách khác, người ta hi vọng chứng kiến sự đụng độ không phải giữa hai đảng anh em nghịch thù nữa, mà giữa hai chính phủ, hai quốc gia Cộng sản lớn nhất.

Người viết không có tư cách và tham vọng mang lại những yếu tố làm nên lời kết luận về các khuynh hướng nhận định ấy. Chỉ xin góp một số tài liệu, mong sự suy luận được phần nào rộng rãi hơn.

Trung-Hoa nhỏ bé quá đối với Mao-Trạch-Đông ?

Thật ra không phải đến bây giờ Bắc Kinh mới nêu lên vấn đề đất đai, biên giới chính xác của Trung-Quốc.

Trong một thiên khảo luận công phu nhan đề « Họ Mao xem Trung-Quốc bé nhỏ quá chăng ? », ký giả Jacques Jacquet-Francillon đã viết rằng từ năm

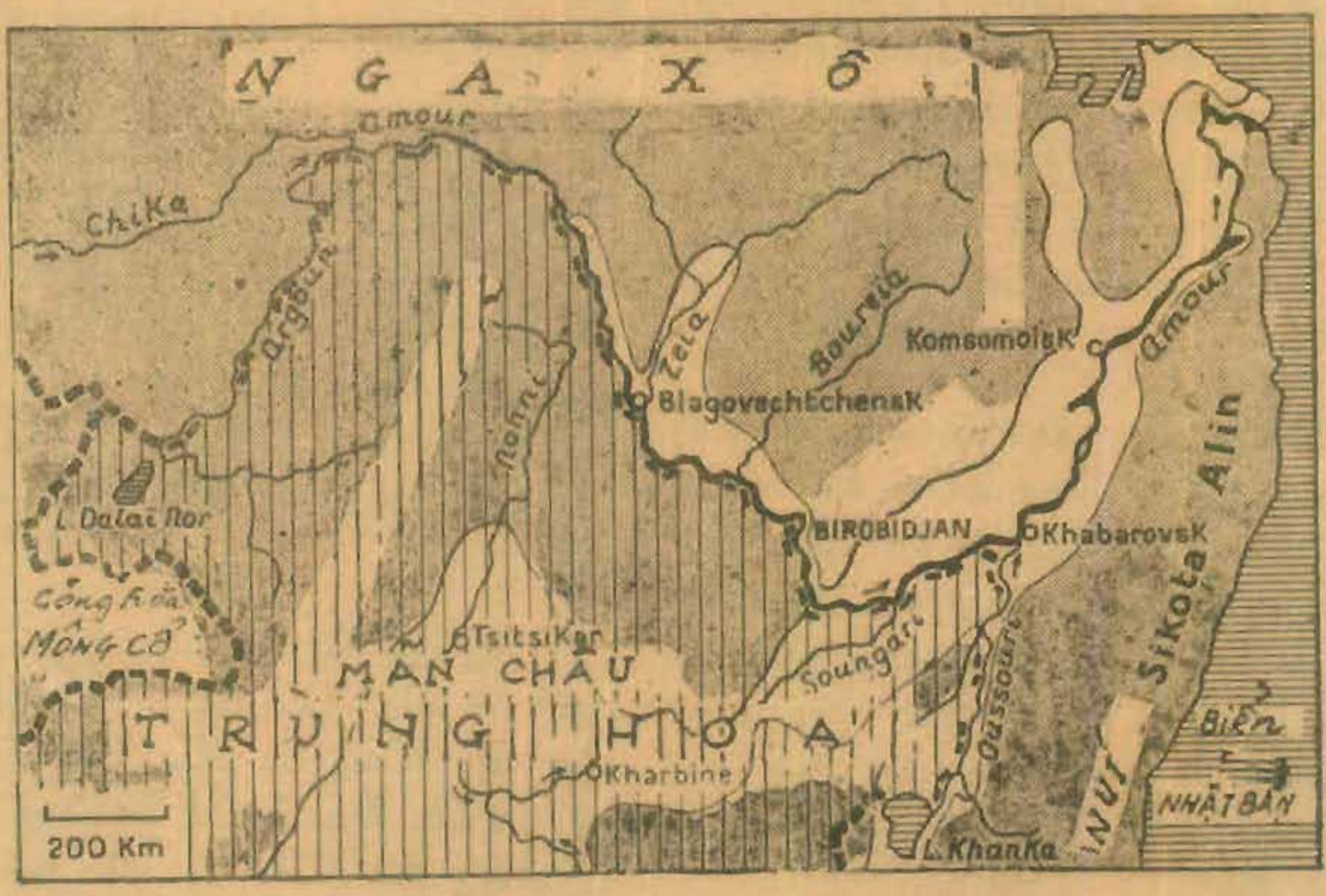

« Dòng sông hữu nghị » giữa Nga-Xô và Trung-Cộng

1954, nghĩa là năm thứ sáu của chế độ Cộng hòa Nhân Dân Trung-Hoa, dưới quyền lãnh đạo của Mao-Trạch-Đông, nhà cầm quyền Bắc Kinh đã phổ biến một bản địa đồ mới của Trung-Quốc. Bản địa đồ nầy trình bày nguyên trạng lãnh thổ Trung Quốc thời xa xưa, khi Trung-Quốc chưa bị những « bất bình đẳng ký ước » qua phân lãnh thổ. Và bản địa đồ nầy được báo chí Tây Phương gọi là « bản đồ về các yêu sách lãnh thổ ».

Tuy nhiên, theo Jacques Jacquet-Francillon, vấn đề yêu sách lãnh thổ được đặt ra nổi bật, kể từ ngày 8 tháng 3 vừa rồi, qua bài xã luận của báo Nhân Dân nhan đề « Bình luận về một lời tuyên bố của đảng Cộng-sản Hoa-Kỳ ».

Người ta không khỏi mỉm một nụ cười khi thấy đảng Cộng sản Trung Quốc hùng mạnh trong thế giới Cộng sản đi ăn thua với một đảng bé tí teo. Thật ra, Bắc Kinh làm việc nầy với tất cả dụng ý. Tháng chạp năm ngoái, ông Kroucht chev, trong bài diễn văn đọc trước Hội đồng Xô Viết Tối cao đã nhắc nhở cho các đồng chí Trung Hoa nhớ « con hổ giấy đế quốc có răng nguyên tử » và bảo thẳng cho các đồng chí Trung Hoa biết rằng họ thiếu tư cách để phê bình Nga Xô « yếu đuối » trong vấn đề Cuba, trong khi họ vẫn còn chịu đựng sự có mặt của thực dân, đế quốc trên chính lãnh thổ của họ, như ở Đài Loan, Hương Cảng, Macao.

Vậy thì, Bắc Kinh tấn công đảng Cộng sản đàn em Hoa Kỳ, chính là nhằm vào việc « nhượng bộ đế quốc » trong vấn đề Cuba tức là nhắc trở lại việc « Nga Xô đầu hàng đế quốc Mỹ » ở vùng biển Caraïbes và nhân đây trả lời luôn về những lời mỉa mai của ông Khrouchtchev đối với sự việc Trung Hoa dưới quyền lãnh đạo của lãnh tụ Mao Trạch Đông còn dung dưỡng đế quốc, thực dân trên lãnh thổ của mình.

Bài xã luận của báo Nhân Dân nói :

« . . . Kể từ lúc mà một vài người nhắc nhở đến Đài Loan, Hương Cảng và Macao, chúng tôi tự thấy bắt buộc phải lùi trở lại về thời gian, nói đến lịch sử những cuộc xâm lăng của đế quốc đối với Trung quốc.

Suốt khoảng thời gian trên dưới một trăm năm trước cuộc cách mạng giải phóng Trung Hoa, các nước thực dân, đế quốc — Hoa kỳ, Anh, Pháp, Nga dưới chế độ Nga hoàng, Đức, Nhật, Ý, Áo, Bỉ, Hòa Lan, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha — đã ngang nhiên xâm lược Trung quốc. Họ đã bắt buộc các chính phủ Trung quốc thời xưa phải ký kết những hiệp ước bất bình đẳng : Hiệp ước Nam kinh năm 1842, Hiệp ước Aigun năm 1858, Hiệp ước Thiên Tân năm 1853, Hiệp ước Bắc Kinh năm 1868, Hiệp ước Ili năm 1881, thỏa ước mở rộng hương cảng năm 1898, Hiệp ước năm 1901 v.v.. Dựa vào các hiệp ước này các nước thực dân, đế quốc đã thôn tính những lãnh thổ của Trung quốc ở miền Bắc, miền Nam, miền Đông, miền Tây hoặc bắt buộc Trung quốc phải cho họ mướn những lãnh thổ ở miền duyên hải và ngay cả trong nội địa...

Từ ngày thành lập chế độ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1948) chính phủ của chúng tôi đã công khai minh xác ý định sẽ xét lại sau nầy tất cả hiệp ước mà các chính phủ Trung Hoa ngày trước đã ký kết với chính phủ nước ngoài, để

tùy từng vấn đề, thừa nhận hay tố cáo, duyệt lại các hiệp ước ấy, hoặc thương thuyết lại về hiệp ước ấy, khi cần...»

Nói như thế tưởng đã khá rõ ràng. Nhưng báo Nhân Dân còn thêm: «Có những kẻ muốn chúng tôi nêu lên ngay từ bây giờ vấn đề hiệp ước bất bình đẳng... Họ có thể tưởng tượng chăng hậu quả của việc làm ấy sẽ thế nào?

Các lãnh tụ Trung quốc đã nói lên khá nhiều tư tưởng của họ. Đối với họ, Đài Loan, Hương Cảng, Macao chỉ là một số đặc điểm của một vấn đề rộng lớn hơn: vấn đề các biên giới chân chính, hợp pháp của nước Trung Hoa.

Không, Mao Trạch Đông không xem đại lục Trung quốc hiện thời là bé nhỏ. Nhưng ông ta còn tự cho mình và chính phủ của mình trách nhiệm sửa chữa những sai lầm của các chính phủ Trung Hoa xưa. Con sư tử phương Đông đã dậy rồi. Nó đòi những gì của nó, đã bị mất mát trong khi nó đang ngủ.

Yêu sách lãnh thổ của Bắc Kinh

Bản địa đồ mới của Trung quốc do chính phủ Bắc Kinh ấn hành và phổ biến gồm cả thảy 19 điểm yêu sách về lãnh thổ. Các điểm nầy được đánh số trên bản đồ và được chú thích:

1.— 1894. Vùng Tachkent bị nước Nga dưới chế độ Nga Hoàng thôn tính.

Theo Jacques-Jacquet Francillon thì trong năm 1894 này không có hiệp ước bất bình đẳng nào được ký kết cả. Đây là thời kỳ nước Nga của Nga Hoàng phát triển ảnh hưởng vào những vùng vốn không phải là chư hầu của Trung quốc. Năm 1881 hiệp ước Ili ký kết giữa Trung quốc và Nga qui định một cách lờ mờ vùng ranh giới Nga — Hoa ở đây, sau khi Trung quốc đã nhượng cho Nga một phần thung lũng Ili. Nhưng trong bản đồ mới, Bắc Kinh vẽ lại biên giới ấy, đẩy lui nó về phía lãnh thổ của Nga Xô, đến tận bờ hồ Balkhach, nghĩa là bao trùm các dãy núi Altai, Pamir, một phần đất của xứ Kazakhstan, của nước cộng hòa Kirghize, của xứ Tadjikistan, vốn là những vùng đất Nga mà ông Krouchtchev hay đến hô hào thanh niên Nga xung phong khai phá.

2.— 1896. Ký hiệp ước nhượng đất cho Anh quốc.

Đây là vùng Ladhack, một trong những vấn đề trung tâm của cuộc tranh chấp biên giới An Độ — Trung Cộng.

3.— 1898. Sau năm này xứ Népal tự cho độc lập, nhưng thật sự ở dưới sự kiểm soát của nước Anh.

Ngày nay, Népal là một quốc gia độc lập, giao hảo với Bắc Kinh. Năm 1962, Bắc Kinh đã ký với Népal một hiệp ước minh định biên giới. Tuy nhiên điều khoản nói về chủ quyền của ngọn núi Everest, cao nhất thế giới, rất lờ mờ.

4.— 1889. Người Anh xâm chiếm Tchemung.

Tchemung là tên người Trung Hoa gọi tiểu bang Sikim hiện thời. Tiểu bang nầy đang đặt dưới quyền bảo hộ rất mềm dẻo của Ấn Độ.

5.— 1865. Xứ Bouthan lọt vào vòng bảo hộ của Anh. Xứ Bouthan hiện do Ấn-Độ bảo hộ.

6.— *1820. Vùng đất của Miến-Điện bị Anh thôn tính.* Theo sự trình-bày trong bản đồ thì vùng nầy nằm ở con đường « Northeast Frontier Agency » và miền đồng-bằng Assam, hiện thuộc chủ quyền Ấn-Độ. Theo Bắc Kinh, đây là lãnh thổ của Miến Điện, trong đó có một vài nơi Bắc-Kinh tuyên bố thuộc chủ quyền của mình.

7.— *1886. Miến - Điện bị Anh đô hộ.*

Hiện thời Miến-Điện là một quốc - gia độc lập, có một nền bang giao tốt đẹp với Bắc Kinh.

8.— *Andemans bị người Anh thôn tính*

Những đảo nầy trong thực tế đang hưởng một qui chế độc lập đối với Ấn-Độ

9.— *1895. Người Anh chiếm Mã-Lai.*

Ở đây có một thiểu số người Trung-Hoa có vai trò quan-trọng trong sinh-hoạt xã-hội.

10.— *1904. Các đế quốc Anh và Pháp gây áp lực để cho Thái-Lan được độc-lập.*

Điểm lý thú ở đây là đế quốc Tây - phương đã giải phóng Thái-Lan khỏi đế quốc Trung Hoa. Nhưng bây giờ cách-mạng Trung-quốc lại phủ nhận tính chất tiến bộ của sự việc ấy.

11.— *1885. Đông Dương thuộc Pháp.* (nghĩa là tách rời sự đô hộ của Trung quốc).

12.— *1895 Do hiệp ước Shimonoseki, Đài Loan; Bành hồ rơi vào tay người Nhật*

Sau 50 năm bị Nhật đô hộ, các đảo ấy được trả về cho Trung-quốc năm 1945. Hiện thời chính phủ Đài Loan nắm quyền quản trị.

13.— *Quần đảo Soulou bị Anh thôn tính.*

Quần đảo nầy hiện thuộc chủ quyền Phi Luật Tân.

14.— *Người Anh lấn biên giới Miến-Điện vào phần đất Trung-quốc.*

Năm 1962 Miến Điện và Trung Cộng đã ký một hiệp ước về vấn-đề nầy và Bắc Kinh đã thâu hồi phần lãnh thổ bị mất.

15.— *Quần đảo Riou-kiou lọt vào vòng bảo hộ Nhật.*

Hiện nay Hoa-Kỳ đang được uỷ - trị quần đảo này. Okinawa ở đây là căn cứ hải quân quan trọng nhất của Hoa Kỳ tại Á Châu.

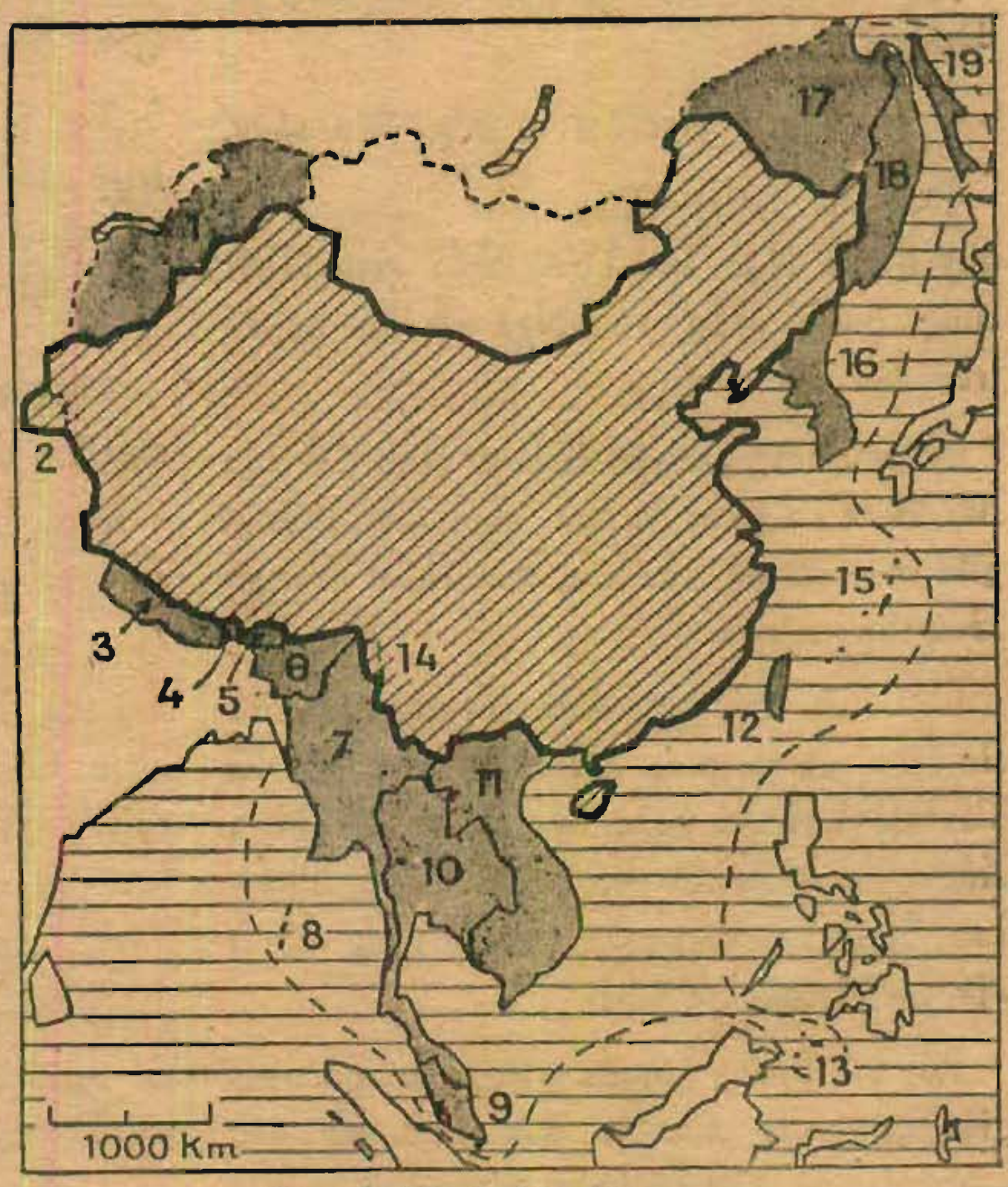

Các số ghi trên bản đồ tương ứng với các điểm yêu cầu trong bài

16.— *Triều Tiên (Hàn quốc) độc-lập từ năm 1895, bị Nhật thôn tính năm 1910*

Từ chư hầu của Trung-quốc nước ấy trở thành chư hầu của Nhật. Hiện thời Bắc Triều Tiên đứng hẳn về phe Bắc Kinh trong cuộc tranh chấp Nga-Hoa

17.— 1858. *Lãnh thổ nhượng cho Nga dưới chế độ Nga hoàng, do hiệp ước Aigun*

Lợi dụng sự suy nhược của Trung-quốc, nước Nga buộc Trung-quốc nhượng cả một lưu vực sông Amour (Hắc Long Giang) chạy đến Thái Bình Dương.

18.— 1860, *Lãnh thổ nhượng cho Nga do hiệp-ước Bắc Kinh.*

Đây là vùng duyên hải đặc biệt vì có hải cảng Wladivostok, quân cảng quan-trọng bậc nhất của Nga-Xô ở Thái Bình Dương.

19.— *Vùng do Nhật và Nga chia nhau.*

Đảo Sakhaline, hiện thời thuộc chủ-quyền của Nga-Xô. Từng thời gian Nhật cũng tranh chấp với Nga về chủ quyền trên đảo nầy.

Nhìn chung các yêu sách về lãnh thổ của Bắc Kinh, người ta sực nhớ đến những giấc mơ đế bá của các vua chúa Trung-Hoa thời trước.

Các triều đại vua chúa Trung-quốc đã lần lượt chinh phục các vùng hiện thời là Tây Bá Lợi Á, miền cực Đông của Nga Xô, miền Afghanistan, Miến Điện, Thái-Lan, Nam Dương quần đảo cả vùng thánh địa La Mecque ở Châu Phi.

Rồi thì Trung-quốc triền-miên trong giấc ngủ suy nhược, mặc tình cho các cường quốc Tây-phương thao túng giành giật với nhau những đất đai thuộc chủ-quyền hoặc khu vực ảnh hưởng của mình.

Tuy nhiên Đế quốc Đỏ vốn khác với Đế quốc phong kiến về căn bản. Phổ biến địa đồ mới, chính thức công bố những yêu sách về lãnh thổ và biên giới chân chính, hợp pháp của Trung quốc, nhà cầm quyền Bắc Kinh làm những việc ấy trên lập trường cách mạng của họ.

Nhìn vấn đề như thế, người ta mới có thể tìm hiểu một cách tương đối khách quan vị trí của vấn đề động chạm Nga - Hoa ở biên giới trong khuôn khổ cuộc tranh chấp lớn lao giữa hai nước. Có hai yếu tố cần được chú trọng : tinh thần quốc gia của một đại đế quốc phong kiến và tinh thần Cách mạng của một đại khối người vốn chỉ có mỗi một tặng vật của thượng đế là sự đói nghèo, thiếu thốn.

Với một ý niệm về sự tác động thường trực của hai yếu-tố ấy, ta hãy trở lại vấn-đề tranh-chấp Nga-Hoa ở vùng biên-giới hiện-thời.

Một tiền lệ : « Giòng sông hữu nghị » Amour.

Theo Hélène Carrere d'Encausse (Le Monde diplomatique) cũng như Marcel Giugliaris (Le Figaro littéraire), thì Nga Xô và Trung Cộng đã động-chạm với nhau từ lâu rồi trong vấn-đề biên-giới, cụ-thể là trong việc mở-mang hai bên lưu-vực sông Amour.

Con sông lớn nầy (thứ tám trên thế-giới) phân ranh lãnh thổ hai nước, tả ngạn thuộc về Nga, hữu ngạn thuộc về Trung quốc (do Hiệp ước Aigun 28-5-1858). Nước sông nhiều chỗ chảy

xiết lại hay dâng tràn, gây lụt ngập cho những địa-vực mênh-mông hai bên bờ sông. Do đây cả Trung quốc lẫn Nga Xô đều thấy cần chế-ngự cho được con sông ấy để sử-dụng điện-lực lớn-lao của nó vào công-cuộc kỹ-nghệ, cũng như để mở-mang những địa-vực cho đến nay hoàn toàn bị bỏ hoang.

Ngày 28 tháng 5 năm 1956, các nhà bác học và kỹ-thuật gia hai nước họp ở Bắc Kinh thảo-luận và hoạch định một chương-trình hợp-tác Nga-Hoa để mở-mang lưu-vực sông Amour.

Tháng 7 năm 1956, một phái bộ hỗn-hợp nghiên-cứu kế hoạch thực hiện chương-trình ấy được đưa đến sông Amour.

Trong lúc nầy «thời kỳ trăng mật», người ta nói về giòng sông ấy một cách trìu mến và đầy hi vọng : sông Amour hay Hắc Long giang còn mang một cái tên tốt đẹp nữa là « Con sông hữu nghị» (Le fleuve de l'amitié).

Nhưng theo cuộc điều-tra mới đây của Marcel Giugliaris tại miền Đông Tây Bá Lợi Á thì bao nhiêu chương-trình, kế-hoạch hợp tác giữa hai nước đều không thực-hiện được. Lý do : tả ngạn sông Amour (thuộc về Nga) thấp hơn hữu ngạn (thuộc về Trung quốc), do đây một mình Nga-Xô, dù muốn mở mang khu-vực của mình, cũng không làm gì được, trong khi bên kia bờ hồ, Trung Cộng không chịu hợp sức chế ngự giòng sông bất trị nầy.

Có nhiều yếu tố quyền lợi của mỗi nước đưa đến tình hình bế tắc nầy. Một trường hợp: việc đào thêm nhiều kinh và hồ nối liền giòng sông chính Amour với các biển có thể điều hòa được mực nước của con sông ấy. Muốn như thế Nga Xô phải nhằm chính vào việc vận dụng giòng sông Sungari (thuộc Trung quốc) để điều hòa mực sông Amour. Như thế nầy, Trung quốc đã có lợi là cả một vùng kỹ nghệ Mãn Châu có điện lực cho kỹ nghệ và nước cho canh nông. Nhưng, theo sự quả quyết của người Nga thì Bắc-Kinh còn muốn sử dụng giòng sông Amour nhiều hơn nữa, đến độ người Nga đứng trước một triển vọng tình hình không chấp nhận được : bao nhiêu phần lợi mở mang lưu vực sông Amour đều về Trung quốc cả.

Danh từ « Con sông hữu nghị » cũng không ngăn trở người Nga xử sự một cách thực tế : đã không được lợi thì họ cho trôi không làm gì cả.

Cho nên đến bây giờ Hắc Long Giang vẫn tiếp tục giữ cả một địa vực mênh mông hai bên bờ dưới quyền chi phối của mình.

Qua vấn đề tương quan quyền lợi, giới quan sát còn thấy một yếu tố đầy ý nghĩa : chương trình mở rộng khu vực ảnh hưởng từ địa bàn Tây Bá Lợi Á của Nga-Xô đã vấp phải sức chống cự và phản công của Bắc Kinh. Từ chỗ việc hợp tác mở mang lưu vực Hắc Long Giang, thật ra Trung Cộng muốn đẩy lùi viễn ảnh nầy : một hình thức cộng đồng quản trị Nga - Hoa ngay trong khu vực ảnh hưởng Bắc Kinh.

Một quan niệm độc đáo

Đến đây tưởng người ta có thể khách quan xác nhận một sự thật : có vấn đề tranh chấp về quyền lợi thực tế về lãnh thổ, giữa Nga Xô và Trung Cộng và vấn

đề nầy có đã lâu, chứ không phải mới nẩy sinh.

Tuy nhiên, để có một ý niệm về vị trí của vấn đề nầy trong khuôn khổ vấn đề tranh chấp toàn diện giữa hai nước Cộng sản lớn nhất, người ta cần nhớ lời tuyên bố của Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Trung quốc : «... Lẽ đương nhiên Trung quốc chủ trương giải quyết các vấn đề ấy (minh định biên giới chính xác của Trung quốc) theo đường lối hòa bình... Trong vấn đề duyệt lại các hiệp ước (bất bình đẳng) cũng như trong các vấn đề khác, chính sách của Trung quốc về căn bản, sẽ có sự phân biệt áp dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa một đàng, các nước đế quốc chủ nghĩa, đàng khác... »

« Giải quyết theo đường lối hòa bình »! Người ta muốn tự rằng Bắc Kinh giữ đúng chủ trương ấy. Người ta không thể quan niệm rằng một ngày nào đó Trung Cộng sẽ tấn công Nga Xô chỉ vì Nga Xô không chịu giải quyết hợp tình, hợp lý việc Bắc Kinh đòi duyệt lại những « bất bình đẳng ký ước » mà các nhà vua Trung quốc ngày xưa đã cam chịu dưới áp lực của các Nga hoàng.

Nhưng theo Jacques Jacquet-Francillon, Bắc Kinh quả có một quan niệm độc đáo về đường lối giải quyết hòa bình của họ. Sau đây là một số trường hợp chứng minh :

1) Bắc Kinh vừa ký với chính phủ Ngoại Mông một hiệp ước phân định biên giới giữa Trung quốc và Cộng hòa Ngoại Mông. Nhưng cũng lúc ấy thì trong khu vực của mình, tỉnh Nội Mông, người Trung Hoa phát động một phong trào thống nhất dân tộc Mông-Cổ. Giới quan sát quốc tế cho rằng Bắc-Kinh nhằm vào việc thúc đẩy phong trào này loang dần sang Ngoại Mông, thức tỉnh tinh thần quốc gia ở đây. Nếu âm mưu nầy thành tựu thì ảnh hưởng của Nga Xô tại nước Cộng hòa Ngoại Mông tất nhiên sẽ bị đánh bạt.

2) Bắc-Kinh cũng đã ký kết với chính phủ Miến Điện một hiệp ước giải quyết vấn đề biên giới của hai nước. Trong khi đó Bắc Kinh vẫn ngấm ngầm tiếp sức, nuôi dưỡng phong trào đòi tự trị của các dân tộc thiểu số ở Miến Điện.

Đối với nước Népal, Trung Cộng cũng đã ký hiệp ước về biên giới. Nhưng Népal thực sự càng ngày càng chịu ảnh hưởng chi phối của Bắc Kinh.

3) Đối với Ai-Lao, Trung Cộng chủ trương tôn trọng chánh sách Trung Lập. Trong thực tế, Bắc Kinh không ngừng tăng gia áp lực, phát triển ảnh hưởng chính trị và kinh tế trong nội bộ Pathet-Lao. Ngoài ra một hệ thống đường sá đã hoàn thành, nối liền Trung Cộng với Ai Lao. Khi cần «Chí nguyện quân» Trung quốc sẽ mượn đường này tràn vào Ai Lao, «Cứu vãn nền độc lập Ai Lao, chống đế quốc can thiệp»

Người ta cũng không quên cách thức áp dụng «đường lối giải quyết hòa bình» của Bắc kinh trong vấn đề tranh chấp biên giới với Ấn Độ : Bắc Kinh tấn công vào lãnh thổ An Độ, rồi cũng chính Bắc Kinh tự ý rút lui, đưa đề nghị thương thuyết hòa bình.

Và bây giờ, ngược lại, người ta được tin rằng Bắc Kinh tố cáo Nga Xô đã nhúng

tay vào việc gây biến động ở vùng Sinkiang, thuộc khu vực chủ quyền của Bắc Kinh. Một hành động «đáp lễ» của Nga, đối với đường lối hòa bình của Bắc Kinh chăng ?

Một tài liệu : Bí mật của vụ Sinkiang

Thiết tưởng cũng nên nhắc thêm ở đây một tài liệu của Bryan Crozoer (báo Preuves Informations) nói về những bí mật trong vụ tranh chấp Nga-Hoa ở Sinkiang.

Theo Bryan Crozier, thì năm 1954, người Nga giải tán những công ty Nga-Hoa khai thác dầu hỏa ở Sinkiang và rút tất cả chuyên viên, cán bộ Nga về nước. Từ năm 1958 trở đi, lính biên phòng Nga mở biên giới đón tiếp những người dân Trung quốc trốn lánh chế độ Bắc-Kinh và giúp cho họ kiết cứ ở Nga.

Người ta nhớ rằng trước đây Nga Xô đóng biên giới, đẩy lui những phần tử, thuộc các dân tộc thiểu số Trung quốc chống Bắc Kinh. Mạc Tư Khoa sợ rằng các phần tử ấy sẽ gây ngay trong các dân tộc thiểu số ở Nga một phong trào đòi tự trị như ở Trung quốc.

Nhưng năm 1958 thì, như đã nói ở trên, Mạc Tư Khoa thi hành một đường lối mới.

Người ta cho rằng Nga Xô muốn nắm vững tình hình hoạt động của Trung Cộng. Với chính sách đóng cửa biên giới, Mạc Tư Khoa không hiểu biết được nhiều tình hình củaTrung Cộng. Điều kiện tìm hiểug tình hình càng khó khăn hơn, sau khi Bắc Kinh đóng cửa các lãnh sự quán của Nga ở Sinkiang và Mãn Châu. Cả một vùng hoan vu ở địa vực nầy, một thứ « Far West » Trung Hoa, có thể là nơi Bắc Kinh dùng thực hiện chương trình thí nghiệm vũ khí nguyên tử.

Vậy thì, nếu Mạc Tư Khoa có nhúng tay vào những cuộc phiến động ở Sinkiang như tin tức đã được loan ra, có lẽ người Nga nhằm vào lợi ích nắm vững và kịp thời tình hình của Trung Cộng.

Tài liệu này có giá trị một dữ kiện của vấn đề tranh chấp Nga-Hoa ở biên giới. Căn bản của vấn đề nằm ở một chỗ khác.

Một diễn trình tất yếu

Nếu nhìn lại con đường diễn tiến của cách mạng Nga Xô và của cách mạng Trung quốc, người theo dõi tình hình giao thiệp giữa hai nước nầy thấy khó mà nhận định chính xác về tầm quan trọng của cuộc tranh chấp ở vùng biên giới hiện thời.

Nếu Nã-Phá-Luân ngày xưa đã từng cảnh cáo thế giới về ngày vùng dậy của con « sư-tử phương Đông » thì Staline cách đây non hai mươi năm cũng đã từng khuyên Mao-Trạch-Đông thỏa hiệp với Quốc Dân Đảng Trung Hoa, với một dụng ý ngự phòng.

Nhưng rồi việc phải đến đã xảy ra. Cuộc tranh chấp Nga Hoa ngấm ngầm phát triển, dần dần bộc lộ trên mọi địa hạt.

Vậy thì cuộc tranh chấp ở vùng biên-giới riêng rẽ mà xét, là một biến cố mới. Tuy nhiên, xét trên toàn cuộc, nó lại nằm trong một chặng của diễn trình tất yếu.

Thiết tưởng vấn-đề không phải là Nga Xô, Trung Cộng đã bỏ địa hạt tranh chấp ý thức hệ, chính trị, bước vào địa hạt thực tế quyền-lợi.

Sự thật hai yếu tố tinh thần quốc gia (của một đại đế quốc phong kiến) và tinh thần cách mạng (của một đại khối gần một tỷ người thuộc một xã hội kinh tế chủ-yếu là nông nghiệp, kém mở mang) đã gặp trên bước đường tiến triển hai yếu tố tinh thần quốc gia (của một đế quốc Cộng-Sản thoát thân từ một đế quốc phong kiến phương Tây) và tinh thần cách mạng (của một xã hội kỹ nghệ hóa ở mức độ khá cao).

Mâu thuẫn căn bản nầy đẻ ra cuộc tranh chấp. Và dù cuộc tranh chấp diễn biến như thế nào, trầm trọng thêm, hay hòa dịu bớt, bao lâu mâu thuẫn kia còn, thì những diễn biến của tình hình vẫn không có tính cách ngoại lệ, vẫn ăn khớp (dans l'engrenage) với một phương hướng của một diễn trình nhất định.

Tuy nhiên, người ta cũng không quên điều này: chính ở những địa bàn khác, quan trọng hơn về chiến lược cách mạng ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ La-tinh và cả Trung, Đông Âu nữa, Bắc Kinh sẽ gây khó khăn nhiều cho Mạc Tư Khoa, chứ không phải ở biên giới giữa hai nước.

Bởi vì chính cái hậu phương vĩ đại kia mới quyết định lẽ thắng bại của cuộc tranh chấp. Và có lẽ Trung Cộng chẳng chịu triển miên làm con muỗi bé nhỏ châm chích con Nga Xô hời hợt ngoài da ở biên giới, để gọi rằng tiến lên.

TIỀU DÃN

1-10-63

Dựa các báo le Monde Diplomatique.
Le Figaro littéraire.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, *Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON*

Tél. : 23.741 — 23.742

★

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.*
Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

3

Một phương pháp để nghiên cứu Sử

● *NGUYỄN-PHƯƠNG*

Sự cần thiết của một phương pháp sử học thiết tưởng không cần phải tìm kiếm đâu xa, vì nó nằm ngay trong bản tính của tiếng lịch sử. Nhìn lại ý nghĩa của nó, chúng ta thấy được rằng, chính nó vẫn là tuyệt đối, mà rồi, khi được thành hình trong một sử phẩm, nó lại trở nên tương đối, chính nó vẫn là khách quan, mà khi xuất hiện những ngòi viết của một sử gia, nó lại không tránh được mầu sắc chủ quan. Dầu sao, chủ quan cần phải gột rửa để đi đến chỗ khách quan, tương đối cần phải bớt đi để đi đến chỗ tuyệt đối, tức là chỗ đầy đủ của một sự kiện với tất cả những chi tiết của nó.

Người ta không bao giờ có thể đạt được chỗ khách quan hoàn toàn, bao lâu một sử phẩm còn mang tên một tác giả, và chỗ tuyệt đối bao giờ cũng chỉ là một lý tưởng để vươn tới. Nhưng người ta phải vươn tới lý tưởng tuyệt đối, phải cố gắng cho đạt đến hoài bão khách quan, được bao nhiêu hay bấy nhiêu, và càng tiến được xa càng tốt. Phương pháp sử học, chính là đường chỉ dẫn cho người ta đi tới, vươn lên, và đạt đến chỗ xa hết sức, trong việc thực hiện tính cách khách quan và tuyệt đối khi diễn lại thời sự quá khứ. Nay thử tìm xem con đường đó ra làm sao, hay, nói cách khác, hỏi phương pháp sử học là gì?

Theo định nghĩa thông thường thì phương pháp sử học là hệ thống các nguyên tắc luật lệ có thể giúp đỡ một cách hữu hiệu trong việc sưu tầm và án khảo sử liệu cùng trình bày kết quả làm sao cho đúng được với sự thật lịch sử. Các sử gia kẻ thì nhấn mạnh điểm nầy, người thì chú trọng vào điểm khác của định nghĩa nói đó, nhưng có lẽ không ai mà không đồng ý với Cicero khi ông

nói rằng : «Luật đầu tiên của lịch sử là không được nói gì mà không đúng với sự thật, và không có gì thật mà không nói đến» (primam esse historioe legem, ne quid falsi dicere audeat, ne quid veri non audeat). James V. Bryce còn phân biệt rõ hơn các việc phải làm của một sử gia. Theo ông thì sử gia phải bắt đầu với một cuộc « sưu tầm đầy công phu. Đó là một khoa học, và là một thứ khoa học đứng vào hạng khó nhất. Khi đã cố gắng hết sức cho được chắc chắn về các sự kiện, thì phải phối trí, sắp đặt chúng lại theo thứ tự, tùy trình độ quan trọng của chúng, rồi dựa vào đó để lấy ra những kết luận chung. Đó cũng là một khoa học nữa. Lại phải trình bày sự kiện một cách hết sức sáng sủa, với những lời lẽ hết sức linh động. Đó là văn chương. Tài văn chương sẽ làm công việc được hoàn hảo và trở thành rất hữu dụng, vì nó làm cho tác phẩm lưu hành xa hơn, và như thế đạt được cứu cánh hơn ». Và, tự nhiên, người ta nhớ đến một câu của *Tả truyện* nói rằng : Bất ngôn thùy tri kỳ chi ; ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn ; tạm dịch là : không nói ra, không ai biết câu chuyện là gì, nhưng nói ra mà không có văn vẻ, thì câu chuyện không chuyển đi được xa.

Xét theo đó, thì phương pháp sử có thể gồm ba việc chính :

1) Sưu tầm tài liệu

2) khảo chứng

3) trình bày kết quả.

Muốn cho đầy đủ hơn, trước khi bắt tay sưu tầm sử liệu, người nghiên cứu sử phải biết rõ mình sưu tầm tài liệu về vấn đề gì, và vì thế phải biết cách chọn đề tài cho công việc mình làm. Rồi một khi đã trình bày xong xuôi một mẫu chuyện sử, sử gia cũng nên cho người đọc biết mình đã dùng những tài liệu nào để xây dựng lại quá khứ, vì như thế người đọc sẽ có thể dễ dàng đánh giá và kiểm soát công việc của mình, và trong trường hợp người đọc có tài liệu mới, họ còn có thể bổ túc cho. Ngoài ra, muốn chuyên về sử học, người chép sử còn phải biết đến một số các khoa học khác có liên quan mật thiết với sử học, thường gọi là những môn học trợ lực cho sử học. Bởi đó, bên cạnh ba việc chính đã kể trên, còn có ba việc phụ nữa phải nói đến, và chúng tôi xin sắp tất cả lại theo thứ tự nầy :

1) Những môn học trợ lực cho sử học

2) Một đề tài để nghiên cứu

3) Sưu tầm sử liệu

4) Khảo chứng

5) Tổng hợp và trình bày

6) Cước chú và thư mục

Trước khi bàn luận nhiều về mỗi mục đó của phương pháp sử học, thiết tưởng nên biết qua những ghi nhận chung về vấn đề nầy.

Trước hết, có kẻ cho rằng phương pháp sử học không phải là một môn học cần thiết. Theo họ, để viết sử chỉ cần có lương tri và óc phán đoán là thừa đủ. Chẳng hạn, năm 1906, Sir Charles W.C. Oman đã có thể nói : « Phàm ai đã không thể học được nghệ thuật cân nhắc và so sánh sự kiện và lý thuyết khi họ học Aristotle và Maine, khi học Hobbes, Maitland và Stubbs, thì người đó cũng không

thể học được gì qua các bài dạy về phương pháp «... Người đó sẽ không bao giờ thành được một sử gia cho dầu bạn lấy búa bửa đầu người đó mà nhét « phương pháp » vào cũng vậy. Nói tắt lại, một sử gia đích thực — và đây là chỗ tôi tin chắc — là kẻ đã được bẩm sinh như thế, chứ không phải nhờ học tập mà nên ».

Đem ra ý kiến sử gia là một kẻ «được bẩm sinh như thế, chứ không phải nhờ học tập mà nên », Oman nghiễm nhiên đã nhận rằng sử gia, cũng như văn gia hay chính trị gia, muốn đi xa trong nghề của mình, cần thiết phải có một phần tài năng bẩm sinh thích hợp với nghề đó. Nhưng hỏi có phải bẩm sinh là điều kiện độc nhất để thành sử gia không ? Chính chỗ đó là chỗ Oman muốn nhấn mạnh, nhưng xét ra chính chỗ đó lại là chỗ không được đúng. Một điều kiện khác tưởng rằng không kém cần thiết so với sự có tài năng bẩm sinh, đó là sự được huấn luyện chu đáo trong nghề mình muốn đi xa. Một tài năng « bẩm sinh » nếu không được huấn luyện, sẽ không khác gì một khóm hoa không được chăm nom. Mà nói đến « huấn luyện » cũng là như nói đến phải có phương pháp, vì nếu huấn luyện không có phương pháp sẽ có hại hơn là có lợi. Và phương pháp sử học không phải là những kiến thức chung về cách phê phán người ta thâu lượm được khi đọc các triết gia như Aristotle hay Hobbes... Sử học vốn có những đòi hỏi riêng của nó mà triết lý không thể giải đáp thỏa mãn được.

Hơn nữa, muốn thành sử gia, chỗ đáng chú cách riêng, có lẽ không phải là sự có tài năng bẩm sinh thích hợp cho bằng sự có huấn luyện đầy đủ. Hỏi tại sao như thế ? Là bởi vì tài năng thích hợp nói đây là gì nếu không phải là một lương tri sáng suốt và một trí óc phán đoán vững vàng? Mà lương tri và óc phán đoán, thiết tưởng, trời sinh ra ai cũng có, không nhiều thì ít. Muốn cho lương tri được sáng suốt và óc phán đoán được vững vàng, có lẽ không gì bằng dùng phương pháp sử để huấn luyện. Vì thế, chắc chắn Lord Acton có lý hơn Sir Oman nhiều khi ông nói rằng : « Phương pháp làm nên sử gia, chứ không phải thiên tài, hay hùng biện, hay bác học ».

Một số kẻ khác bác bẻ phương pháp sử học, không phải vì lẽ rằng phương pháp không bao giờ làm nên sử gia, nhưng lại dựa vào lý luận nầy là trí khôn loài người không sao biết chắc được sự thật của quá khứ. Họ chủ trương rằng chỉ có một nguồn kiến thức lịch sử mà thôi là quan sát trực tiếp các việc xảy ra, và hễ việc gì không thể trực tiếp quan sát được, là việc đó không bao giờ có thể biết được một cách chắc chắn. Carl Berker, chẳng hạn, sau khi giữ luận điệu như vừa nói, lại còn đi xa hơn nữa, và đem ra ý kiến nầy : « Cả đến một số rất ít những biến cố ta nghĩ là biết được chắc, cũng không bao giờ có thể biết hoàn toàn chắc chắn, vì không bao giờ ta có thể diễn nó lại, hoặc đem thử lại một cách trực tiếp ». Như thế, đối với họ, khi chính mình tự quan sát lấy sự việc mà còn chưa đủ điều kiện để tin chắc cho chính mình, thì thảo nào họ không thể tin được những điều kẻ khác đã tự quan sát và đem kể lại cho

họ. Hơn nữa, đối với người đồng thời mà họ cho không có gì bảo đảm giữa câu chuyện người này truyền chuyển cho người khác như thế, thì hỏi tại sao họ tin được chứng tích của người thuộc về bao nhiêu thế hệ đã qua kể lại ? Kết quả là, theo chủ trương của họ, kiến thức lịch sử phải thay đổi với mọi người trong mỗi thế hệ và thay đổi qua từng thế hệ. Nói cách khác, chân lý lịch sử chỉ là một mộng tưởng, chứ không phải là sự có thật.

Nhưng sau ăn nói táo bạo như thế, Carl Berker đã nghi ngờ giá trị của quan điểm ông ; ông tin sẽ có những quan điểm khác thay thế vào. Mà hỏi không nghi ngờ sao được vì nó chống lại với lương tri và kinh nghiệm thường ngày của mọi người. Giả sử hằng ngày chúng ta chỉ tin vào những điều tự mình chúng ta quan sát được mà thôi, và nghi ngờ tất cả những gì kẻ khác thuật lại cho, thì hỏi chúng ta còn làm được việc gì ? Đã đành ai cũng biết rằng chúng ta không thể biết chắc được tất cả mọi việc về quá khứ, hoặc là bởi vì nhiều biến cố không được người xưa ghi lại, hoặc là vì có nhiều biến cố được ghi lại một cách sơ sài, không đủ điều kiện để tin. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn có nhiều biến cố được ghi lại bởi những người chứng đáng tin, và sau đã khảo sát cẩn thận, chúng ta có thể tin chắc. Thật ra, để có thể tin chắc về một việc đã xảy ra, chúng ta chỉ trả lời khẳng định được cho ba câu hỏi sau đây, và người ta rất có thể trả lời khẳng định :

1) Trí khôn có thể biết được chân lý lịch sử không ?

2) Chân lý lịch sử có thể biết được không ?

3) Chân lý lịch sử có bao giờ được truyền chuyển đến chúng ta một cách vững vàng không ?

Quả thế, sự trí khôn có thể biết chân lý, đó là một điều không ai chối cãi được, vì nếu trí khôn không phải có khả năng biết chân lý, thì nó còn dùng để làm gì mới được chứ ? Và nếu trí khôn có thể biết được chân lý trong các ngành khác, thì hỏi dựa vào đâu để từ chối khả năng đó của trí khôn trong ngành sử học ? Rồi, nếu nói rằng chân lý lịch sử không thể biết được thì cũng chẳng khác gì tự chối kinh nghiệm bản thân, vì kinh nghiệm bản thân cho biết mình có thể thâu nhận cũng như có thể phát biểu một số chân lý lịch sử. Sau hết, nếu phát biểu được chân lý lịch sử là tức thị cũng có thể truyền chuyển được cho kẻ khác, kẻ khác cùng một thời với mình hay thuộc về hậu thế. Sau này, đến chỗ khảo chứng, phương pháp sử sẽ nói rõ trong những trường hợp nào chân lý lịch sử được truyền chuyển đến chúng ta một cách đáng tin.

Một ghi nhận cuối cùng : Hỏi lịch sử ích lợi gì mà phải học phương pháp để nghiên cứu ?

Ích lợi của lịch sử vẫn rất nhiều, đây chúng tôi xin nói đến một vài thứ quan trọng hơn, như lịch sử làm cho chúng ta phong phú trong kiến thức và quảng đại trong phán đoán.

Chúng ta đã thấy lịch sử là kinh nghiệm, vì vậy học được nhiều lịch sử là thâu thập được nhiều kinh nghiệm. Kinh nghiệm của lịch sử có thể có nhiều loại,

kinh nghiệm về cá nhân, kinh nghiệm về xã hội loài người. Chúng ta đã thấy rằng một sự kiện muốn có giá trị lịch sử, sự kiện đó phải có giá trị xã hội. Nhưng những sự kiện có giá trị xã hội nầy có thể do những cá nhân xuất sắc hoàn thành, và những cá nhân xuất sắc nầy, hay nói cách khác, những con người lịch sử, những vị anh hùng nầy, nêu lên cho chúng ta thấy vai trò mỗi một người có thể đóng trong cộng đồng thế. Chính họ cho chúng ta chiêm ngưỡng tấm gương anh hùng tạo thời thế, và lôi cuốn chúng ta dấn thân theo, vì « đã sinh ra đứng trong trời đất, phải có danh gì với núi sông », nghĩa là phải cố gắng để có một giá trị lịch sử nào.

Và nếu gương cá nhân đã hữu ích, thì gương xã hội của lịch sử càng hữu ích hơn. Chính lịch sử cho chúng ta thấy điều kiện hưng vong của các triều đại, bước đường thịnh suy của các quốc gia, ở đây một đế quốc thành lập, ở đó có một chế độ tan rã. Tất cả xuất hiện rồi biến đi theo đà trôi xuôi của thời gian man mác, không phải bao giờ cũng theo một nhịp nhất định, nhưng vẫn ở dưới những điều kiện phần nhiều tương tự như nhau. Khi nhìn quá khứ một cách tổng quát như thế, chúng ta thấy được khả năng của loài người ở trong vũ trụ. Lịch sử là môn vạch lại trước mắt chúng ta những thành công và thất bại chung, nghĩa là cho chúng ta biết phạm vi trong đó sức lực của con người có thể bành trướng qua các điều kiện nhân sự và thiên nhiên. Biết một cách phong phú như vậy về quá khứ, tất nhiên chúng ta có thể thấy rõ hơn trong hiện tại, vì hiện tại bắt rễ hoặc lấy giống trong quá khứ. Càng am tường quá khứ, người ta càng nhận-định được đường lối của hiện tại, và có may mắn khám phá được hướng tiến của tương lai. Bởi đó, một cá nhân có nhiều cái vốn lịch sử, cá nhân nầy cũng sẽ có nhiều tương lai vậy.

Chẳng những thế, lịch sử còn làm cho người ta trở nên quảng đại trong trí óc phê bình, xét đoán. Quả thật, người ta chỉ xét đoán hẹp hòi khi người ta nhìn không xa, biết không rộng, khi người ta không thấy rõ nguyên nhân, cũng như khi người ta không đoán trước được kết quả. Nói cách khác, người ta chỉ nhìn thấy lúng túng nơi kẻ khác khi người ta cảm thấy lúng túng ngay ở chính mình. Nhưng một người thông thạo lịch sử sẽ lúng túng sao được, khi người đó đã thấy mọi thứ vấn-đề được giải quyết cách nầy hay cách khác qua trường kỳ thời gian. Hỏi sao người ta còn lúng túng, khi vừa thấy vấn đề đặt ra, người ta đã đoán được hậu quả nhờ những trường hợp tương tự trong quá khứ ? Do đó, cách người ta phán xét về người và việc sẽ được về vô tư, điềm đạm, cân nhắc. Bởi đã ôm trọn cả trước cả sau của sự việc, người ta sẽ đoán định một cách đúng đắn, quảng đại.

Và nếu người ta biết phán xét khôn ngoan về kẻ khác nhờ kinh nghiệm lịch sử, thì nhờ cũng một thứ kinh nghiệm đó người ta sẽ biết phán xét ngay thẳng về chính mình. Người ta sẽ dễ dàng hơn để « phú bất kiêu, bần tiện lạc » hay là để « hữu thế bất hưởng tận », vì người ta đã quá quen với cảnh đời của những người giàu sang bị sa sút, những người đói khổ mà đầy dẫy thơm danh, hay những người bị

đày đọa nhục nhã chỉ vì đã quá hống hách một thời. Đó là khía cạnh giáo dục của lịch sử. Nhờ lịch sử, người ta đánh giá được chân giá trị của thời gian, chân giá-trị của cuộc đời, chân giá trị của từng biến cố trong cuộc đời. Như thế, người ta sẽ có thể sống một cách đầy đủ hơn, hạnh-phúc hơn, vì vững tâm hơn. Lời Cicero nói « Lịch sử là thầy dạy của cuộc đời » (historia, magistra vitae) thật là đúng vậy.

Kỳ tới : *Những môn trợ lực cho sử học*

NGUYỄN-PHƯƠNG

ĐÍNH CHÍNH

Trong Bách-Khoa số 162 bài « Ý-Nghĩa Lịch-Sử » của Ô. Nguyễn Phương có những chỗ sai lầm như sau, mong độc giả sửa giùm :

— Trang 17 cột 2, hàng 19: *các ý nghĩa* xin đọc: *các ý nghĩa* **đó.**

— Trang 18 cột 1, hàng 18 : *là việc thay đổi*, xin chấm, và thêm bởi đó. những khi không có gì thay đổi.

— Trang 19 cột 1, hàng 17, in : *sự kiện đáng kể*, xin đọc : *sự kiện* càng *đáng kể*.

— Trang 20 cột 1, hàng thứ ba dưới lên, in : bản danh sắp xin đọc : bản danh **sách**.

Chúng tôi xin cáo lỗi cùng độc giả.

MỚI PHÁT HÀNH

THƠ TRẮNG

Thơ của ĐỖ-TẤN

Tựa của VÕ-PHIẾN

Bìa do ĐINH-CƯỜNG trình bày

THỜI MỚI xuất bản **30$00**

HIỆN TƯỢNG SỐNG SÓT CỦA TẾ BÀO VÀ TẠNG PHỦ SINH VẬT

● *CÔ LIÊU*

ĐÃ từ lâu lắm — ít ra từ thời Aristote — người ta biết rằng nếu đem cắt lấy một bộ phận trong cơ thể của nhiều giống vật — kể cả vật thượng thặng — thì bộ phận cắt ra vẫn giữ được những đức tính đặc thù như biết cử động, khích động, trong nhiều giờ. Thí dụ thịt giống rùa, giống cọp, tim con ếch, con rắn.

Các bác sĩ và triết gia rất chú ý đến hiện tượng « sống sót » của tế bào đó. Nếu đời sống của cơ thể liên lạc đến một nguyên lý tinh thần và thiêng liêng thì tại sao sự sống không chấm dứt hẳn khi miếng thịt hay trái tim đã lìa hẳn thân xác ?

Triết gia La Mettrie dựa vào sự khảo cứu của Harvey, de Boyle, de Sténors, trong cuốn sách L' Homme machine (người máy) (1748), đã nhấn mạnh đến hiện tượng sống sót nói trên đây của một bộ phận trong cơ thể sinh vật. Ông cho đó là một dẫn chứng quan trọng để bênh những luận đề duy vật của ông.

« Thịt các giống vật đều máy động sau khi con vật chết... Loài rùa, loài thạch sùng chứng thực điều ấy. Bắp thịt cắt ra khỏi thân xác sẽ co lại nếu ta lấy kim đâm vào nó. Ruột còn nhu động được rất lâu khi đã bị cắt ra. Tim con ếch lấy ra rồi phơi nắng, hay tốt hơn để trên bàn hoặc trên chiếc đĩa nóng, vẫn máy động hàng giờ hay hơn nữa. Một quả tim cắm vào cái kim còn đập hoài... »

Đến lượt Diderot trong cuốn sách Eléments de Physiologie (1774 — 1780), cũng nêu rõ những hiện tượng trên đây. Ông cho rằng những hiện tượng ấy chứng minh sự hiện hữu một « đời sống riêng » của mỗi cơ thể, của mỗi bộ phận trong toàn thân con vật.

« Tim, phổi, lá lách, bàn tay, gần hết tất cả các bộ phận của con vật,

khi cắt rời khỏi thể xác đều sống được một thời gian». Những bộ phận ấy vẫn còn có thể kích thích được, « khả năng bị kích thích » ấy khác hẳn những động lực khác, vì nó không khác gì sự sống, sự cảm giác. Như vậy sự cảm giác và sự sống của mỗi bộ phận xem ra khác hẳn sự cảm giác và sự sống của toàn thân ; và vì thế, « cái người ta gọi là linh hồn hay tinh thần không phải là nguyên nhân trực tiếp của cảm giác, của sự sống hay của sự cử động ».

Và Diderot kết luận rằng, trong một sinh vật sống, phải có hai đời sống khác biệt, (có thể là ba nữa) : đời sống của toàn thân con vật, đời sống của mỗi cơ thể, đời sống của mỗi phần tử của tế bào.

Tuy nhiên, đến thế kỷ thứ 19 mới có những sinh lý học gia nghiên cứu cẩn thận hiện tượng sống sót của từng bộ phận cơ thể ; họ ít chú ý đến phương diện tìm chứng cứ để minh xác một học thuyết, mà chú trọng nhiều đến phương diện tìm hiểu về những điều kiện của sự sống.

Ghép và cấy

Bởi vậy người ta có thể suy diễn đúng những điều thực nghiệm được nhờ những thuyết về tế bào đem vào sinh vật học từ năm 1830. Ý thức về tế bào làm đảo lộn những quan niệm cổ truyền về sự cấu tạo cơ thể sinh vật : từ đây một con vật được coi là một tổ hợp những đơn vị nhỏ có tổ chức, có chức vụ, mỗi đơn vị lại có đời sống riêng. Đời sống của toàn thân con vật chỉ là sự kết hợp nhịp nhàng của những đời sống đơn sơ ấy.

Paul Bert đồng ý với Claude Bernard nói rằng nếu mỗi đơn vị có một đời sống độc lập đối với đời sống của toàn thân con vật, thì ta chẳng nên lấy làm lạ rằng mỗi bộ phận cắt ra khỏi thân thể có thể giữ được đặc tính của đời sống riêng biệt của nó trong một thời gian.

Sự sống sót của những bộ phận ấy có thể kéo dài thêm nhờ tài năng của người thí nghiệm : hoặc đem ghép vào một cơ thể khác, hoặc tạo ra cho chúng những điều kiện ít nhiều tương đồng với điềukiện sống bình thường trong cơ thể con vật. Sự suy luận về sự sống sót ấy tự nhiên đưa đến hai phương pháp y học quan trọng sau này : « ghép » và « cấy ».

Từ thời kỳ Paul Bert công bố *Những khảo xát thực nghiệm dùng cho việc mô tả sự sống riêng biệt của những cơ thể động vật* (1866), vấn đề sống sót của tế bào, của một bộ phận trong cơ thể được nhiều người để ý nghiên cứu ; trong số các công trình khảo xát phải kể đến cuốn sách *Survie et conservation biologique* (masson 1963) (Sự sống sót và sự bảo toàn sinh vật) của một nhóm bác học làm việc dưới quyền hướng dẫn của ông André Thomas mà chính ông đã viết một nhập đề rất quan trọng.

Trong những sự kiện sống sót cần

phải phân biệt *sống sót tự nhiên* và *sống sót thực nghiệm* tùy trường hợp mà cơ quan hay một mảnh của cơ thể được để sống tự nhiên hay trường hợp mà người ta tạo cho nó những điều kiện đặc biệt thuận tiện để nó sống lâu thêm.

Trước hết ta hãy quan sát một vài trường hợp sống sót tự nhiên rất rõ ràng.

Noãn sào loài oursin (hải đởm) để trong nước biển sống được nhiều ngày, nó tự uốn nắn hình thể và có thể bơi được là khác.

Vòi con sâu bonellie, một giống sâu biển, nếu bị cắt ra vẫn sống được ba tháng rưỡi ; nó cử động được, bò đi, đớp mồi được.

Một giống côn trùng cánh cứng : loại bọ hung lớn (lucane cerf - volant) nếu đem chặt đầu ra thì cái đầu có thể sống được mười chín ngày trong một phòng ấm. Bụng con ngài tằm cắt riêng ra sống được ba mươi lăm ngày, lâu hơn đời sống của chính con ngài. Những vòng bụng vài loài nhộng của loại bọ lân địch (lépidoptère) có thể sống được tám tháng.

Đối với loài vật thượng thặng, vật có xương xống, nhiều bộ phận trong cơ thể có khả năng sống sót rất mạnh. Tim con ếch để vào nơi ấm sẽ tiếp tục đập trong nhiều ngày, tim con rùa trong 12 ngày.

Quả thận một con rắn để vào nước mặn, trong ba ngày người ta còn thấy tiêm-mao trong ống dẫn nước tiểu cử động.

Nếu cắt một bộ phận của thân thể con vật ra ngâm trong huyết tương của nó và để vào chỗ lạnh thì có thể tăng gia thời hạn sống sót lên rất nhiều.

« Ngọc dương » loài ếch ướp lạnh, trong huyết tương có pha thêm thuốc trụ sinh, sẽ giữ được tinh trùng trong ấy sống ngoài hai tháng.

Cơ thể con chuột lớn ngâm trong nước bào thai lấy hết chất Protéine dưới nhiệt độ $+4^{o}$, sau hai mươi tháng còn thấy có tế bào sống.

Nhờ có phương pháp kỹ thuật tối tân người ta có thể tàng trữ da thịt và cơ thể sinh vật trong nhiều năm, nhưng đây không phải là trường hợp sống sót tự nhiên nữa, đây là trường hợp ngưng sống gần như trọn vẹn. Đây là một vấn đề vượt khỏi nội dung bài này.

Bí mật xác ướp

Ta đã biết sau khi thân xác một con vật đã chết rồi, nhiều cơ quan và tổ chức tế bào trong thân xác nó vẫn còn sống. Nhưng có khi nào trong một tế bào đã chết, một phần tế bào vẫn còn sống được không, nói một cách khác, nhiều phần tử của nguyên sinh chất (protoplasme) vẫn giữ được chẳng phải tính chất sống thì ít ra tính chất sinh hoạt về phương diện sinh lý ?

Người ta biết có những hiện tượng như thế và có thể đem liên hệ với

việc nghiên cứu hiện tượng sống sót.

Trong những tế bào hết sinh sống — nghĩa là hết cử động, mất khả năng hấp thụ thức ăn và sinh sản — có thể còn lại những chất men, những phân tử phức tạp, tác động đúng với những phản ứng của sự sống.

Tế bào truyền giống của loài ếch để khô hẳn hay ngâm vào glycérine nguyên chất, còn giữ được khả năng sau đây : nếu được đưa vào trong một cái trứng ếch, trứng bị phân tách ra, cho tới nay người ta chưa biết được chất hóa học nào có tác dụng như vậy. Người ta nghĩ rằng tế bào truyền giống của loài ếch có khả năng ấy là vì trong tế bào có chất ribonucléo-protéine.

Một vài phần tử của tế bào sinh vật có sức chịu đựng rất dị kỳ vì vậy chúng còn nguyên vẹn trong một thời gian lâu kinh khủng. Những xác ướp Ai-Cập đã lâu đời tới năm ngàn năm mà người ta còn thấy trong máu có những kháng tố riêng biệt của từng loại máu.

Sau hết, người ta có thể rút từ trong tế bào ra một loại a cít — a cít désoxy ribonucléique (DNA) — tuy a cít đó không còn sinh sống, nhưng cho vào một tế bào truyền giống sống, nó có thể làm biến đổi tính chất đi.

Chắc rằng đây không phải là một trường hợp sống sót, nhưng là trường hợp tế bào giữ nguyên những khả năng sinh lý mà cho tới ngày nay chưa một chất hóa học trong phòng thí nghiệm nào có cả.

Trái lại, người ta có thể tước bỏ hết đặc tính sinh sống của một tế bào : chiếu quang tuyến X vào tế bào truyền giống, tuy chúng vẫn còn hoạt động, còn chui vào được trong trứng để làm thụ thai, nhưng nó không thể truyền lại những đặc tính di truyền n à bình thường nó vẫn có.

Xem như vậy thì khoa học có thể tước bỏ khả năng di truyền của tế bào hay tàng trữ tế bào dưới hình thức vật chất bất động.

Có thể nói rằng những kết quả dị thường của phương pháp thí nghiệm sinh vật học hiện nay buộc người ta phải xét lại cả quan niệm về sự sống ; nói như vậy có gì là quá đáng chăng.

CỐ LIÊU

Viết theo J. ROSTAND

● Đối với những tâm hồn thật có thiện chí, không có giờ phút nào mà không có bổn phận của giờ phút đó.

J. Lemaitre

● Tiêu cực, lãnh đạm, hoài nghi đều không phải là nguồn mạch phát sinh ra hành động.

Salazar

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1 000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Accra, Kano Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co Inc).

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N $ 50 000 000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : **VIETNAMBANK**

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Touraine), 59 đường Độc-Lập

ĐAM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

TÂN PHONG

Từ thi đua hòa bình đến sống chung hòa bình!

HAI danh từ sống chung hoà bình (coexistence pacifique) và thi đua hoà bình (compétition pacifique) đều là những danh từ do sáng kiến của cộng sản, đề ra trong từng giai đoạn để chiến đấu với thế giới tư bản bao bọc xung quanh, gậm nhấm dần dần đến một ngày kia thấy không cần thiết nữa sẽ nổ bùng ra bằng cuộc cách mạng toàn thế giới. Thực ra hai danh từ đó không còn lạ gì với chúng ta. Nhiều người đã nghe nói tới năm nguyên tắc sống chung hoà bình. Và chúng ta đều biết là Nga-Xô trong chương trình bảy năm của mình dự định bắt kịp Mỹ và vượt Mỹ trong việc nâng cao mực sống tính theo đầu người và vượt Mỹ vì khối lượng hàng hoá sản xuất. Nhưng nếu chỉ có thế thì vấn đề cũng không có gì đáng nghiên cứu cả. Cái đáng nghiên cứu là cộng sản đã áp dụng chiến lược đó như thế nào? Và trong việc áp dụng đó đã có những khuynh hữu, khuynh tả gì? Đó cũng là vấn đề mâu thuẫn trầm trọng giữa Nga-Xô và Trung-Cộng ngày nay.

Vậy vấn đề sống chung hoà bình và thi đua hoà bình đã đặt ra từ bao giờ trong ý thức hệ cộng sản và ngày nay nó đã tiến triển đến đâu. Ta có thể phân biệt ở đây ba thời kỳ.

I) Thời kỳ nguyên thủy từ Lénine qua Staline.

II) Thời kỳ của chủ nghĩa sống chung hòa bình.

III) Thời kỳ của Khrouchtchev chủ trương thi đua hòa bình.

Sau đó ta sẽ phân tách mâu thuẫn lý tưởng giữa Trung-Cộng và Nga-Xô đối với vấn đề trọng hệ này. Đó là vấn đề mà Mao-Trạch-Đông đã chú trọng tới trong bức thư trả lời Khrouchtchev vào tháng 3-63 vừa qua và đó cũng là vấn đề mà Lưu Thiều Kỳ, chủ tịch Trung-Cộng đã nêu ra và gián tiếp chỉ trích Nga trong cuộc viếng thăm

Bắc-Việt khoảng thượng tuần tháng 5 1963.

Thời kỳ thứ nhứt

Chủ nghĩa sống chung hòa bình trong thời kỳ Lénine và Staline. — Thời kỳ này bắt đầu từ khoảng sau cách mạng tháng 10 và cho đến sau đại chiến thứ 2. Ngay từ khi Lénine còn sinh thời, ông đã nhận thấy thế còn non kém của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới xung quanh toàn là những nước đại tư bản hùng cường. Nga-Xô đã từng chịu đựng những tấn công vô cùng dữ dội của Bạch quân do các nước Anh Pháp Mỹ, Thổ võ trang và nâng đỡ. Sau khi đánh tan được Bạch quân rồi, Lénine biết là chưa thể phá vỡ được thế bao vây của các cường quốc tư bản. Nên ông đã nêu lên mấy nguyên tắc sau đây để các đồng chí sau này của ông áp dụng :

1) Tấn công chủ nghĩa tư bản không phải vào chỗ khỏe nhất của nó (không giống với ý kiến của Marx) mà vào cái khâu nào yếu nhất của nó. Do đó ông đi đến một tiên tri mà ngày nay đã được thực hiện một phần nào. Câu tiên tri đó là : « Con đường đi từ Moscou đến Paris phải qua Bắc-Kinh ».

2) Muốn cho nhà nước một ngày kia tự tiêu diệt đi, trước hết phải củng cố nó hơn bao giờ hết. Vì thế phải lập ra chính quyền vô sản chuyên chính với những phương tiện mạnh mẽ nhất để đè bẹp các giai cấp tư bản địa chủ trong nước và diệt ngay từ trong trứng tất cả những mầm móng muốn trở lại chủ nghĩa tư bản ở trong nước.

3) Trong chính sách đối ngoại, cần phải giữ vững đường lối « sống chung hòa bình » với các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng phải tìm cách chia rẽ các nước đó đến tột độ và nếu cần có thể gây ra những cuộc đế quốc chiến tranh, thế lực của đế quốc càng kém đi bao nhiêu thì thế lực Cộng-sản quốc tế càng mạnh thêm lên bấy nhiêu. Vậy cái chính sách « sống chung hòa bình » theo Lénine chỉ là một chính sách bất đắc dĩ không thể tiêu diệt nổi các nước tư bản nên phải tạm thời hòa hoãn với họ. Nhưng tuy sống chung đấy nhưng không bỏ lỡ dịp nào huých cho họ những đòn chí tử.

Để áp dụng những di chúc của Lénine, Staline đã có những hành động như sau :

1) Về phương diện đối nội, củng cố chính quyền độc tài của mình bằng cách tiêu diệt tất cả những bọn đồng chí tả khuynh hay hữu khuynh, thanh trừng nội bộ rất gắt gao.

— Chống lại chủ trương khuynh tả, Staline đã tìm cách ám sát Trotsky ở Mexique, (Trotsky là lãnh tụ của khuynh hướng đệ tứ quốc tế). Theo Trotsky thì Cuộc cách-mạng vô sản phải là một cuộc cách-mạng thường-trực (Théorie de la Révolution permanente)

không thể nào có sự thoả hiệp với tư bản được. Hệ thống công dân chủ-nghĩa phải luôn luôn mở rộng phạm-vi hoạt động không một lúc nào ngừng. Chủ trương của Trotsky là phải thực hiện cách mạng vô sản trên toàn thể giới, nếu không thì nước vô sản chủ nghĩa sẽ bị cô lập và một ngày kia sẽ bị tiêu diệt.

— Chống lại chủ trương khuynh hữu, Staline đã kết án Boukharine là tên phản bội đã đi theo đệ nhị quốc tế và bán đứng nước xã hội chủ nghĩa cho đế quốc. Theo Staline không thể dùng con đường nghị viện làm con đường tranh đấu duy nhất ở các nước tư bản chủ nghĩa. Ở các nước này phương tiện tranh đấu quần chúng là phương tiện chính còn phương tiện tranh đấu nghị viện chỉ là phương tiện phụ mà thôi. Nếu chỉ chú trọng đến phương tiện tranh đấu nghị viện mà sao lãng phương tiện tranh đấu quần chúng tức là hữu khuynh, làm tiêu diệt dần dần lực lượng cộng sản ở các nước tư bản và khiến cho nước xã hội chủ nghĩa bị lâm vào một thế bao vây hiểm nghèo hơn Để thống nhất hành động của các đảng cộng sản, Staline đã thành lập tổ chức Komintern để điều khiển tất cả những hoạt động cộng sản từ Moscou. Sau này vì muốn để cho các nước tự do đỡ lo ngại trong công cuộc chống phát xít là kẻ thù chung của nhân loại, Staline đã giải tán tổ chức Komintern nhưng rồi sau này lại thành lập tổ chức Kominform (Thông Tin quốc tế C.S) có vẻ lỏng lẻo hơn vì các đảng cộng sản đã trưởng thành. Những cuộc thanh trừng đẫm máu xảy ra vào khoảng những năm 1936-1940, là cốt để cho Staline củng cố chính quyền để đối phó với các nước tư bản càng ngày càng cường thịnh.

2/ — Về phương diện đối ngoại, Staline đã tóm tắt tư tưởng của mình trong quyển sách « Les questions du Léninisme » trong đó có hai vấn đề mà chúng ta cần lưu ý trong mục khảo cứu này là vấn đề dân tộc và vấn đề chung sống hoà bình.

a/ — *Vấn đề dân tộc.* — Trong vấn đề này Staline chủ trương xây dựng cho các nước Cộng Hòa xã hội Trung Á vốn dĩ là những quốc gia chậm tiến ví dụ như Azerbeijan, Turkmenistan, Tadjikistas, thành những nước tiến tiến về mọi mặt (kinh tế, văn hoá, xã hội) để lấy những nước đó làm mẫu cho những quốc gia chậm tiến Á Phi muốn tìm một con đường để thoát ra khỏi tình trạng kém mở mang của mình. Staline đã theo đúng con đường mà Lenine đã vạch ra nhằm khuấy rối các nước tư bản trên lãnh vực các quốc gia thuộc địa, khích động chủ nghĩa dân tộc tại các quốc gia thuộc địa này, nâng đỡ những phong trào dân tộc giải phóng dù là do Cộng sản hay không phải cộng sản giật dây. Vì thế cho nên ta thấy Staline, trong mười mấy năm trời, từ khi Bắc Phạt thành công ở Trung quốc (1928) cho đến khi hết đại chiến thứ hai, vẫn

coi Tưởng-Giới-Thạch là vị lãnh tụ vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc Trung-Hoa vì Staline không tin tưởng lắm ở khả năng của đảng Cọng sản Trung-Hoa (Hồi đó còn căn cứ ở Diên-An). Mãi đến khi Cộng-sản thắng lợi lớn ở Trung Quốc (từ năm 1948), Staline mới quyết định tích cực viện trợ cho Trung-Cộng. Vì thế cho nên ngày nay các nhà lãnh tụ Trung-Cộng vẫn có thể tự hào là tự họ đã làm lấy một phần lớn cuộc cách mạng của họ. Họ tự coi như là những nhà lãnh đạo chủ nghĩa Mắc-Lê nói chung và chỉ tôn trọng các bậc thầy như Marx Engels, Lénine, Staline. Khrouchtchev người kế vị Staline sau những cuộc tranh quyền đoạt vị không lấy gì làm cao đẹp lắm trước, mặt những người Cộng-sản Trung-Hoa nên đã không chinh phục được lòng kính nể của họ. Đối với họ, Khrouchtchev không đáng mặt một bậc thầy như Staline. Khi phong trào hạ bệ Staline nổi lên, họ tỏ vẻ bất bình ; đến khi Khrouchtchev có nhiều xu hướng muốn thoả hiệp với các nước Tây-phương để đi đến một giải pháp chung cho thế giới ngày nay, Trung-cộng càng tỏ ra vẻ bất bình hơn nữa và coi Khrouchtchev và đồng bọn như là những người theo chủ nghĩa xét lại hiện đại (revisionnisme moderne). Tuy nhiên, xét cho cùng thì ta thấy Khrouchtchev ngày này cũng chỉ là áp dụng một cách mềm dẻo hơn chủ trương của Staline thời trước. Thực vậy Staline thời trước cũng đã nghĩ đến việc khuyến khích các cuộc cách mạng dân chủ dân tộc miễn là bản chất của nó có tính cách chống đế quốc chủ nghĩa. Staline đã từng nâng đỡ cuộc cách mạng Thổ do Kémal Ataturk lãnh đạo, nâng đỡ phong trào bình dân ở Tây - Ban - Nha đứng cùng một phe với các nước Anh Pháp chống lại chế độ độc tài của tướng Franco, giao hảo với thủ tướng Nehru của Ấn-Độ mà chính Staline cũng coi là một vị lãnh tụ xứng đáng và đẩy khả năng của dân tộc Ấn. Staline cũng không hề dụng chạm đến chế độ quân chủ của Afghanistan, miễn là nước này đứng hẳn về phe mình và ra mặt chống lại sự lan tràn ảnh hưởng của đế quốc Anh đi từ Ai-Cập, Ba Tư qua Hồi-quốc, Ấn-Độ. Chính các nước tư bản như Anh Pháp hồi đó không sợ ảnh hưởng của cộng sản ở ngay chính nước họ bằng ở các thuộc địa vì chính ở các nước nay mới có đầy đủ điều kiện cho con vì trùng cộng sản phát triển.

b) — *Vấn đề chung sống hòa bình.*— Chưa thể tiêu diệt được đế quốc chủ nghĩa, Staline chủ trương còn phải chung sống với họ. Chính Lénine đã nói : « Chúng ta còn phải học hỏi rất nhiều của kẻ thù chúng ta ». Khi giải thích chủ nghĩa cộng sản, Lénine đưa ra một công thức rất giản dị : Cộng sản : Soviet (Xô Viết) + électricité (điện). Điều đó chứng tỏ là ngay từ thời Lénine cộng sản cũng đã chú-trọng rất nhiều đến vấn đề kỹ thuật.

Sau này Staline cũng viết : Phải biết phối hợp óc thực tiễn Mỹ (le praqmatisme américain) với tinh thần

cách mạng Nga (l'esprit révolutionnaire Russe). Staline đã chủ trương lập lại quan hệ giao hảo với tất cả các nước tư bản, xin gia nhập Hội Liên Quốc (Société des Nations) dùng tổ chức này để củng cố địa vị của mình trên thế giới. Cho đến khi Staline chết, Nga Xô đã đi từ chỗ không được một nước nào trên thế công nhận, đến địa vị một cường quốc lãnh đạo trong thế giới ngày nay. Đó cũng là vì Staline biết áp dụng chủ nghĩa sống chung hòa bình với các nước tư bản chủ nghĩa, nhằm gạt bỏ những mũi dùi của các nước hướng vào mình biến những cuộc mâu thuẫn đế quốc thành những cuộc đế quốc chiến tranh. Có thể nói là Staline đã thành công trong nhiệm vụ đó. Trước thế chiến II, Nga Xô đã từng đứng với Anh-Pháp trong mặt trận dân chủ chống Pháp xít. Rồi bỗng dưng Staline quay trở lại ký hiệp ước bất xâm phạm với Hitler để phân chia Ba-Lan với Hitler khiến Anh Pháp điên đầu, nhượng bộ Hitler thật nhiều ở Munich mà vẫn không ngăn cản được chiến tranh bùng nổ. Lúc đó là một cuộc đế quốc chiến tranh đúng như Staline mong muốn. Nhưng đến khi Hitler quay trở lại xâm lược Nga Xô thì Staline lại liên kết chặt chẽ với Anh Mỹ Pháp để đương đầu với hiểm họa Phát-xít. Đến khi Phát xít bị tiêu diệt thì chỉ còn lại hai hệ thống đối lập nhau : Một hệ thống xã hội chủ nghĩa (cộng sản) do Nga Xô đứng đầu, một hệ thống dân chủ tự do do Hoa Kỳ lãnh đạo. Trong Liên Hiệp Quốc, địa vị của Nga càng được củng cố thêm với quyền phủ quyết. Staline quả đã có công lớn trong việc xây dựng cho Nga Xô trở nên một quốc gia hùng cường bậc nhất nhì trên thế giới, sau bao cuộc thanh trừng đẫm máu trong nội bộ chống lại chủ trương tả khuynh, hữu khuynh, và sau nhiều thành tích ngoại giao đáng kể khiến Nga-Xô đóng một vai trò cần thiết trên chính trường quốc tế. Chính sách sống chung hòa bình với Tây Phương của Staline căn cứ trên mấy điểm sau :

— Trao đổi sản phẩm và nguyên liệu với các nước tư bản để vừa có thể mua được những hàng hóa mà mình chưa chế tạo nổi và cũng vừa là để học hỏi kỹ thuật của những nước tư bản tiến tiến.

— Gây chiến tranh lạnh ở những khu vực nào trên thế giới mà cả hai bên đều sợ không muốn để cho chiến tranh nóng xảy ra, gây chiến tranh nóng ở những khu vực nào họ tính có thể nuốt trôi mà không nguy hại lắm cho hòa bình thế giới.. Nếu tình hình quá căng thẳng thì 2 bên lại ngồi vào bàn hội nghị.

— Chủ trương ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc, chống đế quốc chủ nghĩa. Do đó Nga-Xô đã gây được cảm tình với một số quốc gia dân tộc chủ nghĩa, gây áp lực đối với Tây-Phương (ví dụ như vụ Anh Pháp đổ bộ lên chiếm đóng kênh Suez, sau

lại phải rút lui vì sự đe dọa của Nga).

— Dùng Hội Liên Quốc (SDN) và cả Liên-Hiệp-Quốc làm diễn đàn để công kích các nước Tây-Phương và Thân Tây-Phương, khiến cho lập trường của họ được nhiều người biết tới mà nghe theo. Sống chung hòa bình với Tây-Phương họ đã tìm cách chia rẽ các nước này, họ có thể nhượng bộ một số nước và lại khắt khe đối với một số nước khác. Các nước Tây-Phương chỉ đoàn kết về phương diện chống cộng nhưng rất ít đoàn kết về phương diện quyền lợi, do đó họ không cương quyết chống cộng như nhau. Ví dụ như Anh công nhận Nga-Xô 10 năm trước Hoa-Kỳ, do đó họ đã hưởng lợi rất nhiều trong cuộc buôn bán với Nga-Xô. Đối với Trung-Cộng cũng vậy, Anh Quốc công nhận Trung-Cộng có tới hơn 10 năm nay trong khi đó Hoa-Kỳ vẫn còn chủ trương bao vây lục địa và tuyệt đối không giao dịch với Trung-Cộng.

— Khuyến khích để các đảng cộng sản địa phương tranh đấu công khai trong quần chúng và trên nghị trường ở những nước tư bản tiến tiến như Anh, Pháp, Ý theo chế độ nghị viện và tranh đấu bí mật, với những hành động phá rối và lật đổ ở những nước nhược tiểu mà tình trạng đã chín mùi cho một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, hay dân tộc chủ nghĩa»

— Cuối cùng Staline chủ trương tăng cường quân lực tới một mực độ tối đa để cho bất cứ một nước tư bản nào có ý muốn lật đổ chế độ Xô Viết cũng phải e ngại như Đức trước kia và Hoa-Kỳ ngày nay.

Tóm lại chính sách chung sống hòa bình của Nga là phải mạnh để bắt tay với các nước khác trên một lập trường bình đẳng và dĩ nhiên là có lợi cho Nga. Nếu sống chung hòa bình chỉ có vậy thì Khrouchtchev ngày nay chẳng qua cũng chỉ là kẻ tục sự nghiệp của Staline mà thôi. Nếu hết thì tại sao Khrouchtchev lại hăng hái hạ bệ Staline và Trung-Cộng cũng lại hăng hái chống đối Khrouchtchev đến như vậy ? Trung-Cộng chỉ tán thành Staline ở chỗ Staline đã nêu lên con đường cách mạng để giải quyết những vấn đề dân tộc có lợi cho họ. Còn Khrouchtchev tuy hăng hái hạ bệ Staline nhưng lại có thể được coi là người kế vị xứng đáng nhất của Staline. Y hạ bệ Staline là vì muốn nâng cao địa vị của mình, chống tôn thờ chủ nghĩa cá nhân là cốt để người ta chú trọng đến cá nhân mình và chống thanh trừng đẫm máu là để đề phòng bị phe đối lập hạ bệ. Thực ra chủ trương của Khrouchtchev ngày nay vẫn là chủ trương của Staline thời trước. Trong thời gian cuối đời của ông, Staline đã tỏ ra lẫn cẫn, không còn sáng suốt như xưa, chú trọng đến những phương pháp độc tài đẫm máu hơn là đường lối thuyết phục cách mạng. Người ta có thể nói là vào hồi cuối đời của ông, Staline đã chống lại Staline. Chính Khrouchtchev mới thật là một Staline sáng suốt biết thích hợp với những đòi hỏi của tiến hóa. Căn bản của chủ nghĩa Staline

là sự ưu tiên tuyệt đối dành cho quyền lợi quốc gia Nga-Xô. Vì thế cho nên từ lúc khởi thủy, Staline đặt quyền lợi của quốc gia Nga-Xô lên trên quyền lợi nhân dân, cốt sao xây dựng cho Nga-Xô thành một quốc gia hùng cường đã : Trong những năm sau chiến tranh, địa vị của Nga-Xô đã được củng cố rồi, Staline chú trọng đến việc nâng cao mực sống của nhân dân Nga mặc dầu tại các nước chư hầu Đông-Âu, cuộc kiến thiết mới chỉ bắt đầu và rất cần đến sự giúp đỡ của Nga Sô, mặc dầu cuộc cách mạng Trung-Cộng tuy thành công nhưng còn trong trứng nước. Khrouchtchev ngày nay đã chẳng theo chính sách đó sao ? Ông đặt nặng vấn đề hùng cường của Nga-Xô bằng việc tiếp tục thử vũ khí nguyên tử và phóng phi thuyền không gian. Ông cũng chú trọng đến việc nâng cao mực sống của nhân dân Nga để cho họ được tự do hơn. Nhưng ông đặt nhẹ vấn đề giúp đỡ các nước Cộng sản anh em kiến thiết trong khi ở các nước « dân tộc chủ nghĩa » Á Phi, viện trợ của họ lại có vẻ nhiều và vô điều kiện hơn. Đó cũng là một vấn đề mâu thuẫn Nga - Hoa trong việc tranh đoạt ảnh hưởng ở các quốc gia chậm tiến nhằm mục đích sống chung hòa bình mà chúng ta sẽ bàn tới trong đoạn sắp tới.

Thời kỳ thứ hai

Thời kỳ này — từ 1954 cho đến 1960 và vẫn còn kéo dài cho tới ngày nay — tức là thời kỳ ảnh hưởng của Trung Cộng bắt đầu lan tràn xuống vùng Nam-Á, Phi - Châu và Châu-Mỹ La Tinh. Đó cũng là thời kỳ của năm nguyên tắc sống chung hòa bình (1) mà Trung-Cộng và Ấn-Độ đã đề ra vào năm 1954 và làm khuôn vàng thước ngọc cho những giao dịch giữa các nước Cộng sản và các nước thuộc thế giới thứ ba. Trong thời kỳ này ảnh hưởng của Trung - Cộng lan tràn mạnh hơn ảnh hưởng của Nga - Xô nhất là đối với những nước Á-Phi. Các nước này thường coi người Nga vào loại những nước da trắng giầu thịnh trước kia đã cai trị họ. Còn người Trung-Hoa đối với họ chỉ như là một bậc đàn anh đã đi trước để cho họ noi gương theo (phải nói trước là hiện nay nhiều nước đã thất vọng). Họ không có cái tự ti mặc cảm hay cái căm hờn đối với người da trắng trước kia đã đè nén họ. Sự thắng lợi của ảnh hưởng Trung Cộng trong các hội nghị Á Phi đã khiến cho Nga - Xô đau khổ mà không dám nói ra. Mâu thuẫn Nga-Xô — Trung-Cộng phát sinh ra ngay từ thời đó. Để yên lòng các nước thuộc thế giới thứ ba (tiers monde), Chu-Ân-Lai đã từng tuyên bố nhiều lần : « Cách mạng không phải là một thứ hàng hóa mà người ta có thể xuất cảng được ». Nói như vậy là cốt để ám chỉ rằng cách mạng

(1) Năm nguyên tắc sống chung (cinq principes du Penchila) đó là :

1) Không xâm phạm lẫn nhau.

2) Tôn trọng chủ quyền của nhau.

3) Không nhúng tay vào công việc nội bộ của nhau

4) Tương trợ lẫn nhau.

5) Giao thiệp với nhau trên căn bản bình đẳng và lưỡng lợi.

ở nước nào là do dân nước ấy làm lấy. Trung Cộng hứa sẽ không can thiệp có hại cho chính phủ các nước khác dù rằng hai chế độ chính trị khác nhau rất nhiều Chứng cớ là có nhiều chính phủ Á-Phi đã triệt để chống cộng mà vẫn giao hảo với Nga - Xô và Trung-Cộng. Nhưng ngày nay nhiều nước Á-Phi đã tỏ ra thất vọng vì nếu Trung-Cộng đã không công khai can thiệp, thì đã ngầm ngấm can thiệp, giúp đỡ các lực lượng cộng sản địa phương gây khó khăn cho chính phủ hợp pháp của họ. Sự xâm lăng của Trung-Cộng đi với Ấn-Độ ở vùng biên giới NEFA đã khiến cho nước này phải vỡ giấc mộng sống chung.

Để bênh vực lập trường sống chung hòa bình của mình, Trung-cộng đã gay gắt chỉ trích Nga Xô ở hội nghị Le Caire và hội nghị Moshi về những điểm sau đây :

— Nga-Xô đã chú trọng quá đến vấn đề kỹ thuật để đấu tranh với đế quốc, trong khi đó cần phải chú trọng nhiều hơn đến các dân tộc nhược tiểu để giúp họ ra khỏi bàn tay của đế quốc.

— Nga-Xô đã thỏa hiệp với đế quốc trên nhiều vấn đề căn bản có quan hệ sinh tử đối với các dân tộc nhược tiểu. Vụ rút lui ở Cuba của Khrouchtchev bị người Trung-Hoa coi là một cuộc rút lui nhục nhã không kém gì vụ Munich khi xưa của Anh Pháp trước áp lực của Đức Ý.

— Trung-Cộng cho rằng Nga-Xô đã bỏ rơi các dân tộc chậm tiến để đi vào một cuộc thi đua không cần thiết với Hoa-Kỳ, nhiều khi lại xích gần lại Hoa-Kỳ về phương diện kỹ thuật mà quên mất những nhu cầu thiết yếu của các dân tộc nhược tiểu và cả của các nước Cộng-sản anh em. Sở dĩ Trung-Cộng làm dữ như vậy là vì họ muốn thay thế vào ảnh hưởng của Nga, đã bị sút kém nhiều, để lãnh đạo phong trào Á-Phi. Họ đã thành công phần nào trong hội-nghị Moshi ở Tanganyika hồi đầu năm nay. Riêng đối với Ấn-Độ là một nước cũng muốn tranh quyền lãnh đạo các dân tộc Á-Phi với Trung-Cộng, Trung Cộng tìm cách gây ảnh hưởng làm mất uy tín của Ấn-Độ trên trường Quốc-Tế. Cuộc xung đột biên giới Hoa-Ấn và sự thất bại của Ấn ở vùng NEFA đã cho các nước Tây-phương biết rằng Trung-Cộng có đầy đủ khả năng vượt qua dãy Himalaya và tiến xa hơn nữa, nhưng cũng là một dịp để Trung-Cộng thử thách Nga-Xô xem trong cuộc xung đột đó, Nga-Xô nghiêng về bên nào : Một bên là một nước anh em bướng bỉnh, một bên là một nước trung-lập nhưng có nhiều xu hướng khuynh hữu, nhất là lại được Anh Mỹ viện trợ. Thực ra Trung-Cộng đã đặt Nga trước một tình trạng hết sức khó xử. Vì thế cho nên Nga không dám đứng làm trung gian hòa giải mà để cho các nước Trung lập khuynh tả. Nhiều người đã lên án Trung-Cộng, trong cuộc tấn công Ấn-Độ là đã từ bỏ năm nguyên tắc sống chung hòa bình và Trung-Cộng đã để lộ nguyên hình là một nước hiếu chiến lúc nào.

cũng muốn gây rối loạn ở Đông-Nam Á để trục lợi. Nhưng trong cuộc thăm viếng Bắc-Kinh của vua Lào và của Sihanouk nhất là trong cuộc thăm viếng Cao Miên của Lưu-Thiếu-Kỳ chủ tịch Trung-Cộng. Năm nguyên tắc sống chung hòa bình vẫn được đề ra. Trong một bài diễn văn đọc trước dân chúng Hà-Nội tại vườn hoa Ba-Đình, họ Lưu đã vạch rõ vấn đề chung sống hòa bình một cách rõ ràng hơn. Theo họ Lưu thì chỉ có thể chung sống hòa bình giữa những nước trước kia đã bị chung nạn thống trị của đế quốc và ngày nay đang cố gắng xây dựng xứ sở. Không thể nào có chung sống hòa bình giữa những nước đi áp bức và những nước bị áp bức, giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị, nói khác đi theo họ thì chung sống hòa bình cũng phải có giới hạn. Lập trường của Trung-Cộng đã tỏ ra rất rõ ràng và có vẻ như đối lập với thuyết sống chung hòa bình của Nga-Xô. Theo thuyết của Nga-Xô thì vũ khí nguyên tử ngày nay có thể tiêu diệt được cả nhân loại. Vậy thì tất cả các nước trên thế giới đều phải chung sống hòa bình với nhau, đã là tư bản vô sản, mỗi nước có đường lối riêng của mình, không ai xâm phạm đến ai. Nga-Xô đã khuyên sỏ Trung-Cộng là đừng khinh thường Hoa-Kỳ là con hổ giấy, nhưng « con hổ giấy đó có răng nguyên tử ». Trung-Cộng vội đáp lại liền : « tuy nó có răng nguyên tử nhưng nó vẫn là con hổ giấy ». Không thể vì sợ Hoa-Kỳ mà bỏ cuộc đấu tranh chống « đế quốc chủ nghĩa » cần phải thắt chặt hàng ngũ giữa các quốc gia « xã hội chủ nghĩa » và các quốc gia « dân tộc chủ nghĩa » chống lại « đế quốc chủ nghĩa và tay sai ».

Ngày 25-4-63 trước một phái đoàn công nhân kỹ-nghệ xây dựng tại điện Cẩm-Linh, Khrouchtchev đã đọc một bài diễn văn lâu tới 3 tiếng đồng hồ trong đó ông nhấn mạnh không thể có sống chung hòa bình giữa tư tưởng xã hội và tư tưởng tư bản và đi đến kết luận là tư tưởng xã hội sẽ thắng.

Ta nhận thấy ở đây Khrouchtchev không nói tới hợp tác vật chất mà chỉ nói đến chung sống hòa bình trên phương diện lý tưởng. Điểm thứ hai là ông đã nhấn mạnh vào điểm này trước khi có một cuộc hội nghị giữa hai trung ương cộng đảng Nga-Xô và Trung-Cộng vào tháng 7/63, phải chăng Khrouchtchev đã sửa soạn trước một con đường thỏa hiệp trước thái độ cứng rắn của Trung-Cộng. Nếu như vậy thì Khrouchtchev đã đi xa với lập trường lúc ban đầu của ông sao ? hay đó chỉ là một chiến thuật mới của Nga Xô để ve vãn làm dịu lòng Trung Cộng ? Chứng cớ là hôm 1-5, Khrouchtchev đã đón tiếp Fidel Castro một cách vô cùng trọng thể ở Công trường đỏ. Ai cũng biết Trung-Cộng đã từng ủng hộ lập trường cứng rắn của Fidel Castro và tận tình giúp đỡ Cuba chống lại việc Mỹ có thể xâm lược xứ này. Việc đón tiếp F. Castro tại Công trường đỏ là một việc chưa từng có trong nền ngoại giao Nga, chỉ có thể cắt nghĩa bằng việc Nga-Xô muốn hòa dịu với Trung-Cộng.

Đúng trên quan điểm của các nước chậm tiến Á-Phi và Châu Mỹ La tinh thì sống chung hòa bình nghĩa là giữ một thái độ trung lập giữa các nước thuộc thế giới tự do và các nước thuộc khối cộng sản. Họ có một đường lối chính trị riêng biệt mà không một nước nào được xâm phạm tới. Họ nhận viện trợ của bất cứ nước nào muốn giúp đỡ họ, miễn là viện trợ đó không kèm theo điều kiện. Họ giao hảo với tất cả các nước trên thế giới không phân biệt là tự do hay cộng sản. Vì cộng sản khéo ve vãn hơn nên có nhiều nước tin tưởng ở đường lối sống chung hòa bình của cộng sản mà có xu hướng khuynh tả. Nhiều nước khác như Ấn-Độ đã tan vỡ mộng sống chung với cộng sản, muốn quay về với Tây phương nhưng lại không muốn để Tây Phương chi phối đường lối chính trị của mình. Các nước Tây phương phần nhiều là các cựu đế quốc, có nền kinh tế mở mang, phồn thịnh, lúc đầu chỉ muốn giao dịch với các nước đó trên một quan hệ bất bình đẳng vì họ muốn rằng chỉ có họ là những nước chế tạo ra các sản phẩm, còn các nước chậm tiến chỉ là một thị trường tiêu thụ những nguồn cung cấp nguyên liệu. Vì thế cho nên dù phải trả độc lập chính trị, họ vẫn tìm cách chi phối nền kinh tế các nước chậm tiến, cản trở các nước này tiến tới một nền độc lập kinh tế thực sự. Viện trợ Hoa-Kỳ cho các nước chậm tiến, thực ra rất rộng rãi, nhưng ít nước nhận viện trợ này mà lại biết ơn Hoa-Kỳ, vì họ thấy viện trợ đó làm cho nền kinh tế non kém của họ khó lòng tự túc nổi. Trong mười năm gần đây hàng mấy chục tỉ dollars Hoa-Kỳ đã ném vào công cuộc viện trợ các nước nhược tiểu nhưng lại kèm theo nhiều điều kiện. Do đó có nhiều nước đã không muốn nhận viện trợ đó để giữ vững chủ quyền độc lập. Viện trợ của Nga-Xô khôn khéo hơn nhiều về số lượng còn xa mới bằng Hoa-Kỳ nhưng kết quả cụ thể của nó là các nhà máy, các đập nước, các nhà thương, các trường học, đó là những cái đã đập vào thị quan của nhân dân các nước nhược tiểu. Hàng hóa của họ không cạnh tranh với hàng hóa các nước chậm tiến mà viện trợ của họ lại nhắm mục đích giúp họ mau tiến tới độc lập kinh tế. Lúc đầu ta tưởng mục đích đó là bất vụ lợi. Nhưng thực ra là rất vụ lợi vì nó đã kéo các nước nhược tiểu ra khỏi vòng kiềm tỏa của Hoa-Kỳ là kẻ thù nguy hiểm nhất của cộng sản. Đến nay có lẽ Hoa Kỳ đã nhận thấy một phần nào sự sai lầm của mình nên đã thay đổi chính sách viện trợ nhằm giúp các quốc gia chậm tiến xây dựng các cơ sở sản xuất, tiến tới một mực sống cao hơn, do đó mới có thể chống cộng hữu hiệu hơn.

Các nước nhược tiểu không thích gì hơn là được sống chung hòa bình với tất cả các nước trên thế giới. Trung cộng đã khôn khéo nắm lấy ý muốn sống chung đó mà đề ra chủ nghĩa sống chung hòa bình thu hút một số lớn nước trung lập và phá vỡ nhiều dự tính do Mỹ đề ra. Ví dụ nếu Trung Cộng tỏ ra vụng về, hung hãn, hiếu chiến, khiến

các nước chậm tiến Đông Nam Á phải lo sợ và đoàn kết lại, thì chắc chắn tổ chức SEATO do Hoa Kỳ đề ra ở Viễn Đông sẽ gồm nhiều hội viên Á Châu hơn nữa chứ không phải chỉ vẻn vẹn có ba nước Á Châu như ngày nay.

Cho tới nay mặc dầu có cuộc tranh chấp biên giới Trung Ấn, Trung Cộng vẫn giữ vững được đường lối sống chung hòa bình của mình không những đối với phần lớn các nước Phi Châu và Á Châu như Indonésia, Miến Điện, Cam Bốt, Ceylan nghĩa là phần lớn các nước quốc gia không liên kết mà còn cả đối với một số nước tuy thân Tây phương nhưng cũng không muốn gây oán thù với Trung Cộng (như Thái Lan, Mã Lai), hoặc có xu hướng tiến gần Trung Cộng hơn (như Pakistan). Ngay đến cả Châu Mỹ Latinh, khu vực độc quyền của Hoa Kỳ cũng chịu ảnh hưởng đường lối sống chung hòa bình của Trung Cộng. Đường lối đó có tính cách cách mạng hơn hay nói theo danh từ Tây Phương nó có tính cách hiếu chiến hơn là đường lối sống chung hòa bình của Nga Xô. Các nước nhược tiểu nào còn cảm thấy sự đè nén áp bức của đế quốc chủ nghĩa thường nghiêng theo đường lối của Trung Cộng. Chỉ có những nước cộng sản Đông Âu và những đảng cộng sản tại các nước Tây Phương (như Ý và Pháp) là những nơi mà nền kinh tế đã khá mở mang, mực sống nhân dân đã khá cao là muốn nghiêng theo đường lối của Nga Xô. Đường lối đó dựa trên sức mạnh về kinh tế và thi đua vượt nhau với các nước tư bản trên lãnh vực kinh tế, hết sức tránh chiến tranh để tiến tới một thế giới phồn thịnh. Trong thế giới đó, họ tin chắc là lực lượng kinh tế của các nước cộng sản sẽ đè bẹp lực lượng kinh tế của các nước tư bản và thắng lợi cuối cùng sẽ về tay họ. Đó là đường lối thi đua hòa bình (compétition pacifique). mà Nga Xô đang tích cực thực hiện từ mấy năm nay.

Kỳ tới : *Thời kỳ thứ ba*

TÂN-PHONG

- Nếu bạn đánh một người đàn bà với một đóa hoa, bạn hãy lấy hoa hường vì cọng hường có gai.

Henri de Régnier

- Đem căm thù để chống lại căm thù, người ta chỉ làm cho nó lan tràn, về bề mặt cũng như bề sâu.

Gandhi

- Chỗ yếu của sức mạnh là chỉ tin ở sức mạnh.

Valéry

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẽ

hơn 50 năm tại Việt-Nam

SHELL

3 | Lá thư Jérusalem

★ TRẦN VĂN KHÊ

Nhóm *Ki-bút Haarsi* (Hạc-txsi) thành lập từ năm 1927. Hiện nhóm có 75 làng và dân số chung là 28.000. Nhóm này thuộc về đảng Mapam, một đảng chánh trị thiên tả, bên trong áp dụng chánh sách xã hội mà không đi đến Cộng-sản — sự liên kết giữa giai cấp thợ thuyền Do-Thái và Á-Rập, bên ngoài đi theo chánh sách trung lập chế.

Nhóm *Haucouhad* thành lập từ năm 1927 gồm 58 làng và 24.000 dân số, thiên về đảng Ahdout Haavoda, một đảng quốc gia bên trong, đoàn kết với tất cả các đảng phái có tánh cách xã-hội, khuếch trương nông nghiệp mở mang và kế-hoạch hoá nền kinh-tế, bên ngoài thân thiện với tất cả các nước trên thế-giới, nhất là các nước Á-Châu.

Nhóm *Ihoud Hakevoutsot Vehakibboutsim* thành lập từ năm 1951 gồm 73 làng và 27.000 dân số thiên về đảng Mapai. Đối nội, đảng Mapai muốn thành lập một xã hội dân chủ đối ngoại, thân thiện với các nước Á-Rập để mở mang cả vùng Cận Đông

Nhóm *Hadati* thành lập từ 1930 gồm có 14 làng và 3.300 dân số, thuộc đảng Hapoel Hamizhari một đảng thiên về Tôn giáo Do-Thái, mục đích thành lập những vùng theo luật tôn giáo Do-Thái.

Nhóm *Hanoar Hatsioni* thành lập từ năm 1935 gồm có 6 làng và vài ngàn dân. Nhóm này theo tổ chức của nhóm Ihoud Hakeirntsot .

Có vài làng thiên về chủ nghĩa Cộng Sản nhưng theo bạn thấy, có ba nhóm đầu đáng kể.

Trong chương trình hội nghị, chúng tôi được viếng hai làng tập

thể một làng ở miền Nam (Neguev) một l àng miền Bắc (vùng Galilée). Nhưng có lẽ vị linh tánh báo rằng tôi chẳng có thể ở lại đến cùng nên ngay hôm đầu tôi đã tự động thuê xe tắc-xi và cùng với ông N. đại biểu Pháp đi viếng một làng tập thể cách Jérusalem độ vài chục cây số, Ki-bút Maale Hahamisha.

Xe tắc-xi ra khỏi châu thành Jérusalem, chạy theo đường núi và rẽ vào trong một con đường đá nhỏ.

Trên sườn núi đá, bắt đầu có những miếng vườn nhỏ và khi xe đến cổng làng tôi gặp nhiều du khách, đầu đội nón rơm to, đi dạo, có người tắm nắng trên những ghế bố. Hỏi ra thì đó là du khách ngoại-quốc đến khách sạn của Ki-bút để nghỉ hè, và ở vùng nầy khí hậu tốt, họ lại được tham gia các sinh hoạt của Ki-bút. Khách sạn này rộng rãi có 83 buồng ngủ và một phòng ăn chung rất to. Giá tiền cũng như khách sạn khác ở Jérusalem : ở một ngày trả 14 liu rưỡi (435$) ăn sáng và một bữa trưa hoặc chiều trả 18 liu rưỡi (555$) ăn cả ngày trả 21 liu rưỡi (645$). Nhưng ngoài ra việc ăn uống du khách được xem chiếu bóng hay tham dự những buổi hòa nhạc của ki-bút không mất tiền. Lúc chúng tôi vừa đến, Ki-bút có phái hai người lo việc giao dịch với du khách, ông Léon và ông David, biết nói tiếng Anh tiếng Pháp thông thạo, đến tiếp chúng tôi.

— Khách sạn nầy thuộc về Ki-bút của chúng tôi tổ-chức. Tiền lời thu vào để dùng vào công việc khuếch trương cho làng và mở mang các công việc xã hội, ông David nói :

— Ki-bút nào cũng có khách sạn như thế chăng ?

— Không đâu. Chúng tôi được cái may là không xa đô thị lắm, lại được khí hậu tốt, nên nhiều du khách muốn đến ở nghỉ hè tại đây, trước để dưỡng sức, sau để biết thêm về cách sống tập thể của chúng tôi. Hiện giờ nhờ du khách nào cũng muốn sống một ít lâu một cuộc đời mà họ cho là lạ nên các Ki-bút đều có một ký túc xá. Ngoài ra, trong mỗi dạo hè chúng tôi có nhận một số người đến tham gia sinh-hoạt trong làng hoặc để tập sự, để thí-nghiệm đời sống mới. Họ cũng được một căn phòng để ở, ăn uống và họ phải làm việc như chúng tôi, tùy theo khả năng của họ và nhu cầu của làng.

— Thưa ông, làng nầy được bao nhiêu dân số ?

— Dân sự được 450, nhưng chỉ có 120 nhân viên.

— Dân sự và nhân viên khác nhau thế nào ?

— Nhân viên là người của Ki-bút, người được ki-bút thừa nhận là nhân viên, tức là phải thừa nhận kỷ-luật và tổ-chức làm việc của Ki-bút.

Nhưng trẻ con là dân sự mà chưa phải là nhân viên. Đến lớn chúng nó có quyền chọn cách sống, hoặc trở thành nhân viên, hoặc ra ngoài sống cuộc đời khác. Ngoài ra còn những người tập sự. Muốn trở nên nhân viên phải trải qua thời kỳ tập sự một vài năm để coi mình có thể chịu nổi đời sống tập thể chăng. Trong thời kỳ đó, người tập sự chưa được coi là nhân viên và chưa có quyền tham gia vào công việc hành chánh. Ngoài ra, công việc nhiều, nhân viên làm không xuể. Chẳng hạn như trong khách sạn có một số người làm là nhân viên của Ki-bút tức là làm việc không ăn lương và một số người làm chúng tôi thuê bên ngoài và trả lương những người đó thuộc về số dân sự mà không phải nhân viên.

— Muốn trở thành nhân viên phải có điều kiện gì?

— Thiện chí trước nhất Phải bằng lòng bỏ nếp sống cá nhân. Công việc làm của mình không phải chỉ để đem sung sướng lại cho mình mà cho cả đoàn thể. Và trái lại đoàn thể có trách nhiệm về đời sống hiện tại và tương lai của mình. Mời ông vào trong mà xem khách sạn của chúng tôi.

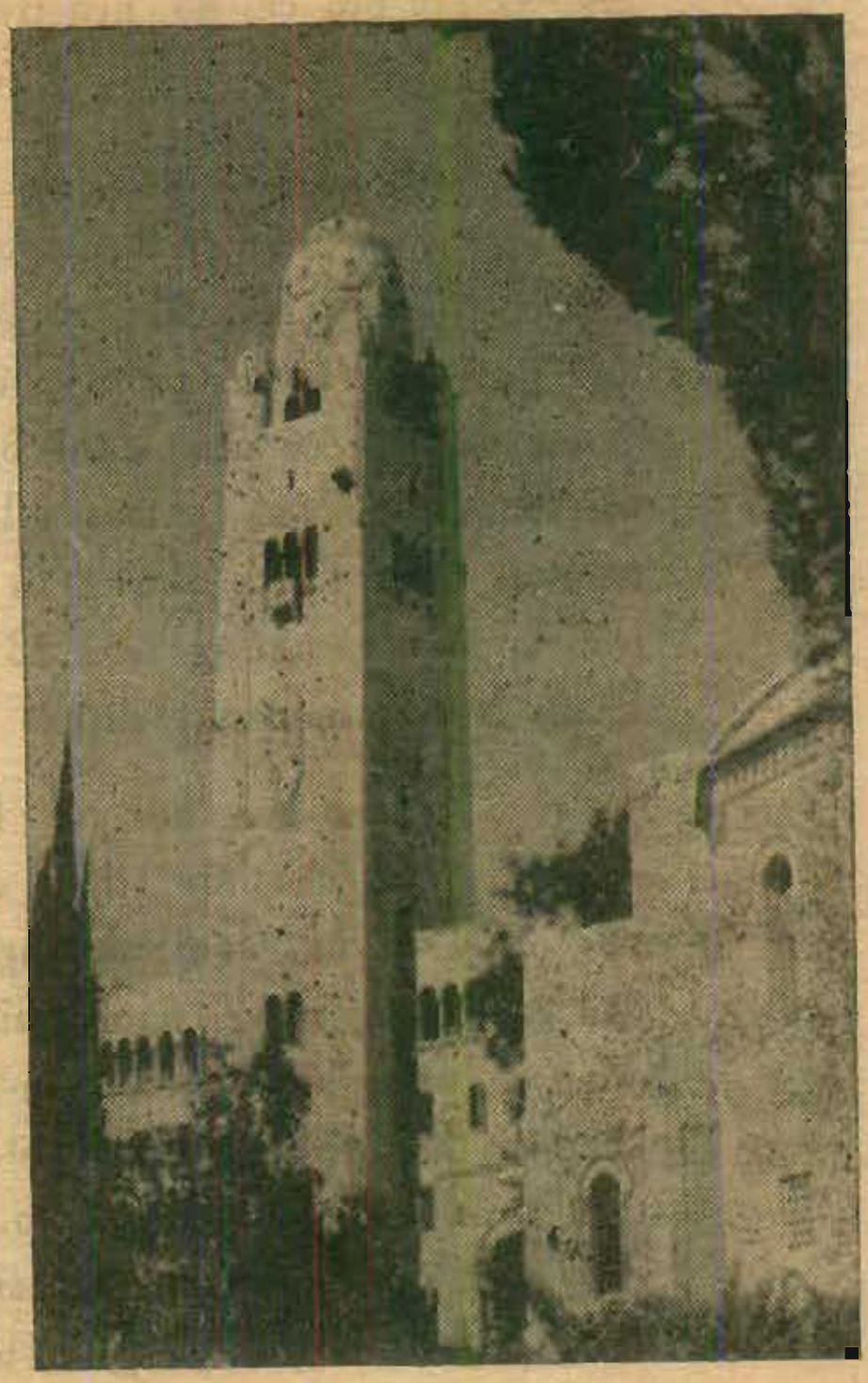

Khách sạn Y. M. C. A. chỗ tôi đến ở trước khi dự hội nghị

Một khách sạn to đẹp, ba từng lầu, có 83 phòng ngủ đủ tiện nghi. Phía trước có điện thoại và một phòng ăn rất rộng rãi đủ chỗ cho vài trăm người dùng bữa. Ông David bước vào chào những người dọn bàn, bảo đem hai chai nước suối, nước cam, và một đĩa trái cây.

— Trái cây của chúng tôi trồng đây ! Dư ăn và dư cho du khách dùng. Chúng tôi có cả một vườn trái cây đủ các loại và sở chăn nuôi của chúng tôi hiện có 20.000 con gà để ăn thịt và lấy trứng. Chúng tôi có 200 con bò để lấy sữa uống, làm bơ, phó mách và để ăn thịt.

— Ông biết rõ các nguồn lợi trong làng nầy quá !

— Không biết rõ sao được ? Tất cả các con số ấy đều do chúng

tôi, tất cả nhân viên trong làng nầy quyết định trong dịp Đại hội.

— Chúng tôi muốn biết qua tại sao ông thích sống cuộc đời tập thể. Cách sống ấy đem lại cho ông quyền lợi gì ?

Quyền lợi ! Thật ra chúng tôi không sống tập thể không vì quyền lợi cá nhân mà vì một lý tưởng. Một làng nhỏ như làng của chúng tôi sở dĩ có được là nhờ cách sống tập thể. Nếu mỗi người chỉ mong sống cho mình thì đồng này chưa có đắp được, vườn hoa này chưa có trồng được. Cho nên trước kia là đất hoang. Có năm người tiên phong đến đây khai phá, trồng trọt, và thuở đó vùng nầy chưa được an ninh. Một hôm họ bị người Ả-Rập giết chết. Người sau nối chí họ, nên trong làng nhà dành cho những sinh hoạt văn-hóa chúng tôi ghi công trạng của họ bằng một bức họa.

Ông L. dẫn chúng tôi lại một gian nhà rộng có sân khấu, có màn ảnh và ngoài cửa vừa bước vào, trên 3 bức tường, một họa sĩ trẻ tuổi vẽ một bức họa to. Bên mặt có năm người cuốc đất trồng hoa, kế một người ngã gục tay trao cái cuốc lại cho đám thanh niên và nông dân mà trong đó chúng tôi thấy có chân dung ông L. mang kiếng. Người hướng dẫn chúng tôi xem các nơi, và phía sau là vườn tược xanh om, thanh niên thiếu nữ nắm tay múa. Trong những tủ kiếng họ chưng ảnh cửa những nhân viên từ trần tại đây và những món đồ cổ họ đào được trong lúc phá rừng khai khẩn. Những món này để cho những nhà khảo cổ nghiên cứu về vùng nầy.

Từ chỗ mà họ gọi là nhà văn hóa (Maison de la culture), ông L. chỉ cho tôi thấy con đường độc lộ nối liền Jérusalem với Tel-Aviv, con đường mà thuở xưa những người Âu đến đây trong cuộc Thánh chiến giữa Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, đã dùng để trong việc hành quân. Thấy cả sườn đồi xanh om, tôi hỏi ông L. làm sao đủ nước để trồng trọt. Ông cười mà nói : « Chúng tôi phải trả tiền nước với một giá rất cao. Nước bơm từ Tel Aviv và chúng tôi phải chuyền ống từ dưới đường cái quan lên đến đây. Thành ra trái cây chúng tôi hiện có đủ ăn cả làng và bán ra cho du khách, nhưng phải cực khổ mới có được. Mà có được cũng nhờ chúng tôi sống cuộc đời tập thể.

— Cuộc đời ấy chắc đầy thú vị hay có chi đặc biệt mới hấp dẫn người mới đến gia nhập chớ ?

— Chúng tôi có được một điểm hơn người khác là vô tư. Không lo làm giàu, không lo ngày mai mình đau ốm tật nguyền sẽ ra sao, không lo sanh con đông làm thế nào để nuôi chúng nên người, nhưng ngược lại, chúng tôi phải hy sinh một phần tự do và quyền lợi cá nhân. Có

người không chịu nổi cách sống như chúng tôi. Ở đây làng chúng tôi may mắn nhờ địa thế, nhờ hoàn cảnh, mà được thịnh vượng hơn nhiều làng khác. Và chúng tôi cũng được trong số nhân viên, nhiều nhân vật, hay chánh khách. Như ông Thủ tướng và ông Bộ Trưởng xã hội là nhân viên của làng này.

— Nghĩa là cách ông sẵn lòng chịu kỷ luật và cách sống tập thể của làng và không có lương riêng?

— Lẽ tất nhiên. Lương của các ông đều cho cả vào công quỹ ở đây. Mỗi năm, các ông cũng chỉ được một số tiền tùi nhỏ như mỗi người của chúng tôi. Trong lúc phân công, thì các ông lãnh việc quốc sự thì khỏi đi cày đi trồng tỉa chăm nuôi, cũng như tôi lo việc tiếp khách ngoại quốc vào viếng làng. Việc tôi là việc nhỏ việc các ông là việc lớn. Lẽ tất nhiên các ông được một số tiền đặc biệt trong việc thu tiếp các chánh khách. Nhưng khi về làng, các ông cũng ăn chung với chúng tôi trong nhà ăn công cộng. Có ai bắt buộc các ông phải đưa cả lương bổng cho đoàn thể. Nhưng đó là lý tưởng của tất cả chúng tôi góp sức để xây dựng nước Do Thái.

— Đời sống trong làng thế nào, ông có thể cho tôi biết được chăng?

— Chúng tôi thức dậy sớm lắm. Lối 6 giờ rưỡi sáng là cả làng thức dậy. Người nông dân đi ra đồng ruộng, người chăn nuôi vắt sữa, lượm trứng, bác sĩ đi thăm bịnh, thầy giáo sửa soạn đến trường và trẻ con cũng thức dậy tập thể dục.

— Trẻ em sống tập thể như thế nào?

— Mời ông theo tôi.

Ông dẫn tôi đến một ấu trĩ viện, một căn nhà rất đẹp ở giữa một vườn hoa và vườn trái cây. Trái cây nặng hoằng cành. Ông cười mà nói: « Trẻ em nào cũng thích ăn vụng hoặc phá phách. Nhưng chúng tôi đã dậy cho các em nhỏ biết rằng trái cây đó là của các em. Có thèm, hỏi xin là cô giáo hái cho. Như thế các em không ăn quá nhiều đến bịnh, hoặc ăn nhằm trái non không ngon. Để trái cây chín, các em được hưởng nhiều trái ngon và mỗi em giữ trái cây cho đoàn thể, đoàn thể cung cấp trái cây cho các em. Ông coi, trẻ con cũng dễ dạy thật. Không bao giờ có chuyện hái trộm và đây, trong nhà có dĩa trái cây chín, các em thèm, đến nói với cô giáo là tha hồ ăn ».

Trong nhà có nhiều buồng ngủ. Mỗi buồng có bốn giường. Cầu tiêu, nhà tắm đều cất vừa tầm cho trẻ em. Có chỗ rửa mặt tí hon, có bàn

nhỏ cho các em ngồi ăn. Có phòng chơi phòng học. Trên tường, họ treo những bức họa do trẻ em vẽ. Có ai ngờ, trên sườn đồi xa đô thị, mà có một ấu trĩ viện tối tân như thế này.

— Trẻ con lúc còn nhỏ chưa đi học thì ở đây. Có cô giáo dạy vẽ. Dạy hát và săn sóc các em. Các em ăn uống ở đấy, đến bốn giờ, cha mẹ các em rảnh việc đến lãnh các em đem về nhà chơi với các em, có thể ăn chiều xong 9 giờ đem các em lại đây để các em đi ngủ. Rồi cha mẹ rảnh rang đi thư viện đọc sách, đi xem chớp bóng hay nghe hòa nhạc. Có thể nói rằng sống riêng biệt không thể nào chúng tôi được một đời sống tinh thần dồi dào như thế.

Ngoài sân một thiếu nữ giặt quần áo cho trẻ em chào chúng tôi.

— Cô em là sinh viên, nhân lúc hè đến đây săn sóc trẻ em. Cô sắp thi bằng Tú tài đấy.

— Không, đã thi bằng Tú tài chớ». Cô cười, phơi xong quần áo mời chúng tôi vào nhà, đem trái cây mời chúng tôi ăn.

— Cây nhà lá vườn, mời các ông xơi.

Đào có, mận có, ngoài vườn hái vào để cho trẻ em ăn và đãi khách.

— Thưa ông, vô đây nhân viên làm việc trong bao nhiêu giờ một ngày ?

— Thường thì 8 giờ. Nhưng không ai kiểm soát ai cả. Mỗi người tự lo lấy trách nhiệm của mình. Làm xong bổn phận mà có làm thêm một chút cũng cho mình, cho đoàn thể, có mất mát đi đâu. Có bao giờ người ta sanh nạnh khi mình làm cho mình. Trong lúc hè, người sinh viên hoặc làm văn nghệ, hoặc trồng tỉa. Người nông dân quanh năm lao động, trong 15 ngày nghỉ hè có khi đến ở, không ăn uống tại khách sạn của làng. Lâu lâu ở không cho người khác lo cho mình cũng có một cái vui riêng. Nhứt là khoẻ trí. Có khi đi đến vùng biển, hay vùng đồng bằng, hay ra thành thị, để đổi không khí.

Mỗi ngày đến giờ ăn, ăn chung, xong ai lo việc nấy : chiều đi rước con. Ai không có con cái thì đi chơi thể thao, đọc sách, tập đàn, tập hát.

— Nguồn lợi của làng này có những gì ?

— Làng chúng tôi thuộc về làng nông nghiệp. Trồng trọt và chăn nuôi. Mỗi năm cũng sống nhờ du khách đến nghỉ hè và dưỡng sức. Làng bên cạnh thì có trồng nho, làm rượu chát. Họ có cả máy cày, có chỗ chứa ét-xăng.

Ông dẫn tôi đi xem nhà cửa, vườn trái cây rồi đưa tôi đến cửa ngõ. Tôi chào ông và ngần ngại không biết phải trả bao nhiêu cho vừa công ông mất thì giờ với tôi, trả tiền mấy chai nước cam, nước chanh và hoa quả ông mời tôi dùng lúc tôi mới tới ! Tôi ngượng nghịu hỏi : « Thưa ông, chẳng hay tôi phải trả tiền nước giải lao và tiền đi viếng làng này cho ai ? ».

Ông cười : «Nước giải lao là của làng đãi khách vào viếng làng. Thì giờ của tôi tiếp ông là thuộc về công tác của tôi. Ông không phải trả gì cả. Chúng tôi cám ơn ông để ý đến nếp sống của chúng tôi và biết đâu một ngày kia ông không phải là du khách đến đây tịnh dưỡng tinh thần chừng ấy chúng tôi sẽ lấy tiền. Chào ông ?

— Xin cám ơn ông, tôi muốn hỏi một câu trước khi từ giã ông Có ai ở đây rồi xin ra khỏi đoàn thể, hay có ai xin gia nhập vào ?

— Người xin gia nhập vào thì nhiều. Nhưng phải qua một thời gian tập sự và thử thách. Người xin ra thì chưa. Nhưng cũng có nơi có người chán cách sống tập thể xin ra. Mà chúng tôi có cưỡng bách ai ? Nếu không bằng lòng sống tập thể, đến đại hội, xin ra đoàn thể là 25 phút sau có xe đưa đi đến Jérusalem hay một giờ sau đến Tel Aviv. Đến đấy họ tha hồ mà sống cuộc đời như họ đã sống từ trước đến giờ, lo ăn, lo sống, lo làm giàu, lo bệnh tật, lo chết, lo cho cả một ngày mai bấp bênh ».

Ông cười chào tôi, nhìn tôi lên xe tắc xi trở về Jérusalem, chúc tôi khoẻ mạnh. Xe chạy xa tôi còn thấy đôi mắt cười nheo sau cặp kiếng, thân hình mảnh khảnh trong bộ quần áo vải bô, và tự hỏi : « Hạnh phúc ở đâu ? »

Lẽ tất nhiên cũng có người không chịu được đời sống ấy. Đài vô tuyến truyền hình bên Pháp có phỏng vấn hai cặp vợ chồng rời bỏ Ki-bút sau thời gian sống 9, 10 năm trong ấy. Họ ra đi vì một anh có cảm giác là đời sống dễ dàng quá thành ra hết cái thú « vật lộn » với đời. « Anh chàng rời bỏ Ki-bút để mỗi ngày đi hàng 4, 5 chục cây số từ nhà

đến chỗ làm, để tìm mỏ, và khoáng chất trong một vùng sa mạc. Anh bảo rằng anh cực nhọc hơn trước nhưng anh thích vì chỗ anh cực nhọc ấy. Còn có một bà bỏ Ki-bút vì bà sau khi có ba con, mỗi ngày rất khổ khi chẳng được làm cái quà cái bánh cho em ăn, chẳng chăm nom giấc ngủ giấc ăn của nó. Bà nói : « Lúc chưa có con, tôi không thấy khổ tâm. Từ lúc có đứa thứ ba, mỗi ngày lúc phải giao con lại cho âu trí viện, tôi thấy trong lòng tôi nao nao và tôi chịu không kham, tôi xin ra khỏi đoàn thể. Từ lúc sống ở ngoài chồng tôi khổ thân hơn trước nhiều, nhưng tôi khỏi khổ tâm.

Không phải chỉ có nếp sống theo Ki-bút, còn có những làng mà mỗi nhân viên sống riêng, chỉ lúc làm việc hoặc lúc bán hàng là chung nhau theo nguyên tắc hợp tác xã.

Làng *mochava* (số nhiều là mốchavot) tổ chức theo nguyên tắc sống từng gia đình làm việc và mua dụng cụ và đồ ăn tùy cá nhân bán hàng hợp tác xã.

Làng *mochav* (số nhiều mô-cha-vim) hay làng *mochav ovdim* tổ chức theo nguyên tắc :

— sống từng gia đình — làm việc từng gia đình — mua dụng cụ hợp tác xã — mua đồ ăn tùy cá nhân — bán hàng hợp tác xã.

Làng *mochavchitoufi* tổ chức theo nguyên tắc :

— sống từng gia đình — làm việc tập thể — mua dụng cụ hợp tác xã — mua đồ ăn tùy cá nhân — bán hàng hợp tác xã.

Số người sống tập thể được 5 phần trăm dân số, tất cả độ 100.000 người. Họ đang thí nghiệm một nếp sống mới trong việc tìm hạnh phúc ở đời. Những người khác, dầu sống theo tổ chức nào đi nữa, cũng có một ý chí : làm cho nước họ giàu mạnh, cho dân tộc họ tiến bộ về mọi mặt. Ý chí đó có thể làm cho một quốc gia tiến mạnh và tiến mau.

Viết thư này cho bạn, tôi không có chủ ý ca ngợi chánh thể, hay một chánh sách kinh tế của quốc gia Do Thái. Tôi không nghĩ rằng những việc họ làm đều toàn thiện toàn mỹ, và cái gì cũng đáng cho ta noi theo. Tôi chỉ muốn cho bạn thấy rằng dân số họ không đông, không bằng một phần mười của chúng ta (chỉ có hai triệu hai trong khi chúng ta đến hơn 25 triệu) họ cũng vừa cởi ách nô lệ từ năm 1948, sau mấy ngàn năm bị đô

hộ, họ gặp nhiều vấn đề nan giải về chánh trị nội bộ, về khuếch trương kinh tế, hay về giao dịch quốc tế mà chỉ với ý chí kiến quốc với sự cần cù làm việc mà cũng chẳng quên là họ được rất nhiều người Do Thái làm giàu ở các nước khắp trên thế giới gửi tiền về giúp họ thâu thập được nhiều kết quả. Việc ấy giúp cho chúng ta xét lại điều kiện chủ quan và khách quan của mình, để thấy phấn khởi và tin tưởng hơn vào tương lai của nước Việt.

Xa xôi,

TRẦN - VĂN - KHÊ

★ Có một lũ nô lệ, là điều thường ; nhưng có điều khó dung tha được là có một lũ nô lệ mà gọi chúng là quốc dân đồng bào.

Diderot

★ Hãy học như thể anh phải sống đời đời ; hãy sống như ngày mai anh phải chết.

Thánh Isidore

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, *Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON*

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MÉDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road*
KOWLOON	*580 A. Nathon Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street*

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

★

LUÂN-ĐỒN TỔNG-CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

★

SAIGON CHI-CỤC

CHI-CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

★

NAM-VANG CHI-CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

★

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIỄN-ĐÔNG

★

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

SỮA BỘT

HIS TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành: TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

ĐỌC BẢN DỊCH

« Nhân-sinh-quan của Trang-Tử »

NGUYỄN-VĂN-THỌ

Báo Mai ngày 1-7-1963 vừa qua có đăng bản-dịch : « Nhân-sinh-quan của Trang-Tử » mà tác-giả là Chân-Đông, đã viết trong Báo Đài-Loan và dịch-giả là Giản-Chi.

« Về nguyên-ủy của Vật-loại ta thấy có ghi rằng :

« Nọc giống có cái gọi là « Cơ » gặp nước thì hóa ra cái gọi là « Kể », vào cạn thì hóa ra cỏ Xa tiền, v.v...

« ... Hùm beo biến thành ngựa, ngựa sinh ra người, người lại trở lại thành nọc giống « Cơ ». Muôn vật từ « Cơ » mà ra rồi lại đều quay về « Cơ ».

Một điều chắc chắn là sinh vật từ biển cả mà lên.

Thánh-Kinh Gia-tô Giáo cũng nhận xét như thế, khoa-học cũng chứng-minh như thế.

Quan-điểm của Trang-Tử về điểm này không thể di-nghị được. Song le khi Trang-Tử nói « Cơ » gặp nước và « muôn vật lại quay về với « Cơ », và gọi « Cơ » là « *nọc giống* » thì ta phải thận-trọng.

Hình như Trang-Tử có ý cho là « *nọc giống* » có một cá thể riêng biệt vì khi gặp nước mới « hóa » ra « Kể » ; nói một cách khác Cơ là *nhân* và nước chỉ là *duyên* thôi.

Quan-niệm như thế có chỗ không vững. Người ta đã nói đến tự nhiên hóa sinh (« génération spontanée » thế kỷ thứ 17), đã cho là từ khônggian đá vẫn-thạch mang nọc sống lại (lithospermie 1820), đã cho là nọc giống từ xa xôi thế-giới cưỡi tia sáng mà hạ trần (radiospermie) nhưng từ 49 năm gần đây khoa-học bắt đầu công nhận là nguồn sống khai triển ngay ở đất nước địa cầu chúng ta (đó là thuyết géospermie).

Ở đây nếu ta đừng để ngôn-từ sai nghĩa tướng, nếu chúng ta

quan - niệm rằng nghĩa « nọc giống » không *có cá thể riêng biệt*, nếu ta nhận định chữ « Cơ » chỉ có nghĩa là các điều kiện để thôi-xuất và khai-triển nguồn sống thì Trang-Tử đi đôi với khoa-học.

Nói « Cơ » gặp nước phải hiểu là gặp tất cả các nguyên liệu sẵn có ở trong nước. Cơ « duyên » nước nên hóa— (*nghĩa là sinh ra chớ không phải là đổi thành vì Cơ không có cá thể*) — hóa ra cái váng nước « Kề » mà giới khoa học gọi là Coacervat.

Cái váng « Kề » chân chính là có thực thể, thực tính trên quá trình tạo ra sinh vật.

Với các sự dè dặt trên đây ta cũng cần phải nhấn mạnh rằng cái « Kề » ấy trong trạng thái váng nước vẫn chưa lộ sinh năng, vẫn còn ngậm sinh tính, tuy vẫn hướng về sinh tính.

Cho nên sinh tính đòi hỏi « Cơ » gặp « Kề » nhiều lần mới đủ hiện hữu.

Cơ duyên Kề, Kề duyên Cơ thành ra một « pháp » — hay muốn nói lời khoa học — thôi xuất một hiện-tượng gọi là «sinh hoạt», nó hay khiến khoáng chất chuyển biến thành sinh thể, có sinh tính, sinh đức, sinh lý và sinh tướng.

Sau hết Trang Tử lại nói muôn vật từ Cơ mà ra rồi lại trở về với Cơ, thiết tưởng đoạn này cũng dễ hiểu; những vật do Cơ mà có rồi lại quay về với Cơ là lẽ tất nhiên. Sinh thể do hạnh ngộ của nhân duyên Cơ, Kề; nếu nhân duyên tan rã thì hợp-tướng, hợp-thể phải hóa theo ; sinh tướng tuyệt thì đâu còn sinh tính, sinh đức nữa...

Xin nhắc lại cả Cơ lẫn Kề mới thôi xuất được một số đức năng mà ta gọi là sinh tính, là mạch sống, kết hợp khoáng chất thành sinh thể, cấu tạo ra sinh Cơ, đẩy rong biển lên bờ thành rêu, thành cỏ, thành cây, đưa thủy tộc lên đất liền hóa sinh côn trùng, muông thú và cầm điểu.

Các điểm nầy cũng được coi là chính xác. Trang Tử đã phân minh chỉ rõ trước cả khoa học và đã không nói sai.

Chỗ đắt mà ta cần phải tranh luận là điểm Trang Tử giảng thuyết mối tương quan và thứ vị hiện sinh của vật loại, cùng với sự kiện loại này thông thuộc loại kia.

...« Cỏ Ô-túc sinh ra con mọt gỗ...

Bọ Thanh minh biến ra hùm beo...»

Các điểm đó có vẻ không phù hợp với những ghi nhận của Khoa Cổ sinh-vật-học (Paléontologie).

Tuy nhiên thái độ của ta là cần phải thận trọng trước phút phê-bình vì lẽ Đông-Phương có một lối nói chỉ thành nghĩa với người biết đọc mà hoàn toàn vô duyên với khách bàng-quan không khéo léo hội ý.

Tác-giả Nam-Hoa Kinh cũng có lối viết văn như thế.

Phần riêng tôi đọc bản dịch vũ-trụ quan ấy lấy làm thích-thú. Tôi có lượm lặt ít nhiều tài liệu về vấn-đề trên đây nay sẵn dịp xin đem ra cung hiến bạn đọc Bách-Khoa.

Bây giờ ta vào ngược câu chuyện để nói ngay đến « KẺ ».

Kẻ là cái váng nước rất phong phú vì chở nặng hóa chất.

Cái váng nước ấy là kết quả của hơn 3.000 triệu năm huân tập, tự khi khối hỏa cầu giảm sức nóng từ cao độ xuống đến 5.000 độ, rồi từ đó cho tới lúc chỉ còn vào khoảng 40 độ.

Theo những thuyết của các nhà bác học mới Littleton và Hoyle thì mãi đến khi sức nóng chỉ còn 5000 độ các nguyên tử mới bắt đầu tụ hợp thành các căn-tử (radicaux chimiques), xuống đến 2500 độ mới có những khoáng hợp-chất (molécules minerales), xuống đến 2000 độ bắt đầu sinh ra chất nước, (dưới thể hơi nước) đến 420 độ, các khoáng-chất bắt đầu kết hợp.

Tất cả đều ở thể hơi cả vì đất còn quá nóng, hơi thán-dưỡng chất, hơi khinh đạm chất, lân chất, diêm chất, khinh-thán chất hỗn độn với nhau thành khí quyển bao bọc quả địa cầu. Hồi nãy *cơ-duyên là sự kiện* trong không khí vắng mặt chất dưỡng-khí nguyên chất tự-do phong-túng (chỉ có dưỡng khí bị cầm tù trong các tổ-hợp, vô hiệu vô lực với bên ngoài).

Nhờ ở sự kiện vắng dưỡng khí tự-do mà các *tia cực tử quang-tuyến* (ultra-violet) rất mãnh liệt xuyên xuống được tới địa-diện. Nhờ hiệu năng của các tia sáng này mang nặng tinh lực nên các hợp chất thán, dưỡng, khinh đạm lại càng có sức và có thể để liên-kết với nhau thành ra các cơ-cấu phức-tạp mỗi lúc một đa-đoan thêm để đi đến kiến trúc các chất béo bổ thuộc loại lòng trắng trứng (protoplasme : nguyên-sinh chất). (Các hiện tượng và sự kiện này đã được lược dẫn trong The Origine of Life của Oparin A.I. The Atmospheres of the Earth and planets của Kuiper G.P. và trong Initiation à la connaissance de l'Univers của Général Charles Léon Menu và được chứng minh rõ ràng sau cuộc thí-nghiệm của nhà Bác-học L.L.Milher năm 1954 đã tạo ra được các sinh-cơ chất bằng luồng điện chớp qua những ống chứa các hơi khinh-đạm, khinh thán, hơi nước, *trong một không khí không có dưỡng khí* ; (nếu có dưỡng-khí thì không thể nào thành được).

Vậy một điều kiện trong cái mà Trang-Tử gọi là Cơ là lúc chuẩn bị vật-liệu cho sinh-tính xuất hiện ở giai-đoạn đầu tiên, trong khi trời không có dưỡng-khí, *nhất định là không có dưỡng-khí*, vì có dưỡng-khí thì dưỡng khí sẽ hóa ra khí Ozone (O_3) và ngăn cản tia cực tử quang-tuyến không thực hiện được cuộc liên kết các nguyên-tử thành hợp chất để chuẩn bị phương-tiện cho nguồn sống khai-triển.

Cái điều kiện thứ hai của « Cơ » là khi hợp chất (H_2O) thành thể (tức là hơi nước) thì lập tức thiên hôn địa ám, quả đất trải hàng trăm triệu năm, ngày đêm bị giam trong một vỏ mây đầy hơi nước ngột ngạt nóng tới 1.800 độ, hay 2.000 độ cứ thế mãi mãi cho đến khi hơi nước nguội xuống còn 37 độ thì là lúc trời

long đất lở vì lực lượng hơi nước ngưng kết trút cả xuống mặt đất. Nhưng đâu đã xuống nổi ! Nước gặp đất nóng lại bốc hơi, hơi lại đổ mưa xuống đất ; lên, xuống, xuống, lên, như thế mãi mãi cả ngày lẫn đêm không biết trải qua bao nhiêu triệu năm, quét mặt địa cầu và cuốn các hóa-chất, diêm loại, kim thuộc, thạch loại xuống bể nước sôi của đại-dương.

Thời gian qua. . .

Đến lúc sức nóng trong nước bể xuống còn 40 độ là lúc cái váng nước « Kê » của ông Trang-Tử bắt đầu gọi nguồn sống nổi lên để dự vào thế cuộc.

Điều kiện thứ ba của « Cơ » lúc này là vẫn còn lệ thuộc vào vai-trò dưỡng-khí.

Trong bao triệu năm trường trong hơi núi lửa bốc ra, trong các phản-ứng của hóa chất, một phần nhỏ dưỡng khí đã được giải phóng để bốc lên trên mây.

Ở đây chừng 30 cây số trên tầm cao cực tử quang tuyền liền biến các hợp tử dưỡng khí O_2 thành tam hợp dưỡng khí (O_3 chính tên là khí « Ô-dôn » (Ozone). Ozone đã hiện hữu lập tức giai đoạn thứ hai được kéo màn : các tia cực tử quang tuyền bị Ozone chặn đứng không xuống được nữa, không phá hoại được nữa.

Dưới hạ giới, trong thâm sâu biển cả, trên mặt đại dương các sinh cơ chất tha hồ mà liên hợp, liên kết theo mọi chiều hướng, thành mọi cơ cầu để thức tỉnh sinh-tính lên hiện-hữu.

Như ta thấy, nếu không có cực tử quang tuyền thì không có màn đầu chuẩn bị vật liệu, thì không bao giờ nguồn sống phát sinh. Nếu màn đầu cứ kéo dài mãi, nghĩa là cứ tiếp tục chế vật liệu nhưng lại luôn luôn phá sinh-tính như thế thì không bao giờ nguồn sống hiện hữu được.

Thế cho nên trời đất đã tính đủ ngày giờ mới thả dưỡng khí phóng khoáng từ lòng trái đất, từ dưới chân mây để buông một lớp màn tam hợp dưỡng khí O_3 trên thượng tầng không gian ngõ hầu ngăn cản quyền tiêu diệt của cực tử quang tuyền.

Và từ phút ấy đã khai triển nguồn sống :

Bây giờ trái đất đã có gần 3.000 triệu tuổi già... Gần ba ngàn triệu năm để « Cơ » gặp « Kê », để cho cái váng nước sinh ra vật loại, và về sau còn phải mất gần hai triệu ngàn năm nữa để vật loại sinh linh-tính và tiến đến linh-nhân.

Và cũng bắt đầu từ bây giờ « Kê » thật hẳn phối « Cơ » và sinh-tính liền hiện hữu và như tu sĩ bác-học Teilhard de Chardin đã viết : La matière tend à se vitaliser, la vie tend à s'hominiser, la noosphère prolonge la biosphère).

Lại nói về sinh tính. Sinh tính có ba đức :

1.— Chấp ngã, nghĩa là tự phân biệt cá thể mình với ngoại vật.

2.— Trưởng dưỡng, nghĩa là nuôi dưỡng mình và đào thải các chất dã dùng thừa (tân trần đại tạ).

3.— Giữ giống và truyền tính nết.

Chấp ngũ là chuyện dễ nhận nhất, còn vấn-đề trưởng dưỡng và giữ giống nòi cần phải nói nhiều.

Trên đất sinh sống, lớn khôn, nếu bây giờ sở dĩ có loại động vật và loài thảo mộc, thực vật và nguồn sống đã chia làm hai hướng là vì hiểm thức ăn.

Lúc sinh căn mới khai triển thì chưa hề có phân biệt : Con nguyên-thủy (protista) không phải là vật cũng không phải là cây, và vì nó sẵn đồ ăn để tự dưỡng nên nó là *hỗn nguyên*, nó là *nhị bất tường*, chỉ biết ăn cho khỏe, cho nhiều mà thôi.

Bắt đầu vật tính và thảo mộc tính hiện ra là lúc lương thực cạn, lúc phải giải quyết sinh kế nên sinh-tính của nguyên-thủy mới hoán chuyển theo hai hướng :

— Hướng ngoại cầu hay là hétérotrophe (ăn các nguyên-thủy tự túc nói ở dưới) đẩy nó vào con đường động vật : nguyên-thủy hóa ra nguyên-thủy động vật (protozoaire).

Ăn các thức ngoài mình nên phải chuyển động và suy tư cho nên sinh thân, cánh và nở mưu trí, phân hiền ngu, phàm thánh.

Hướng tự túc autotrophe dắt nó sang ngõ thảo mộc. Nguyên-thủy hóa thành nguyên-thủy thực vật proto-phyte.

Sở dĩ thảo mộc tự túc nổi vì nguyên thủy thảo mộc protophyte đã tìm ra phương-pháp hóa-dưỡng (chimiauto-trophe) tức là ăn khoáng chất và sau cùng là quang ẩm (photosynthèse), uống ánh sáng.

Vì không ăn các nguyên-thủy khác nên không cần bò, cần chạy nên mọc rễ mà đứng yên một nơi.

Vì uống ánh sáng nên cần khoáng địa để vươn cành mang lá cho nhiều, sinh sôi nảy nở mau chóng, để cung dưỡng đồ ăn cho loài động vật. (Trâu bò ăn cỏ, ăn lá, loài ăn thịt lại ăn trâu bò, động vật sống trên lưng thực vật ; mới nhìn ai cũng thấy chỗ bất công nhưng không đâu... trò nào cảnh ấy nhân vật ấy: Loài động vật ăn bám cây cỏ nhưng lại trả thán khí và mầu mỡ trong khoáng giới và sau khi tị thể lại đem thể xác báo đáp cỏ cây. Loài cây cỏ ẩm quang để chế đồ tư dưỡng nếu không nhờ thán khí và mầu mỡ của động vật đào thải thì không sinh trưởng được điều hòa và sẽ không có điều-kiện tiến-hóa một cách viên-mãn).

Khi ta nói tự túc hay ngoại cầu thì ta mới riêng chỉ cái tính của hai loại sinh vật.

Khi ta bàn đến phương pháp đoạn thực (ăn nhai) hay là ẩm quang thì ta mới chỉ cái hiện-tướng sinh-dưỡng (cái phương pháp ăn uống), nhưng ta chưa nói đến cái duyên-cớ của tính, tướng ấy.

Cái duyên ấy nằm ở cơ thể hai loài.

Cái duyên ấy ở đây là hạt máu xanh, ở chỗ kia là hạt máu đỏ hay hạt máu trắng.

Ba loại : máu xanh (chorophylle)
máu đỏ (hématine)
máu trắng (hémocyanine)

đã tạo ra cái cảnh huống kể trên.

Máu xanh thì ở cây cỏ.

Máu đỏ thì ở loài động vật không có xương sống.

Máu trắng thì ở loài động vật không có xương sống.

Vậy ba thứ máu khác nhau thế nào?

Một số thán căn tử (radicaux carbone) y như nhau bọc một hạt kim loại :

Nếu nhân giữa là nguyên-tử sắt (Fe) thì nó hóa ra máu đỏ (hématine).

Nếu nhân giữa là nguyên tử magnésium (Mg) thì nó là máu xanh (chorophylle)

Nếu nhân giữa là nguyên tử đồng (Cu) thì nó là máu trắng (hémocyanine).

Máu đỏ, máu trắng thì ăn các thức bên ngoài, máu xanh thì tự lực cánh sinh, và phải nuôi hai loại trên để sau rồi đòi nợ với cả trăm phần trăm lãi.

* * *

Đến vấn đề giữ giống và truyền-tính. Đối với loài thảo mộc vấn-đề rất dễ biết :

Tính ngược lên hai ngàn rưỡi triệu năm trước đây trái đất không có một bóng cây cỏ, nhưng « Cơ » với « Kè » của ông Trang-Tử đã gặp nhau sinh ra loài rong biếc (algue bleu) bấy nhầy nổi trên mặt nước.

Rong biển biến thể rồi bò lên cạn hóa nấm, hóa rêu, sau cùng hóa cây. Ban đầu cây có móng chân để bámvào đất (Lang chảo-thụ : Lycopodes), thở bằng vẩy (Thiên ấn-thụ : Sigillaires), dần dần móng hóa ra rễ và vẩy hóa ra lá, lá kéo các chồi ra hoa, trước tiên là loại hoa lộ hạt (gymnospermes) rồi đến loài hoa phong hạt (angymnospermes).

Lúc hoa phong hạt hiện hữu là lúc phân định bốn mùa và là lúc trời đất bắt đầu khó tính : lạnh về làm điêu đứng cỏ cây.

Rừng rậm thu hẹp, lá rụng từng mùa và do đó con người mới có thể nứt ra được.

Thực vậy nếu loài khỉ không vì trường hợp rừng thưa lá hiếm mà chịu đổ bộ thì không bao giờ lại có giống đi hai chân, dựng xương sống, giống Ngợm và giống Người...

Công năng lưu giống và di-tính nằm trong hạt cây, trong sợi dây truyền tính sách (chromosomes), trong căn-tinh tử (genes trong những hạt acide désoxyribonucléique...) (hạch cam toan hay là khước dương cam hạch toan) ; đó là những điều dễ hiểu.

Chỉ có ly-kỳ là ở về phía động vật mà thôi.

Vì nguyên thủy động vật không nằm yên một chỗ nên lối sinh con để cháu cũng không phải một kiểu.

Bắt đầu là giống thủy-trần (amibe)

hình thức đầu tiên của nguyên thủy động vật là giống thủy-trần. Cá thể giống thủyt-rần chỉ là một tế bào ly ti một giọt béo bổ protéine có màng bao quanh, giữa có một hạt nhân.

Con thủy-trần không có chân nên khi chuyển động thì vặn mình kéo thịt, thò chân giả rồi lại co về.

Con thủy-trần không có mồm và có ruột, nên có cách ăn đặt biệt.

Nếu con nguyên thủy thực vật (protistes) thì ăn bằng cách tầm thực (lọc qua làn da bọc) thì con thủy-trần tiến-hóa hơn, nó quăng chân giả ra bao kín giọt đồ ăn kéo vào giữa thân mình bọc lấy đồ ăn, ăn xong lại mở mình nhả nước ra.

Nó sinh hóa bằng cách phân nhị nghĩa là chia đôi :

Cứ chia đôi hạt nhân ở giữa thành hai con nhỏ.

Tiến bộ hơn con thủy-trần là con Vi-khuẻ (paramécie, hình chiếc giầy). Con này di chuyển bằng cách giao động những sợi tơ nhỏ mọc trên mình. Nó đã có mồm và có ruột nhưng không có lỗi thông hậu, nên ăn, nhả đều do nơi mồm cả.

Con này đặc biệt là có thể sinh nở theo hai cách :

Lối phân nhị như loài thủy-trần là lối thông thường, lối hợp khẩu giao-hoan, (vì chúng nó chưa có bộ phận sinh-dục). Trong mình mỗi con vi-khuẻ đều có một nhân to và một nhân phụ nhỏ. Hai con vi-khuẻ gặp nhau sát miệng vào nhau để trao đổi lẫn hạt nhân phụ cho nhau. Sau đó chúng cùng phân nhị, nhưng lần này có thêm viện-trợ chủng tử ngoại lai. Chỗ tiến hóa của con vi-khuẻ hơn con thủy-trần ở điểm con vi-khuẻ là một kiếp : (Có ái, có ân...

Có đa mang lại cũng có cả đèo bòng.

Đây là triệu chứng của một khởi điểm tình căn.

Rồi tiến hóa cứ nối tiếp từ giai-đoạn đơn bào đến giai-đoạn tự các đơn bào lại thành giai đoạn đa bào, con protoz oaire thành con macro-zoaire. Tiến hóa thêm nữa, loại động vật mới chuẩn bị các sinh cơ thể và thay đổi lề lối tư-dưỡng, đồng thời phân nam nữ để sinh nở.

Chúng ta đi từ giống thủy trần đến các giống san hô, giống sứa, (thuộc loại trung không : Cælenterés), giống sao bể (thuộc loại lắm gai: Echinoder-mes)... và để hướng về phía xương sống có máu đỏ.

Chúng ta đi từ loài thủy trần đến các loại sâu bọ, loại đa khúc (anné-lides) như cuốn chiếu, loại hung túc (athropodes), như nhện, bọ cạp... thì chúng ta hướng về các loại không xương có máu trắng.

(còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN VĂN-THƯ

Kỳ tới : Loài có xương sống

thuyền giấy

trần huiền ân

Mưa đã tạnh : nước ven bờ đại lộ
Lững lờ tan bong bóng chảy về xuôi
Đang rảo bước anh dừng chân giữa phố
Bởi tiếng em cười chứa vạn niềm vui

Bàn tay bé em thả con thuyền bé
Xếp vụng về — góc giấy chực xòe ra
Không có gió nên thuyền trôi rất nhẹ
Em dõi theo và hát khẽ : « Dô ta...»

● ● ●

— Anh vụt nhớ... Ngày xưa năm sáu tuổi
Trời quê hương nhiều mây trắng mây xanh
Mấy anh em suốt ngày chơi với suối
Thả những con thuyền vun vút lao nhanh

Anh bỗng thương em : thị thành chật chội
Một nhánh khe nào thấy để mà tìm ?
Thì mong gì vừa ngửi mùi hoa gối
Vừa thả thuyền vừa nghe bản đàn chim ? —

Em nhanh nhẩu với bàn tay đón vớt
Con thuyền lên đem thả lại từ trên
Anh muốn đến hôn mái đầu non nớt
Tia mắt em — trời ? — biết thuở nào quên?

Anh chợt hối : thị thành dù chật chội
Vẫn có dòng mơ bến mộng khơi nguồn
Thả đi em... Mai thuyền xa đô hội
Nhập bạn bè say lướt sóng trùng dương...

T.H.Â

Công đồng Vatican II với người không công giáo

★ PHAN MAI

NGƯỜI không Công-Giáo chú ý và theo rõi những hoạt động của Công đồng Vatican II, hơn nữa còn muôn chia sẻ ngay cả những hy vọng mà người Công Giáo mong đợi ở Công đồng vì cho rằng Công đồng không phải là một việc nội bộ của người Công Giáo với nhau, trái lại, là một việc chung, liên hệ nhiều đến cả người không Công-giáo.

Một người không theo Công giáo có thể thấy Đạo Công giáo không ảnh hưởng gì đến đời sống của mình. Nhưng không thể không thấy *người* Công giáo có liên quan đến mình. Đã đành Đạo là cái gì cao cả, siêu nhiên, nhưng con người theo đạo lại là một vật tự nhiên, phàm trần, sống đạo từ một hoàn cảnh đời, trong một đoàn thể xã hội nhất định. Vậy tùy theo cách họ hiểu đạo mà người Công Giáo sẽ xác định những thái độ của họ trước cuộc đời, trong đoàn thể xã hội. Nói cách khác, lối hiểu đạo và sống đạo của người Công giáo có tác dụng vào những hành động của họ về chính trị, văn hóa, xã hội... và chính vì thế mà Đạo Công giáo đụng chạm tới người không Công giáo. Người Công giáo và không Công giáo cùng sống chung ở một thời đại, cùng chia sẻ số phận làm người. Trước những vấn đề chung như Chiến Tranh và Hòa Bình, bất công và công bình xã hội, người không Công giáo chú ý theo rõi một cách băn khoăn xem Đạo Công giáo, qua hành động của người Công giáo, có phải sẽ góp phần vào sự tiến bộ nhân loại hay chống lại sự tiến bộ đó, có phải sẽ tham gia xây dựng Hòa-Bình, đoàn tụ các Dân tộc hay tạo điều kiện chia rẽ các Quốc gia, có phải sẽ là động lực thúc đẩy tiến tới một xã hội công bình hơn, hay là một lực lượng phản

động nhằm bảo vệ những chế độ bảo thủ lạc hậu..?

Cộng đồng Vatican II là một thứ Đại hội nghị những vị lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội Công giáo không phải có mục đích xét lại Đạo Công giáo, nhưng xét lại những lối hiểu đạo và sống đạo của người Công giáo trong một hoàn cảnh thế giới mới và trước những đòi hỏi mới của con người hiện đại. Làm sao người không Công giáo có thể dửng dưng không theo rõi những hoạt động của Công đồng một cách thiện cảm và hy vọng với người Công giáo về Công đồng ?

Đạo công-giáo trước Thế-giới ngày nay

Ai cũng biết sự phát huy và bành trướng của Đạo Công giáo gắn liền với lịch sử Âu-Châu. Trong mấy thế kỷ đầu tiên, việc truyền giáo gặp rất nhiều khó khăn thử thách vì chính quyền La-Mã thời đó chống lại KiTô-giáo, bắt bớ người theo Đạo. Nhưng từ khi vua Constantin trở lại Đạo, KiTô giáo bắt đầu bước vào một kỷ-nguyên mới. Dựa vào thế quyền suy phục Giáo hội, Kitô-giáo bành trướng mau lẹ trong khắp Đế quốc La-Mã và dần dần khắp Âu-Châu. Cho đến thời Trung-Cổ, thì Kitô giáo đã hoàn toàn trở thành một tôn giáo không những chỉ bá chủ về phần Đạo mà còn bá chủ cả về phần đời. Tư tưởng học thuật, chính trị, quân sự đều ở trong tay hàng giáo phẩm nắm giữ. Các Giáo sĩ vừa là Đẳng Chăn Chiên, nghĩa là lo việc đạo, vừa là Đẳng « Bảo Vệ thành » nghĩa là lãnh đạo chính quyền, chỉ huy tổ chức mọi công việc xã-hội, giáo dục, quân sự. Trên địa hạt văn-hóa, Giáo Sĩ cũng nắm giữ các trường Đại học, các sinh hoạt tư tưởng và mọi kiến thức, khoa học, triết học đều lệ thuộc thần học. Thần học này cũng chỉ là một khía cạnh của một tổng hợp Văn hóa rộng lớn tạo thành một nền văn minh công giáo thống nhất và độc tôn bao quát mọi phạm vi sinh hoạt của xã hội Trung-cổ.

Trung cổ sụp đổ, chấm dứt thời « vàng son », « Nghiêu - Thuấn » của Ki-Tô-giáo. Phong trào Cải cách bùng nổ, gây nên một cuộc khủng khoảng trầm trọng trong Ki-Tô giáo ; kết quả là đưa đến sự phân hóa tôn giáo nầy thành nhiều Giáo phái như ta đã thấy và tình trạng phân hóa đó vẫn kéo dài đến ngày nay. Sự phân hóa này vẫn được trình bày như bắt nguồn từ những chia rẽ về tính lý. Nhưng không ai chối cãi được rằng sự phân hóa đó đã xuất hiện ở một thời giáo hội suy đồi, vì sa lầy nặng nề trong những lạm dụng, tệ đoan, rất trái ngược với tinh thần đạo đích thực.

Đồng thời với phong trào Cải-cách, phong trào Phục hưng mở đầu những nỗ lực ly khai khỏi ảnh hưởng và sự lệ thuộc Đạo Công giáo. Những nỗ lực ly khai đó vẫn tiếp tục cho đến ngày nay ; do đó càng ngày càng thấy tầm hoạt động của Đạo Công giáo bị thu hẹp lại và thế lực của Công giáo càng ngày càng bị suy giảm đi...

Tham vọng ly khai thoát khỏi sự lệ thuộc Công giáo cũng diễn ra ở trên mọi phạm vi.

a)— *Quyền bính* : Thế lực và uy quyền chính trị của Giáo sĩ bị mất dần. Thần quyền bị tách khỏi thế quyền. Trong thời cận đại cũng như ngày nay, không còn phải việc các Giáo sĩ cầm quân, dự thảo kế hoạch quân sự hay cai-trị, thu thuế má, làm kinh tài, kết án luận phạt những kẻ phạm pháp. Giáo sĩ bị giới hạn trong phạm vi Đạo giáo của mình và những va chạm xung đột nổ ra khi Giáo Sĩ muốn can thiệp vào chính trị dưới bất cứ hình thức và mục đích gì.

b)— *Về tư tưởng học thuật* : Lâu đài văn hóa thống nhất và độc tôn thời Trung cổ cũng bị nứt rạn và sụp đổ trước những tấn công của tri thức khoa học và triết học đòi tự lập, tách khỏi thần học và đặt nền tảng trên thực nghiệm và lý-trí. Tư tưởng cận đại và hiện đại, trong đà lên và phát huy của mình, đã nuôi tham vọng xây dựng một tổng hợp văn-hóa mới, một nhân bản vô thần không những chỉ thoát khỏi sự lệ thuộc thần học công giáo mà còn muốn gạt bỏ luôn cả thần học bị coi như một huyền học vô ích và tai hại. Sinh hoạt văn hóa giáo dục cũng thoát khỏi sự chi phối của Giáo hội. Trường Đại học không còn phải do các Giáo sĩ độc quyền giảng dạy, cũng như việc chép sách, coi thư viện không còn phải hoàn toàn do các Linh-mục dòng Bênêditô đảm nhiệm.

c)— *Về xã-hội* : Những cuộc cách mạng kỹ-thuật, kinh-tế đã làm đảo lộn những cơ cấu xã-hội Tây-Phương. Hiện tượng tập trung dân số do sự phát-triển kỹ-nghệ đã dồn đông đảo nông dân ở thôn quê về tỉnh thành, và đặt họ vào những nếp sống mới. Những nếp sống mới này phù hợp với những phương thức sản xuất của nền kinh-tế kỹ-nghệ cơ khí, nhưng không còn phù hợp với những lề lối sống đạo cổ truyền trong nền văn minh nông nghiệp và thôn quê. Đó là nguồn gốc hiện tượng mất đạo của quần chúng nông dân đã trở thành thợ thuyền (déchristianisation). Đến thế kỷ thứ XX, những hình ảnh về một Đạo công giáo thống nhất, độc tôn bá chủ như thời Trung cổ thật đã xa vời trong dĩ vãng. Đạo Công giáo không còn nắm giữ quyền chính-trị, mất trí thức, mất thợ thuyền. Ở mọi lãnh vực sinh-hoạt, chỗ nào cũng thấy sự vắng mặt của Đạo công giáo mà trước đây đã một thời chi phối lãnh-đạo tất cả.

Đạo bị gạt khỏi phạm vi đời và thu hẹp vào khu vực nhà Thờ; Cha Sở chỉ còn có ích cho trẻ con, bà già. Đã hẳn, sự thực không phải hẳn như thế. Nhưng nhìn một cách tổng quát, thô thiển, người ta có thể có cảm tưởng trên.

Chính người Công giáo cũng nhận định như vậy, nhất là sau thế giới đại chiến lần thứ hai. Khi cuốn «Nước Pháp, xứ Truyền giáo» «La France, Pays de Mission) của hai Linh - Mục Godin và Daniel ra đời, đã gây một thức tỉnh lớn lao ở

nơi người Công-giáo Pháp. Đột nhiên họ thấy nước Pháp không còn phải là một xứ Đạo (Chrétienté) mà đã trở lại tình trạng xứ truyền giáo (Pays de Mission) vì hiện tượng mất Đạo ở giới thợ thuyền. Nhìn rộng ra nữa, người Pháp cũng thấy không phải chỉ ở giới thợ thuyền mới có hiện tượng mất đạo và cần phải truyền giáo mà cả các giới khác cũng đều có hiện tượng đó. Hiện tượng mất đạo cũng không phải chỉ xảy ra ở nước Pháp, nhưng ở tất cả Âu châu. Nhìn vào chính mình, người Công giáo Âu-châu đã thấy biên giới của đạo thu hẹp lại. Đến khi nhìn ra ngoài Âu-châu, trước sự vùng lên của cái mà người ta gọi là «thế giới thứ ba» (tiers-monde) sau những cách-mạng lật đổ chế-độ thuộc địa của các dân tộc Á Phi, người Công giáo Âu-châu lại khám phá thấy có nhiều văn-hóa, tôn giáo khác hoàn toàn xa lạ với Đạo Công giáo và hơn nữa những nền văn-hóa, tôn giáo đó chiếm đại đa số nhân dân thế giới.

Nỗi băn khoăn của người Công giáo thật lớn lao khi họ ý-thức được sự thoái lui của Đạo Âu-châu, đồng thời sự bé nhỏ của ngay cả cái Đất Âu-Châu đó bên cạnh những miền bao la của những nước Á-Phi với những nền văn-hóa tôn giáo khác hẳn Công giáo.

Trước đây, người Công giáo cũng đã thấy những sự kiện đó. Nhưng phản ứng thông-thường của họ là từ chối, khép kín, đổ lỗi cho người khác và kết án người khác. Ai để ý đến lịch-sử đạo Công giáo từ thời phục hưng đến nay, đều dễ dàng nhận thấy thái-độ trên của người Công giáo trước những đòi hỏi tự lập của quyền bính phần đời, trước những trào-lưu tư tưởng nhân bản vô thần hay trước những cuộc Cách-mạng xã-hội.

Nhưng càng khép kín, từ chối và lên án, càng làm cho thế-giới xa lìa đạo Công giáo và trở thành thù dịch với đạo. Những cấm đoán của Tòa án tối cao (Saint-Office) về sách vở không được đọc (Index) vì bị coi là rồi đạo chống đạo (1), chẳng những không ngăn chận được sự tiến bộ của tư tưởng độc lập mà còn làm cho tư tưởng đó chống lại đạo Công giáo như một nhà trí thức không Công-giáo nhận định : « Chỉ cần đọc bản kê khai những sách cấm cũng đủ hiểu : Nếu Giáo - Hội La-Mã chinh-phục lại được thế lực của mình ở thời Trung - Cổ thì tất cả nền văn-minh cận đại, từ thời Phục hưng, sẽ bị xóa bỏ và gạt ra ngoài lịch-sử ».

Những thư chung, thông điệp như Mirari vos, Singulari Nos và đặc-biệt là bản tóm nổi tiếng Syllabus gồm 80 điều cấm đoánvà luật phạt chẳng những không làm cho thế-giới mới này « trở lại » đạo Công-giáo mà chỉ càng làm cho người không Công-giáo lầm-tưởng

(1) Chẳng hạn toàn bộ tác phẩm Victor Hugo Kant, Voltaire, Pascal, Rousseau, Bergson. Hầu hết những tác giả nào không công giáo và cả Công giáo không chính thống đều bị xếp vào Index.

rằng Đạo Công-giáo chống lại sự tiến bộ của con người, chống lại Nhân-loại chống lại những giá-trị nhân văn, kết án Tự-do và những khát vọng công chính của con người cận đại và hiện đại.

Tầm quan-trọng của Công-đồng Vatican II

Điểm đặc-biệt nhất của công-đồng Vatican II này là sự triệu tập Công-đồng không phải để lên án, luận-phạt một ai để quả quyết Đạo Công-giáo là chân thực, như những kỳ họp Công-đồng trước trong lịch-sử. Người ta chú-ý tới lời tuyên bố của Giáo-Hoàng GIOAN XXIII, ngày khai-mạc Công-Đồng khóa I hồi năm ngoái cũng như tới bức thư các Nghị-Phụ gửi cho toàn thể thế-giới. Cả hai bài đều bày tỏ một sự thay đổi thái-độ, không một lời kết án ai, trái lại, chỉ thấy các vị lãnh đạo Công - giáo nói tới lòng ưu ái của các Ngài trước những đau khổ, thử thách của Nhân loại hiện nay.

Chính Giáo Hoàng GIOAN XXIII cũng đã xác-định trong lời tuyên bố khai-mạc Công-đồng, mục-đích của Công-đồng: Giáo-Hội tự kiểm thảo, canh tân để thích nghi với những đòi hỏi của thế giới hiện - đại. Sứ mệnh của Giáo-Hội Công - giáo là đem tin vui Phúc-âm đến cho mọi người ở trong mọi nền văn - minh và khung-cảnh xã-hội, Giáo Hội phải chấp nhận thế-giới này với mọi vẻ cao cả, giá-trị tốt đẹp của nó cũng như mọi lầm lẫn tội lỗi của nó. Thay vì khép kín lại, từ chối không tìm hiểu và chấp nhận nó, người Công-giáo sẽ mở rộng cửa để đón nhận thế-giới này và cho rằng sở dĩ nó còn xa lạ hay chống lại Đạo Công-giáo thì không phải hoàn toàn tại nó mà còn tại những lầm lỗi, chật hẹp của chính người Công-giáo ; cho nên thay vì lên án và luận phạt, đổ lỗi cho người khác, người Công-giáo quay trở vào lòng mình để tự xét mình và khiêm tốn nhận lấy trách-nhiệm. Đó là sự thay đổi lớn lao và chính sự thay đổi này mặc cho Công-đồng Vatican II một tầm vô cùng quan-trọng. Người Công-giáo muốn sống đạo của mình ở giữa mọi người, muốn đóng một vai trò trong sự nghiệp tranh-đấu cho công bình xã-hội, cho Hòa-bình thế-giới, cho sự gần gũi và đoàn tụ các dân tộc ; người Công-giáo chấp nhận mọi nền văn-minh và muốn hiện diện trong mọi lãnh vực chính-trị, xã hội, văn hóa, không còn phải để bá-chủ, thống trị người khác, nhưng để chia sẻ, cộng-tác với những người không Công-giáo trong một công-trình chung. Muốn lấy lại được vai trò của mình ở Âu Châu, và hơn nữa, muốn « có mặt » hiệu nghiệm ở các phương trời khác, nói tóm lại, muốn « có mặt » ở giữa thế-giới hiện nay để làm chứng cho Giáo-lý của Đấng Kitô, người Công-giáo cần phải xét lại, không phải là xét lại Giáo-lý của mình đúng hay sai, nhưng là xét xem những lối hiểu đạo và sống đạo có phản ảnh trung-thành Giáo-lý của Đạo không ?

Trong viễn tượng đó, Công - đồng nhằm xét lại tất cả những lối giữ Đạo và truyền Đạo, chẳng hạn bàn về Lễ

nghi — Phụng vụ có nên dùng tiếng bản xứ hay tiếp tục dùng tiếng La-Tinh trong việc tế-tự.

Vấn đề xem ra có vẻ tầm thường, nhưng thực ra rất quan trọng vì nó liên can đến vấn đề người Công giáo phải có thái độ nào trước các nền văn minh không phải La-Tinh.

Vấn đề đào tạo Giáo sĩ trong các Chủng viện, vấn đề truyền giáo, vấn đề phim ảnh báo chí, vấn đề hiệp nhất các Giáo hội ly khai, vấn đề quyền bính của các Giám mục, vấn đề thích nghi với thế giới hiện đại v. v. . . Có nhiều nghị phụ đề nghị Công đồng sẽ đề cập riêng tới những vấn đề cụ thể chiến tranh nguyên tử, kỳ thị chủng tộc, kỳ thị Tôn giáo, chế độ thực dân v.v...

Hiện nay, Công đồng đang họp khóa II. Người ta chưa biết được kết quả sẽ ra sao. Nhưng có một điều chắc chắn là những hướng đi mà Công đồng đề ra cho toàn thể giáo hội Công giáo theo sẽ ảnh hưởng sâu xa tới Công đồng thế giới và hơn nữa cũng chắc chắn sẽ là những ảnh hưởng tốt.

Một dấu hỏi cho người không Công giáo

Péguy thường nhắc tới sự thoái trào của « huyền bí » xuống « chính trị » (dégradation du mystique en politique) Bergson cũng hay so sánh xã hội khép kín và xã hội cởi mở, phải chăng « Cách mạng biến thành định chế » là một định luật của mọi Tôn giáo, học thuyết, mọi chế độ xã hội ? Lúc mới thành lập Đạo nào cũng lành thánh, trong sạch thiêng liêng nhưng dần dần nó biến thành chính trị, định chế (institution) cứng nhắc, máy móc, nặng nề, bảo thủ, khép kín, sa đọa...

Đạo Công giáo cũng không thoát khỏi cái quá trình thoái trào đó. Nhưng lịch sử Đạo Công giáo cũng cho ta thấy chính lúc Đạo đó đã cô đọng thành định chế cứng nhắc, chính lúc người ta tiên đoán nó sắp sụp đổ vì những mâu thuẫn nội tại và những mâu thuẫn với thế giới bên ngoài thì cũng là lúc nó chối dậy, tự phủ nhận để trở về nguồn, tìm lại phong độ « cách mạng » của nó lúc ban đầu và quyết định bước đi những bước mới, cởi mở, trẻ trung, mạnh bạo như người lữ khách vừa bắt đầu lên đường.

Ai ngờ. Giáo-Hoàng Gioan XXIII, Ông già 80 tuổi lại là một người « Cách mạng », một nhà cải cách lớn lao của Giáo-Hội ? Ai có thể tiên đoán có Công đồng Vatican II ?

Cho nên, đối với một người trí thức không Công giáo, khi nhận xét về lịch sử Đạo Công giáo, cái nhìn phê phán của mình không ngạc nhiên về những lỗi lầm, sa đọa, thoái trào của Đạo Công giáo cho bằng ngạc nhiên về khả năng tự phủ phận, tự kiểm-thảo, tự canh tân của Đạo đó trong lịch-sử. Ai cũng biết, một tôn giáo, học thuyết ngay cả các chế-độ chính-trị chỉ tồn tại và thoát được con đường chết bằng sự phủ nhận và xét lại. Có thể xét lại không

phải là dấu-hiệu của thất bại hay yếu hèn, nhưng chính là dấu hiệu của sức mạnh, của sự trẻ trung còn tương lai. Chỉ những tôn giáo, chế-độ già cỗi, suy nhược, yếu hèn mới sợ tự kiểm thảo và những lời phê bình của người khác. Nhưng kết án thái-độ xét lại cũng là dấu hiệu tôn giáo, chế-độ đó đang trên con đường thoái trào.

Cho nên, đối với người không Công giáo, vấn đề không phải là tại sao Đạo Công giáo có những sa đọa, lỗi lầm qua lối sống Đạo của người Công giáo vì Đạo Công giáo cũng như các Đạo khác không tránh được định luật thoái trào trong việc hành đạo, nhưng là tại sao Đạo đó vẫn tồn tại *mặc dầu* những sa đọa, lỗi lầm, và luôn luôn có thể quật khởi, chỗi dậy vượt bỏ những lỗi lầm, sa đọa...

Người Công giáo tin rằng khả năng tự phủ nhận đó của Giáo-Hội là do Đức Thánh Linh và chính Thánh Linh đảm bảo sự tồn tại của Giáo-Hội cho đến ngày Tận thế. Nhưng với người không Công giáo không biết Thánh Linh là gì, sự kiện tự xét lại, canh tân của Đạo Công giáo quả thật là một dấu hỏi lớn!

PHAN-MAI

Ngày con ra đời

Lửa hồng còn ngún đâu đây
Thuốc an một giấc đà say mấy lòng
Bão dông sắp sửa hải hùng
Con ra đời lúc chập chùng âu lo
Má con bận việc ẵm no
Ba con thì một chuyến đò dở dang
Ông xưa đứng nép lỡ làng
Ba nay đứng lại con đàng về đâu
Chỉ ông ba chịu cúi đầu
Mơ ba con có ngửng đầu không con?

Ngẩn ngơ nhìn chút thân con
Mà nghe nhè nhẹ màu son chuyển mình...

NGUIỄN-NGU-Í

hữu phương

Vậy bên tôi những mái đầu thơ dại
Đứa năm tuổi rồi, đứa bốn, đứa ba
Mỗi lần tôi đi, tôi thường ngoảnh lại
Nhìn nét buồn đứa nhỏ nhất kêu « ba ! »

Hình ảnh chúng còn tung tăng trước ngõ
Đứa lớn nhảy cò cò, đứa nhỏ đứng xơ rơ
Một tiếng còi tu, ngẩn ngơ : tàu ba đó !
Ba đâu rồi ? — Những chớp mắt bơ vơ

Tôi đã từng đi hai mươi ngày, một tháng
Đã từng quen trống vắng của tâm hồn
Nhưng đôi lúc nhìn con bươm bướm sáng
Chập chờn bay, chợt nghĩ mảng trời xuân

Vời lục địa bao nhiêu vườn cỏ mọc
Bao nhiêu hoa lá chớm buổi đông tàn
Tôi mường tượng giữa muôn loài thảo mộc
Chúng nó là nụ biếc điểm giang san

Bỗng tôi thấy hồn mình vui trẻ lại
Và nghe như liếng thoắt bước con tàu
Biển mênh mông hiện vòng lên khoảng bãi
Những bàn chân bé nhỏ dẫm chồng nhau

Kìa chúng nó : những thiên thần thế hệ
Lớn giữa đời ẩm mốc bụi trần ai
Ồ ạt mưa giông, sầu hoang tím bể
Khắp nẻo rừng ngơ ngác những đàn nai !

Và chúng nó, một ngày kia... có lẽ
Tôi đau buồn nhìn ngắm tuổi kiều nhi
Bên những nét hồn nhiên loài bướm sẻ
Có vẻ sầu thăm dượm ở riềm mi

Nên đôi lúc tôi ngập ngừng đứng lại
Nhìn con đường, ái ngại quãng tương lai
Xin thượng đế cho đời tươi thắm mãi
Hoa của Ngài hương sắc chẳng tàn phai

hình ảnh mang theo

H. P.

TRÀNG THIÊN

một đề tài của Tolstoï : CÁI CHẾT

LÉON Tolstoï sinh năm 1828, tại Iasnaia Poliana, trong một gia đình quí tộc nước Nga.

Lúc mới lớn lên Tolstoï chơi bời khét tiếng một thời, rồi hồi hận quay về quê, quyết cải thiện cuộc đời của những nông dân nghèo khổ dột nát sống trên đất mình. Nhưng cố gắng ấy thất bại, ông theo anh tùng chinh ở Caucase. Ở đây, ông bắt đầu viết hồi ký về thời *Thơ ấu*, và viết những thiên truyện đầu tiên, được độc giả hoan nghênh.

Năm ba mươi bốn tuổi, ông cưới một người vợ trẻ, sống mười lăm năm đầy hạnh phúc. Cũng trong những năm ấy ông đã viết mấy cuốn truyện quan trọng nhất không những đối với sự nghiệp văn chương của ông mà còn là quan trọng vào bực nhất trong nền văn học thế giới từ xưa tới nay. «Chiến tranh và hòa bình», «Anna Karénine».

Sau đó ông trải qua một thời kỳ bị nhiều thắc mắc dày vò, quay ra đọc thánh kinh, viết sách luân lý, làm những công tác xã hội, soạn sách vỡ lòng cho trẻ em... Trong lúc hăng say quyết tìm chân lý, ông đã bài bác khoa học. nghệ thuật, bài xích giáo hội, công kích chánh phủ Nga hoàng. Những cuộc đả kích say mê, liều lĩnh và ồn ào ấy làm cho danh tiếng ông vang dội rất xa, đến khắp Âu châu, Mỹ châu, đến tận Ấn độ, Trung hoa, Nhật bản. Người ta nô nức tìm tới Poliana không phải chỉ để ngưỡng mộ một nhà nhà văn lỗi lạc, mà như thể là đi hành hương, đi yết kiến một thánh nhân với cái hy vọng được truyền dạy một đạo sống. Trong khi ấy thì chính Tolstoï lại trải qua những khủng hoảng khó khăn nhất trong đời, và sự xung đột tư tưởng trong gia đình, vì ông tự thấy mình không giải quyết nổi những băn khoăn của mình, không sống được theo tư tưởng mình ; khủng hoảng cho đến nỗi mấy phen ông toan bỏ gia đình ra đi. Những cuốn *Cái chết của Ivan Ilitch*, *Nhạc khúc gửi Kreutzer* đã viết ra trong giai đoạn này.

MỘT ĐỀ TÀI CỦA TOLSTOI : CÁI CHẾT

Về già, tâm hồn Tolstoï dần dần lắng dịu xuống ít nhiều. Trong cuốn tiểu thuyết *Tái sinh* rõ ràng có sự bình tĩnh hơn, không còn những hoang mang quá sôi nổi nữa.

Tháng 11 năm 1910, một hôm trời chưa sáng, Léon Tolstoï bỏ nhà trốn đi, định tìm đến một nơi hẻo lánh, sống khuất lấp những ngày còn lại. Giữa đường, ông nhuốm bệnh, được đưa xuống một nhà ga nhỏ để săn sóc. Tin ấy chẳng mấy chốc được loan truyền khắp nơi. Mấy ngày sau, ông trút hơi thở cuối cùng ngay tại nhà ga này.

*
* *

Nhìn ở bề ngoài, cuộc đời của Léon Tolstoï là một cuộc đời để cho mọi người mơ ước. Ngoại trừ cái điểm bị cha mẹ mất sớm (nhưng không phải vì vậy mà không được thương yêu, chăm sóc tử tế), Tolstoï như được hưởng mọi ưu đãi của số phận. Vậy mà đối với riêng ông chính những đều may mắn ấy đã làm ông khổ sở lo nghĩ một đời.

Sinh ra trong cảnh giàu sang, Tolstoï cứ càng ngày càng giàu mãi vì tác quyền của những sách do ông viết ra. Ông xem tiền của ấy là một sự bất công, ông muốn từ chối hết của cải ấy, muốn đem sản nghiệp ra phân phát cho kẻ nghèo, muốn chối bỏ tác quyền, nhưng không sao được : vợ ông còn đó, vì quyền lợi của mười ba người con, vợ ông phải giữ gìn tài sản và phải... khuếch trương nó thêm. Ông lén lút trốn vợ, vào giữa rừng, ký giấy từ bỏ tác quyền, ông ra đồng cày ruộng, ông tự bửa lấy củi, tự khâu lấy giày..., ông làm mọi việc để được giống như người nghèo, nhưng đành khổ sở nhận thấy mình không thể nào giống như thế được.

Ông sinh ra có tài, viết văn thì thành công ngay từ khi mới bắt đầu. Ông xây dựng nên những tác phẩm vĩ đại chưa từng có trong văn học. Thế nhưng bỗng nhiên ông thấy rằng các hoạt động nghệ thuật của mình thật là vô bổ đối với đời, ông bất mãn về nó, chê bai mạt sát nó thậm tệ.

Ông yêu, liền được yêu lại. Ông cưới đúng người mình mong muốn : một người vợ hiền thục, đảm đang, đã cáng đáng mọi việc gia đình lại tận tình giúp đỡ ông trong việc sáng tác. Nhưng chính vì vậy mà sau này ông không làm được những việc ngông cuồng theo ý mình, và cảnh gia đình hóa thành địa ngục đối với ông. Đến chừng ấy ông muốn trốn nhà ra đi mà không đi được nên lại càng khổ nữa : Ông thương vợ vô tội, không nỡ để vợ chịu đau buồn, vì thế đã ra đi ông lại hồi hận quay về đôi ba lần, chịu sống trong sự ray rứt cho đến quá tám mươi tuổi.

Ông sinh vào một gia đình quyền quí, mà càng ngày danh vọng ông lại càng cao mãi, cao mãi. Khắp nơi người ta tin ông, ngưỡng mộ sùng bái ông, đến nỗi khi ông chỉ trích chính phủ nặng nề, bộ Nội vụ muốn bắt ông thì chính Nga hoàng liền ngăn lại. Xung quanh ông, những người nghe theo lời ông mà hoạt động có lắm

kẻ bị tù tội, còn chính ông thì lại chẳng có ai chịu động chạm tới. Ông kêu trời về nỗi không sao «được» ở tù vì tư tưởng của mình ! Danh vọng càng cao, ông càng bị người đời tìm đến quấy rầy. Và cái danh vọng phiền nhiễu đó đeo đuổi ông cho đến hơi thở cuối cùng : ngay trong những ngày hấp hối tại Astapovo, trong một nhà ga nhỏ xa xôi, ông cũng không tìm được sự yên tĩnh.

Có tiền của, có danh vọng, có tài, có tình yêu như vậy đã là nhiều rồi. Ông lại còn có sức khỏe và tuổi thọ nữa. Sinh từ đầu thế kỷ 19, ông sống một cuộc đời không ngừng hoạt động cho đến đầu thế kỷ thứ 20 không bị một bệnh tật nào ngăn trở (tuy có một độ, hồi năm 1860, ông tưởng tượng mắc bệnh lao). Thế nhưng lại chính vì cái sức khỏe ấy mà Tolstoï lắm phen khổ sở, bất mãn về thể xác mình. Thực vậy, người ông khỏe, mỗi ông dày, ông không kiềm chế nổi dục vọng, nhiều khi ông sa ngã, ông gây tội lỗi, để rồi sau đó tự mình lại ân hận, lại xỉ vả mình, cảm thấy mình thấp hèn, đê tiện. Ông tự răn mình, nhiếc mình hàng ngày trong nhật ký, ông lại mang tập nhật ký ấy đưa cho cô vợ chưa cưới xem để cho cô thấy rõ hết sự xấu xa của mình. Ông thành khẩn chịu lỗi, cố tâm sửa lỗi, nhưng rồi thỉnh thoảng lại cứ ngã. Ông đã quá thấu rõ, thấm thía về những tội lỗi do xác thịt gây ra, cho nên rốt cuộc ông muốn cho giữa đàn ông và đàn bà đừng bao giờ có sự tiếp xúc về xác thịt hết ! Trong cuốn *Nhạc khúc gửi Kreutzer*, nhân vật chính đã hùng hồ công kích sự tiếp xúc ấy, mà tác giả lại còn thêm vào một bài dài, kịch liệt bài bác cái quan hệ xác thịt giữa trai gái.

Tolstoï giàu để thấy đồng tiền là đáng ghét, nổi tiếng để thấy cái phiền lụy vì danh vọng, viết truyện tuyệt hay để rồi cho rằng đó là việc nhảm nhí, có sức lực cường tráng để nhận ra bao nhiêu nhục lụy tội lỗi do những đòi hỏi của thể xác, để rồi đâm ghê sợ cái thể xác ấy. Tolstoï khỏe mạnh, đầy sức sống, và có lẽ tại vì thế mà đối với cái chết ông lo lắng và sợ hãi hơn các nhà văn khác.

Nói thế thoạt nghe có vẻ trái tai, nhưng không phải không có lý. Những kẻ yếu đuối, bạc nhược, đau ốm rề rề quanh năm, họ có dịp làm quen với ý tưởng chết chóc, lắm khi lại chán cảnh bệnh tật mà dám chạy trước đến chỗ chết. Chứ còn một người như Tolstoï... Một người sáu mươi bảy tuổi còn cao hứng nảy ra ý kiến tập cưỡi xe đạp, bảy mươi tuổi còn trượt tuyết như bay, tám mươi tuổi còn tập thể dục hùng hục mỗi ngày, và tám mươi hai tuổi còn phi ngựa vùn vụt. Một người có cái sinh lực mà Stefan Zweig cho rằng xứng đáng với sinh lực những con người hồi thượng cổ, cái sinh lực không sao có thể tìm thấy ở đám nhân loại văn minh và ẻo lả của thế kỷ 19 sau này nữa. (Người ta kể rằng một hôm nhân bàn về cuốn *Nhạc khúc gửi Krentzer* có người

đùa bảo Tolstoï hô hào sự trinh khiết chỉ làm khó cho bọn thanh niên chứ về phần ông thì sự kiêng khem còn khó khăn gì nữa, đến tuổi ấy ai chẳng dám nói chuyện trong sạch với phụ nữ ? Tức thì nhà văn lão thành bảy mươi tuổi này liền nổi giận phản đối ngay : Đừng tưởng thế mà lắm ! ông vẫn còn khổ cực lắm mới dằn nổi ham muốn chứ !). Một người như thế không thể chấp nhận cái chết ! không thể chịu đựng được, không thể tưởng-tượng nổi cái cảnh một ngày kia mình phải ngã xuống, nhắm mắt xuôi tay, thân thể tan rữa... Bẩm chất khỏe mạnh của ông phản đối cái viễn ảnh ghê gớm đó. Nghĩ đến đó ông kinh hoàng, khủng khiếp. Đối với chết chóc, ông nhận rằng mình có một mối kinh hãi quả là « trẻ con. »

Trẻ con hay không trẻ con, mối kinh hải đó đã ám ảnh ông lâu ngày, và là một đề tài quan-trọng trong văn-phẩm ông. Ngay trong cuốn hồi ký đầu tay viết về thời *thơ ấu* Tolstcï đã nói đến nỗi kinh hoàng bất ngờ giữa đám tang thân mẫu ông khi cử chỉ của một đứa bé chợt gợi ông nghĩ đến sự thối rữa của một thể xác thân yêu, đến một hiện-tượng tối tư phi lý (!) xảy ra ngay trước mắt ông, không thể chối cãi. Lớn lên, ngoài cảnh chết chóc ngoài chiến trường, ông còn mục-kích cái chết của hai người thân mến nữa : hai ông anh ruột. Một người là Nicolenka hấp hối trên tay ông, trước khi trút linh-hồn bỗng mở mắt thình-lình lẩm bẩm mấy tiếng : « Cái gì thế ? » Câu hỏi đó đã xúc-động Tolstcï đến chỗ sâu xa nhất của tâm hồn. Không biết bao nhiêu lần trong đời, nghĩ đến cái chết, đến sự bí mật ấy, ông sững sờ tự hỏi : « Cái gì thế ? »

Năm 1869, một hôm ông đi xa nhà, cùng với một gia nhân, đêm nghỉ lại quán trọ ở Arzamas. Vào khoảng hai giờ sáng, tự nhiên không đau không ốm gì cả, ông chợt cảm thấy một nỗi kinh sợ hãi hùng tột độ, đến nỗi ông tưởng mình hóa điên, một nỗi hãi-hùng chưa từng bao giờ cảm thấy trong đời. Sáng ra, ông viết thơ về thuật lại với vợ việc đó, và hẹn ngày về sẽ kể thêm tỉ mỉ. Tolstoï sợ gì trong đêm ấy ? — Mười lăm năm sau ông viết một thiên truyện nhan đề là *Ghi chú của một người điên* mà chủ đề chắc chắn là căn cứ ở sự việc xảy ra đêm nọ tại Arzamas. Ông viết : « Tôi tự bảo : « Bậy nào ! Tại sao lại hồi-hộp lo hãi ? Sợ cái gì kia chứ ? » Mơ hồ có tiếng của tử thần đáp lại : « Sợ tôi. Tôi đây. » Tôi lạnh người. Cái chết ! Nó sắp đến, nó đến, nó đây rồi. Tất cả con người của tôi thèm muốn được sống, mà đồng thời lại tự cảm thấy bị cái chết xâm chiếm... » Thì ra nỗi sợ khiến ông muốn hóa điên đêm ấy là sợ chết.

Trong đời của Tolstoï chắc chắn chỉ có mười lăm năm sau khi lấy cưới vợ là ông sống sung sướng nhất, sáng-tác dồi dào nhất. Mười ba năm liền ông bỏ không viết nhật ký : như thể tỏ rằng trong tâm-hồn ông tương đối có sự yên tĩnh, ít băn khoăn quằn-quại. Ấy thế mà trong hai pho truyện *Chiến tranh và hòa-bình*, *Anna Karénine*,

pho nào cũng có nhân vật luôn luôn thắc mắc về ý nghĩa sự sống chết ở đời : Pierre Bezoukhov, Lévine. Và ở những tác phẩm ấy có mấy nhân vật chết, mỗi cái chết đều được tác-giả theo dõi tỉ mỉ tường tận lạ lùng. Hoặc ông cụ thân sinh ra hoàng thân André, hoặc thân phụ Bezoukhov, hoặc chính hoàng thân André, hoặc anh Nicolas của nhân vật Lévine..., ở mỗi người phút lâm chung đều kéo dài trên dưới mười trang sách, có khi (trường-hợp Nicolas) kéo dài đến ngót mười lăm trang. Lẽ dĩ nhiên không phải là vì nhân vật của Tolstoï chết khó khăn hơn những nhân - vật tiểu - thuyết khác, nhưng là vì Tolstoï đã nhìn vào cái chết bằng cái nhìn đầy lo ngại, nhìn lâu như không rời nổi mắt đi được, nhìn quá kỹ như mong được thấu suốt về cái bí mật ấy, vì Tolstoï đã bận tâm về cái chết nhiều hơn các tác giả khác.

Lại mỗi lần một nhân vật của Tolstoï chết đi như thế, không phải họ chỉ gây nên sự xót xa đau khổ cho người thân. Mỗi lần như thế, họ gieo một nỗi kinh hoàng, một niềm hoang mang mênh mông, làm dao động xao xuyến cả tâm hồn các nhân vật sống bên cạnh họ. Khi ông thân sinh hoàng thân André, hay bá tước Bezoukhov, hay hoàng thân André, hay Nicolas khép mắt lìa đời thì không phải cô Marie, hay Bezoukhov, hay cô Natacha, hay Lévine vật mình vật mẩy khóc than : họ lặng người đi, như sửng sờ, bàng hoàng trước hiện tượng bi đát đầy bí ẩn vừa diễn ra. Cái chết trong tác phẩm của Tolstoï không phải chỉ là một biến cố đau thương trong gia đình, dường như bao giờ nó cũng khơi động đến cái gì rộng lớn hơn : định mệnh con người.

Sau giai đoạn mười lăm năm ấy, Tolstoï trải qua một thời kỳ gay go, sống không còn biết tới hạnh phúc. Đó là từ khi ông vào khoảng năm mươi tuổi về sau. Năm 1879, ông ghi vào một tờ giấy sáu câu thắc mắc về nguyên nhân và mục đích đời người. Câu cuối cùng là : « Chết là gì ? Làm thế nào tôi có thể tự cứu được mình ? »

Làm sao ông có thể tự cứu thoát khỏi cái định luật ghê gớm ấy ! Những tư tưởng về sự sống chết từng ám ảnh một số nhân vật tiểu thuyết của giai đoạn trước, nhưng đột nhiên đến giai đoạn này nó quay lại dày vò tác giả đến độ khiến ông cuồng cuồng. Ông bỏ sáng tác, ông đâm đầu học tiếng Hy lạp, tiếng Do thái, xông vào những pho Thánh kinh cũ kỹ để nghiền ngẫm, ông tha thiết mong tìm lại cái đức tin trót mất hồi trai tráng. Rồi ông tuyên bố đã có đức tin, đã tìm được sự yên ổn trong tâm hồn. Nhưng chẳng bao lâu người ta thấy ngay (và chính ông cũng tự nhận thấy) là ông chỉ dối mình : ông chưa bao giờ thực sự có được sự yên ổn mơ ước. Thấy những người nông dân dốt nát khổ sở mà vẫn bình thản tiếp tục cuộc sống, thản nhiên đón nhận cái chết, ông đâm ngờ vực những sự tra cứu thông thái trong sách vở, ông bèn lân la bên cạnh hạng nông dân thất học ấy để mong học hỏi thái độ hồn nhiên giản dị

vững chải trong cách sống của họ. Nhưng Tolstoï dù có lân la bên cạnh nông dân vẫn không sao hóa thành nông dân được.

Không gạt bỏ nổi những mối băn khoăn, không tự cứu khỏi cái chết, tốt hơn cả là hãy mở mắt nhìn thẳng vào nó, sáng suốt chuẩn bị chịu đựng tập làm quen với cái chết để cho dịu bớt sự sợ hãi. Ông nói : « Tôi nghĩ biết đâu ngày mai đây tôi có thể không còn sống nữa ; mỗi ngày tôi mỗi tìm cách làm quen với ý tưởng đó và tôi luôn luôn tập cho quen thêm. Ông tập rất kiên nhẫn. Từ hồi năm mươi tuổi về sau, cứ mỗi tối, sau khi chép xong các điều cần ghi vào nhật ký trong ngày hôm đó, ông để luôn ngày mai, rồi viết tắt thêm vào ba chữ bí mật. Ba chữ tắt ấy, nếu viết trọn ra thì là : « Nếu tôi (còn) sống ». Mỗi ngày ông tự nhắc nhở như thế, mỗi tháng ông lại ghi thêm một câu : « Tôi đang tiến gần đến cái chết ». Cứ thế, hết năm này qua năm khác, ông chuẩn bị cho mình một thái độ đón chờ...

Nhưng cái gì khiến cho sự khủng hoảng ở Tolstoï xảy ra vào lúc tuổi năm mươi ? Hay, nói cách khác, khiến cho những băn khoăn của Tolstoï đến tuổi này bỗng trở nên khẩn thiết trầm trọng hơn lên ? Stean Zwfeig tự hỏi có phải vì lúc ấy một vài chiếc răng của Tolstoï đau nhức muốn rụng chẳng hạn, con người vạm vỡ khoẻ mạnh ấy đột nhiên nhận thấy những báo hiệu đầu tiên của tuổi già và đâm ra bối rối, hoảng hốt ? Hay là vì một báo động gì mơ hồ hơn, một chuyện như « bệnh lao » hồi 1860 ?. Trong *Tự thú*, ông viết về khoảng năm bốn mươi bảy, bốn mươi tám tuổi : « Tôi gặp cái trường hợp như của một người lâm một chứng bệnh hiểm nghèo, đau tự bên trong. Thoạt tiên chỉ phát hiện ra những triệu chứng nhỏ nhặt, người bệnh không lưu ý đến ; rồi càng ngày các triệu chứng càng hay xuất hiện, và dần dà qui thành một sự đau đớn duy nhất và liên tục. Sự đau đớn tăng thêm lên và người bệnh chưa kịp xoay trở đã nhận thấy ngay rằng cái mà mình tưởng là sự khó chịu qua loa ấy chính thực ra lại là điều quan trọng nhất trên đời đối với mình : ấy là cái Chết »

Đọc qua mấy câu trên, tưởng đó là bản tóm tắt cốt truyện *Cái chết của Ivan Ilitch* Vì những gì xảy đến cho Ivan Ilitch sau này đúng y như thế. Hóa ra trong chín năm trời, Tolstoï không quên, không bỏ qua cái « trường hợp » tưởng tượng ấy, trong chín năm trời nó vẫn vẩn vương nơi trí ông. Ông bị nó ám ảnh, nghiền ngẫm về nó, đến năm mươi sáu tuổi, ông bắt đầu viết thiên truyện dành riêng cho « điều quan trọng nhất trên đời » Lần ấy, Tolstoï chuyên tâm miệt mài với cái Chết trong một thời gian dài : ông viết *Cái chết của Ivan Ilitch* suốt hai năm, từ 1884 cho đến 1886.

Như vậy tác phẩm này tuy ngắn, nhưng đề tài của nó là một trong những mối bận tâm trọng yếu nhất của Tolstoï. Có biết nỗi kinh hãi đột nhiên xâm chiếm cậu bé Tolstoï thuở

thơ ấu, biết những gì xảy đến trong cái đêm khủng khiếp ở Arzamas, những gì ông cảm thấy trong cái nhìn dò hỏi ngơ ngác của Mitenka, trong câu hỏi : « Cái gì thế ? » của Nicolenka trước khi chết (câu đó về sau ông lại đặt vào miệng Ivan Ilitch), biết cái công việc kiên nhẫn ông tiến hành trên tập nhật ký từng đêm từng đêm hết năm này qua năm nọ v.v..., có theo dõi tất cả những nỗi khắc khoải suốt đời của Tolstoï xung quanh ý tưởng về cái chết, ta mới hiểu vì sao câu chuyện thuật lại một trường hợp rất tầm thường này lại có khả năng kích động đến chừng ấy. Vì cái chết của Ivan Ilitch quả thực là tầm thường. Ivan Ilitch đã là một người tầm thường, có thể lẫn lộn với bất cứ người nào khác trong từng lớp của ông, sống tầm thường, phát bệnh vì một cớ cũng nhỏ nhặt tầm thường, rồi chết cái chết cũng rất tầm thường trên giường bệnh, giữa đám vợ con và gia nhân của mình. Tolstoï chiếu một cái nhìn tỉ mỉ và sáng suốt trên cuộc sống và cái chết ấy, thong thả trình bày lại từng chi tiết. Và tự nhiên từ câu chuyện tầm thường ấy vang một run sợ mênh mông huyền bí.

Trong văn chương thiếu gì những chuyện chết chóc thê thảm ở chỗ chiến trường, chết vì lửa cháy, lụt lội, vì đói khát, những chuyện đầu độc ám sát, những cái chết đau đớn, rùng rợn, oan uổng, uất ức... Nhưng ít có cái chết nào lay động tâm hồn người đọc sâu xa bằng cái chết giản dị này. Romain Rolland cho rằng : « *Cái chết của Ivan Ilitch* là một trong mấy bộ sách Nga đã xúc động quần chúng Pháp hơn hết» (chính R. Rolland khi còn là sinh viên, đọc xong truyện ấy liền vội vã viết thư ngay sang Tolstoï thỉnh giáo về lẽ sống chết ở đời); Jean Guéhenno nói : « Đó chắc chắn là một trong những thiên truyện vĩ đại nhất. Tôi cho là không ai có thể đọc đến mà không thấy bàng hoàng ...», để tựa một tác phẩm của Louis Guilloux, Albert Camus cũng nhận rằng cái truyện ngắn ngắn ấy là một tác phẩm lớn lao ; và khi lựa trong toàn bộ tác phẩm Toltoï để lấy một truyện, cho vào tuyển tập hai mươi đoản thiên hay nhất của văn học Nga xưa nay, Alain Bosquet đã chọn truyện này. Và nỗi hãi hùng hoang mang ấy gây nên không phải do một kẻ bệnh hoạn suy nhược như Marcel Proust, gầy còm như Voltaire, chết hụt trên đoạn đầu đài và đau lên đau xuống mãi như Dostoïevski v.v..., mà lại gây nên do một con người khỏe mạnh, sung sức, một đời không bị sự khó khăn vật chất nào, tính mệnh không bị sự đe dọa nào ! Cho nên nếu lắm người lo rằng có nghèo có túng, có đau khổ mới viết nổi văn hay, còn giàu sang sung sướng sẽ làm hỏng văn sĩ, mối lo ngại ấy không đúng hẳn. Đành rằng sự hài lòng, sự ổn định trong tâm hồn không thích hợp cho sự phát triển các tài năng văn học, nhưng thường khi không cần đến một hoàn cảnh thực sự bất an, mà chỉ cần cái cảm tưởng bất an. Và Tolstoï thì luôn luôn sống trong cái cảm tưởng bất an ấy.

TRÀNG THIÊN

---

(1) Do nhà xuất bản Seghers ấn hành

CÔ ĐƠN

giới thiệu truyện dài « Adrienne Mesurat » của Julien Green

★ CÔ LIÊU

Sau một thời-gian tiểu-thuyết mới Pháp được độc giả chào đón với một thứ khoái trá khác thường, một trào lưu khác muốn như thay thế tiểu - thuyết mới : người ta trở lại đọc những tác - giả của *thế hệ 1930* như Montherland và Julien Green, những tài nghệ đã bị đợt sóng mới lạ thời sự đẩy lui về quá khứ một thời-gian. Những nhà văn này trước sau vẫn trung-thành với một quan-niệm sáng-tác, những tác-phẩm mới ra đời vẫn được sáng-tác trong tinh - thần của một lập-trường văn-nghệ nhất trí.

Xem như vậy thì đối với Julien Green, văn-nghệ của ông tất phải chứa đựng cái gì có giá-trị những phát kiến mới lạ về tư-tưởng của thời-đại tuy lối văn cổ xưa của ông là một hình-thức kỹ - thuật lỗi thời. Quả vậy, ông làm hiển hiện một thế-giới tâm-tưởng bí hiểm, trong đó có tiếng nói của thắc - mắc siêu-hình của tiềm thức, của linh tính.

Chúng ta đứng trước những hiện-tượng tâm - lý kỳ diệu, vượt khỏi thế-giới của trí-thức, của lý-trí, phần lớn những hiện-tượng ấy chi phối đời sống con người. Chúng ta đặt chân tới thế-giới phân tâm học của Alfred Adler và Carl G. Jung.

*
* *

CÔ ĐƠN

NỘI dung cuốn tiểu thuyết được Julien Green đem trình bày dưới hình thức kỹ thuật có vẻ như lỗi thời, cái kỹ thuật của thời đại Zola, Balzac. Một kỹ thuật không đếm xỉa đến cái gì là mới mẻ, hợp thời của thế kỷ thứ 20, đúng hơn, của « thế hệ 1930 » trong văn chương Pháp mà ông là một đại diện. Chính Green cũng thú nhận trong nhật ký của ông rằng ông đã làm lộn một thế kỷ.

Adrienne, nhân vật của Julien Green đem lại cho chúng ta những bằng chứng của thắc mắc nội tâm, nhưng đây không phải những loại thắc mắc của một bà Bovary trong tiểu thuyết của Flaubert. Không phải chỉ là sự chán nản một đời sống buồn bực, nhàm nhỡ nơi tỉnh nhỏ, một xã hội câu nệ, thành kiến. Adrienne say mê bác sĩ Maurecourt bằng một mối tình héo hắt đau thương nhưng không phải một cuộc tình ái thông thường của trai gái, nàng bị thúc đẩy bởi những mãnh lực tối tăm. Chính người yêu của Adrienne chỉ là một người triều tượng xuất hiện trong trí tưởng tượng của Adrienne Maurecourt chỉ là một hình ảnh vật chất một « điều kiện » ở ngoài đời giúp nàng tạo ra một mẫu người siêu việt trong tâm trí để mà say mê.

Adrienne sống dưới sự ám ảnh của thần tượng ái tình đó, gây nên những thảm kịch những tai họa. Hành động cuồng dại của nàng không thể cắt nghĩa bằng lý trí, nhưng thực ra nó biểu lộ một cách sâu sắc sự hoạt động của tiềm thức con người, cái tiềm thức luôn luôn bị tri thức kiềm tỏa, nhưng luôn luôn thừa những cơ hội người ta mất kiểm soát để xuất hiện mà giải tỏa những tâm tình ẩn ức bị đồn nén.

* * *

Nàng sống lại mười lăm ngày trước đây. Hôm ấy nàng thơ thẩn trên một con đường ở ngoại ô, mình mặc áo xanh da trời, tay ôm bó hoa vừa hái ở dưới ruộng lên. Bầu trời yên lặng không một chút gió, một con sơn ca cất tiếng hót vang lừng, tiếng hót dâng lên như tiếng ca của mặt trời và đầm ấm. Bóng dâm thu lại một mảng tối ở dưới gốc cây. Từng giọt mồ hôi nóng hổi chảy trên cánh tay, trên má Adrienne.

Bỗng dưng nàng trông thấy một cỗ xe từ phía tỉnh lỵ đi tới. Đó là một cỗ xe ngựa chở mướn, đã bạc mầu sơn, lò-xo kêu răng rắc, ghế ngồi bụi bậm. Người đánh xe mặc áo an-pa-ga, dưới mũ rơm còn lót thêm chiếc khăn tay. Không biết tại sao nàng thấy cái xe đi tới có vẻ đáng chú ý, rồi nàng dừng lại bên bờ cỏ để nhìn cho rõ. Chẳng mấy chốc nàng nhận rõ người ngồi trên xe là bác sĩ Maurecourt vừa đến cư ngụ ở La Tour L'Evêque được mấy tháng nay.

Cỗ xe đi gần Adrienne. Có lẽ viên bác sĩ biết người con gái nhìn mình chòng chọc nên hai mắt rời cuốn sách đang đọc, ngẩng lên, quay lại phía nàng. Ông ta người bé nhỏ, dáng người còn trẻ, nhưng nước da xấu quá làm ông già đi. Trên khuôn mặt xanh sạm ấy, Adrienne nhìn rõ hai mắt tối sầm đang để ý ngó nàng với một vẻ ngạc nhiên. Ông ngập ngừng một chút rồi phác một cử chỉ đưa tay lên mũ chào. Mọi việc xảy ra chỉ trong một giây rồi cỗ xe đi mất.

Adrienne giữ một kỷ niệm rõ rệt về cuộc gặp gỡ ấy như một giấc mơ kỳ lạ khó lòng quên được. Trong cuộc dạo chơi hôm nay nàng nghĩ đến giấc mơ trong

lúc tỉnh hôm nọ. Có phải đây là trường hợp những người sống cuộc đời vô vị, nuôi hy vọng ngây thơ và dị đoan rằng sẽ có cái gì may mắn xảy đến ? Biết bao người bị cầm tù đã giật mình vui xướng khi nghe tiếng động ổ khóa ?

Từ ngày ấy Adrienne thường dạo chơi trên con đường đã gặp Maurecourt, nàng không quên ôm một bó hoa như lần trước, có lẽ vì cuộc sống chán nản ám ảnh nên trong tiềm thức nàng thầm tính rằng có những điều kiện như nhau sẽ xảy đến những sự việc như nhau. Tuy rằng không gặp mặt bác sĩ, nàng vẫn dùng hết nghị lực của cha truyền cho để trở lại đấy luôn trong một tuần lễ.

. . . . . .

* * *

Adrienne Mesurat sống với cha và chị (Germaine) một cuộc đời cô độc cách biệt hẳn mọi người trong một biệt thự ở một tỉnh nhỏ. Ông Mesurat thuộc về hạng ông già lầm tưởng rằng đời sống ngưng lại ở một giai đoạn nhất định, không có gì thay đổi nữa, tuổi trẻ chỉ tái diễn những cái gì ông đã trải qua lúc thiếu thời. Ông xếp đặt cuộc sống gia đình theo sở thích của riêng ông và không tha thứ được hai con làm trái ý muốn ấy.

Cuộc sống gia đình là một chuỗi hành động nhất định vào những giờ phút nhất định, hình như ông theo một tôn giáo mà giáo điều có khoản nghiêm trị nếu người ta không có mặt ở chỗ nào, làm việc gì như đã định trước.

Hai con gái, nhất là Adrienne, thấy lòng mình sùng sục nổi loạn phản đối thói phép kỳ cục của ông già, nhưng người cha khắc nghiệt ấy không tha thứ được con khóc lóc, dằn dỗi hay kháng cự. Hoàn cảnh gia đình ấy tạo ra một cô gái tầm ngầm, lầm lỳ, cứng đầu. Những giờ trống rỗng dài đằng đẵng kế nhau hàng năm hàng tháng, đã ngấm ngầm biến đổi tình hình người con gái sống cô độc, khô khan tình cảm.

* * *

. . . . . .

Ông Mesurat lấy tay đập xuống bàn :

— Mày có nghe lời tao không ? Mày làm sao nói tao nghe.

Germaine cũng nói :

— Em hãy ngồi xuống.

Adrienne không chịu nghe lời, nhưng bỗng dưng nàng không còn sức để chống cự, nàng kéo tay lại và kêu lên :

« Mặc kệ tôi ! Mặc kệ tôi ! »

Ông Mesurat vội bảo :

— Có im mồm không ! Mày làm hàng xóm láng giềng người ta nói bây giờ !

— Hãy gượm, Germaine nói.

Nàng bỏ tay Adrienne, đứng lên chạy ra đóng cửa :

« Bây giờ tha hồ cho mày kêu »

Ông Mesurat cũng đứng dậy. Máu nóng dâng lên má, nhưng ông làm ra vẻ điềm tĩnh nói một giọng từ tốn :

Con không nên la thét như vậy. Con hãy nói hết cho cha nghe xem thế nào ?

— Ông nắm lấy cánh tay Adrienne. Nàng thất sắc, chống tay xuống lưng ghế.

— Ba muốn con làm gì ?

— Con làm sao cứ nói cho ta biết.

— Con không làm sao cả.

— Vậy ngồi xuống đánh nốt ván bài, Germaine vừa nói vừa trở về chỗ.

Adrienne không trả lời. Hình như trong căn phòng này, căn phòng nàng đã biết tất cả mọi cái quen thuộc, đã có cái gì lạ lùng xen vào. Trước nàng còn ngạc nhiên, rồi sau sợ hãi, sau đến kinh khủng vì thấy mình bị giam hãm, không thoát được. Tiếng nói ông Mesurat làm nàng chợt tỉnh :

— Nếu mày không nói, tao sẽ nói cho. Mày nói mày không sao cả, nhưng mày như người mơ ngủ, mày lơ đễnh, không muốn ngồi chơi. Vả chăng, tao biết cả rồi . . .

Germaine phác một cử chỉ nhắc ông. Ông đưa mắt cho Germaine rồi nói tiếp :

— Có người nói cho tao biết, nhưng tao không nói tên người ấy. Ít lâu nay, tối nào mày cũng ra khỏi nhà, mày ở ngoài một giờ, hai giờ, tao không biết. Có phải thế không ?

Ông ghé mặt lại gần Adrienne, nàng trông thấy hai mi mắt cha hùm hụp, cái mũi gồ thịt, nổi chằng chịt đường gân. Nàng muốn nói gì đã bị tắc trong cổ họng.

— Mày tưởng rằng mày khôn ngoan lắm, mày tưởng chúng tao không biết mày làm gì hả ?

Ông dừng lại một chút rồi nói tiếp :

— Buổi chiều nào, từ 5 giờ rưỡi đến 6 giờ, mày cũng lên phòng Germaine, mày vươn cổ ra ngoài để được...

— Đâu có !

— Germaine ! có thế không ?

Germaine mắc cở, nàng đỏ mặt, ngồi im.

Ông nắm tay đấm xuống bàn :

— Tao ngán mày lắm rồi nghe chưa ? Mày có gì giấu tao phải nói ra. Có nói không ? Ông nắm tay Adrienne lắc mạnh.

— Mày trốn nhà đi với thằng nào hả ?

Adrienne rên rỉ vì đau, muốn gỡ tay ra, nhưng ông nắm chắc.

— Không được, tao không tha mày, mày phải lòng thằng nào ?

Ông lắc mạnh đến nỗi Adrienne muốn ngã. Chợt nom thấy nét mặt chị sợ hãi, nàng cũng kinh hoảng.

Nàng kêu lên, giọng thất thanh đến chính nàng cũng phải kinh ngạc.

Ông Mesurat nới tay ra một chút :

— Đứa nào ?

Một phút yên lặng trôi qua, nàng nghe rõ tiếng thở phì phào của ông già.

— Đứa nào ?

— Con không biết tên.

— Mày không biết tên ! Mày cho tao là một thằng ngốc hả ?

Ông rít lên, nắm lấy vai Adrienne.

Ông không nén nổi cơn giận dữ, ông dùng hết sức lực lay người nàng. Nàng nghe rõ tiếng răng ông nghiến vào nhau mỗi lần đầu ông lắc đi. Germaine ngồi yên trên ghế, câm lặng vì kinh sợ. Bỗng Adrienne lả người vào ngực cha rồi té gục xuống chân ông. Nàng đã bất tỉnh.

. . . . . .

* * *

Ông Mesurat có những cách sử sự phũ phàng với các con, ông xa dần các con, tình cha con trở nên hờ hững. Adrienne thấy một cảm tưởng mới lạ thầm lén vào tâm tưởng nó làm nàng bất bình lúc đầu, nhưng rồi sau nàng thấy khoan khoái : nàng khinh ghét cha. Bây giờ nàng mới khám phá ra nàng tôn kính cha chỉ vì sợ cha chứ không có tình yêu. Nàng để ý quan sát những giáng điệu, ngôn ngữ lố lăng của cha như là một cách để trả thù những lúc ông hành hạ con.

Biến cố quan trọng đầu tiên xảy ra trong gia đình ấy là Germaine bỏ nhà ra đi, hậu quả hữu lý của một tình trạng được nung nấu đã từ lâu cho căng thẳng quá mức chịu đựng. Germaine là cô gái già đã gần tứ tuần lại ốm đau nên bỏ nhà trốn đến một tu viện. Adrienne giúp điều kiện cho chị đi trốn vì nàng không ưa người chị ráo rức, có vẻ như ghen tị với sức khoẻ, với tuổi trẻ của em.

Từ đấy trong nhà thêm hiu quạnh như một nhà tù. Tâm hồn trống rỗng, hoàn cảnh sống cô đơn, nàng còn chịu sự kích thích của thái độ một người cha khắn tính, nghiệt khắc và của mối tình quái gở : nàng điên dại vì một người chỉ thấy thoáng qua vài giây, bây giờ có gặp ngoài phố có lẽ không nhận ra nữa.

★

Khi Désirée (người đầu bếp) về rồi, ông đứng giậy đi ra đóng cổng vườn và cửa ra vào. Hành động ấy đáng ra không có gì khác thường sau thời gian tám năm vẫn thường có như vậy, nhưng tiếng chìa khóa rít trong ổ vẫn làm nàng kinh hãi. Nàng muốn kêu lên gọi bà Legras ở nhà bên cạnh đến cứu, nhưng cũng may, còn có đủ lý trí để thắng bản năng.

Nàng đứng dậy đi lại vài bước trong phòng khách, tim đập thình thình mà không hiểu tại sao mình lại sợ hãi như vậy. Nàng còn có thì giờ ra khỏi phòng khách trở về phòng mình, nhưng không có lý do nào để làm như vậy cả, nàng ngập ngừng : nàng không muốn tỏ ra mình lố bịch.

Khi ông Mesurat bước vào, nàng phải kinh ngạc vì nét mặt ông lộ vẻ mỏi mệt, người sọp hẳn đi khác ngày thường. Ông đi qua phòng và đến trước mặt Adrienne. Nàng nhìn rõ hai quầng thâm trên mắt ông, trán ông nhăn lại. Ông đưa hai tay nắm ve áo, đứng ngó con, Adrienne quay mặt đi.

— Chiều nay mày đi chơi hả ?

— Vâng.

— Mày đi đâu ?

Nàng chống tay xuống lưng ghế và khẽ nói.

— Nhà một người bạn.

— Ai ?

Nàng không dám nói dối nên nói thẳng :

— Bà Legras.

Ông xo vai.

— Mày không biết người đàn bà ấy là hạng người thế nào à ?

Nàng tái nhợt người đi, không biết trả lời sao. Ông cầm lấy cây đèn trên bàn xoay và ra lệnh :

— Đi lên phòng của mày.

Adrienne ra khỏi phòng khách, cha nàng đi sau, tay cầm cây đèn giơ lên cao khỏi đầu. Hai người cùng lên thang.

Căn nhà này, người xây cất muốn tận dụng một khoảng đất nhỏ để làm đủ mọi

tiện nghi nên dựng những cầu thang dốc quá, lên xuống thật khó nhọc.

Adrienne dừng lại ở lưng chừng, tựa vào thành, bất thình lình đầu gối nàng xụn xuống, nàng tự hỏi : lăn từ đấy xuống nền gạch hành lang dưới nhà có thể chết được không ? Chưa được cao lắm.

Ông Mesurat thúc giục : « đi lên ! » hình như muốn giúp thêm vào điều dự tính của con gái.

Nàng tựa mình vào thành cầu thang bước lên. Đến trước ngưỡng cửa phòng mình nàng dừng lại nhìn cha :

— Thưa, con đi nghỉ ạ !

Nàng hy vọng cha cũng đi nghỉ, nhưng ông vừa giơ ngón tay chỉ vừa bảo nàng vào.

— Ba không đi ngủ à ? Nàng hỏi cha với một giọng đầy thất vọng.

Ông không trả lời, đẩy con ra một bên, mở cửa vào, rồi ông đặt cây đèn lên bàn nắm hai tay chống vào sườn :

— Tao đợi mày đây.

Nàng bước vào, đứng gần cửa.

— Đưa thìa khóa tủ đây.

Chân tay Adrienne run như cầy xấy, nàng ngập ngừng một chút rồi lục ngăn kéo bàn đêm lấy thìa khóa. Ông Mesurat nhìn theo từng cử chỉ của nàng. Ông cầm lấy thìa khóa mở tủ ; trong sự yên lặng cánh cửa quay trên bản lề kêu ken két, tấm gương phản chiếu ánh sáng ngọn đèn, loáng như một cái chớp. Ông Mesurat đưa tay vào bới đống quần áo và lôi ra cái hộp gỗ.

« Mở ra coi ! »

Người con gái hỏi một giọng van nài

— Để làm gì hở ba ?

Nàng dơ cùi tay lên vuốt trán. Bất thần nàng muốn quỳ xuống dưới gối cha. Bất thần nàng thấy mềm yếu đến nỗi không cần gì nữa nếu vì sợ hãi nàng phải hạ mình xuống như vậy. Nàng tựa một tay vào thành giường, cổ tay mềm ra.

— Mày đưa bao nhiêu tiền cho chị mày ?

— Năm trăm quan.

— Năm trăm quan !

Ông còn nhắc lại con số một lần nữa như ông chưa tin. Ông sắp sửa nói câu gì bỗng đổi ý.

— Mở hộp ra coi.

Adrienne lôi cái đồng hồ ở thắt lưng ra tháo chiếc thìa khóa con mở hộp. Ông Mesurat đưa mắt nhìn xem có đúng thiếu một cọc 25 đồng tiền vàng không rồi quay lại hỏi con :

— Vậy ra mày đưa cho nó thật !

Rồi bỗng ông sồn sồn mắng con :

— Đồ ngu ! Đừng có hòng đòi nó nữa nghe không ? Nó lấy đâu mà giả mày ?

Ông dừng lại như chợt nghĩ ra điều gì :

— Thế là mày cất xén tiền hồi môn của mày đó. Mày tưởng mày giấu rồi hả, mày tưởng mày lấy chồng không cần hồi môn hả ?

Ông xăm xăm đi tới, Adrienne lùi lại. Đầu óc nàng quay cuồng, nàng nhớ mang máng những lời bà Legras nói với nàng về hôn nhân và hồi môn. Do định mệnh hay sao mà mọi việc liên lạc với nhau như trong giấc mơ vậy ? Hầu như ông Mesurat

mưu mô với người đàn bà ấy để làm cho nàng thất vọng. Nàng không biết trả lời thế nào. Nàng ngó cha chân chân mà không thể quay đi chỗ khác được, như bị thôi miên bởi hai mắt nổi những tia máu ngang dọc của ông.

Nàng lùi mãi, hai bàn tay đụng vào tường, nàng có cảm tưởng là bị đóng đinh chặt vào đấy.

— Nàng đã giúp nó đi trốn. Chúng mày mưu mô với nhau để đánh lừa thằng già này phải không ?

Adrienne lắc đầu. Ông già lôi một mảnh giấy trong túi ra :

— Vậy thì cái gì đây ?

Nàng run sợ mà nhận ra đó là bức thư nàng viết cho người lái xe.

— Mày biết rằng chối cãi cũng vô ích rồi chứ. Mày có muốn tao nói hết cho mà nghe không ?

Ông đi lại trong phòng, tỏ ra bình tĩnh, coi còn khả ố hơn lúc giận dữ, vì ông có vẻ tự đắc và khoan khoái.

— Đây này. Trước tiên tao đến nhà người lái xe. Chúng mày khờ quá không biết chính người lái xe sẽ là người cho tao biết những điều cần thiết. Mày tưởng rằng tao ngốc đến nỗi không biết chị mày lười biếng không dám đi bộ ra ga ? Tao đã biết mày thuê một cỗ xe lúc 6 giờ 15. Người ta đưa bức thư của mày cho tao. Đồ ngu ? Giai đoạn thứ hai, tao đến ga. Mày tưởng rằng tao không có bạn ở ga, mày nên nhớ ngày nào tao cũng ra ga hai lần, đứng nói chuyện với mọi người. Người ta nói với tao điều gì mày biết không ? Con Germaine đã đáp chuyến tầu 6 giờ 45 đi Ba-Lê.

Ông dừng lại nhìn con gái, vươn người lên ra vẻ đắc thắng, hai tay chắp sau lưng. Nàng đứng yên không động đậy.

— Chưa hết đâu, tao trở về đây thì mày đã đi rồi.

Ông nhắc lại : « đi rồi » bằng một giọng kiểu cách mà lúc khác sẽ có vẻ khôi hài :

« Mày tưởng mày tự do muốn làm gì thì làm, mày sang chơi với con mẹ Legras. Tao biết rõ con điếm già đó rồi. Rồi tao sẽ nói cho mày hay. Sau tao lên phòng con Germaine. Trời ơi ! mùi lưu hoàng sặc sụa ! Tao hiểu hết. Mày muốn chiếm căn phòng ấy. Mày tẩy uế đi để vào đấy ngồi sau cửa sổ mà trông sang bên kia suốt ngày. Mày lầm rồi ! con Germaine đã cho tao biết hết về mày ».

Adrienne đứng yên lặng. Ông lườm con, vẻ hung dữ rồi tiếp :

« Tao không để cho mày căn phòng ấy đâu. Từ ngày hôm nay tao khóa cửa niêm phong lại. Còn thìa khóa ! (ông vỗ tay lên ngực phía có túi trên áo gi-lê). Thìa khóa tao giữ ở đây. Mày đừng hòng ăn cắp như chiếc thìa khóa vườn. Bây giờ tao phải coi chừng mày.

Ông nói xong cười chua chát. Người ta đoán rằng ông đã sửa soạn sẵn lời nói cử chỉ của ông những lúc ông ngồi yên sau tờ nhật trình mở ra trước mặt. Nhưng chẳng bao lâu ông không dằn được cơn giận ; ông để cơn giận bùng ra, không nghĩ đến cách quan-trọng hóa vai trò của mình.

« Rồi mày sẽ biết. Mày muốn biến đổi căn nhà này theo ý mày, nhưng mày phải

chịu đau khổ trước nhất. Tao sẽ cấm mày ra khỏi nhà này, chỉ được đi với tao thôi. Tao sẽ bắt mày phải theo sở thích của tao cho đến khi mày trưởng thành ».

Ông nhắc lại một câu nhớ được trong thời kỳ còn là công chức, thỉnh-thoảng ông vẫn nói đến : « Tao sẽ bắt mày tôn trọng kỷ-luật triệt để ».

Ông thở mạnh và nắm tay đấm xuống bàn làm rung cái đèn.

— Thôi đừng hòng nhẩy đi chơi như trước. Đừng hòng đi chơi tối. Germaine đã cho ta biết hết. Ta sẽ lôi cổ nó về đây để nó trông coi mày ».

Rồi bỗng ông bảo con :

—Địa chỉ của nó đâu ? ».

Adrienne không trả lời.

— Nói cho tao biết không thì tao giết mày ! » Ông rít lên, mặt mày đỏ tía, nhưng nàng vẫn lắc đầu. Ông tiến lại vài bước. Nàng cắn răng nhịn thở. Tim nàng đập mạnh đến nỗi nàng nghe rõ tiếng đập như tiếng gót giầy nện xuống đất. Ông nhìn con, xo vai hai ba lượt.

— Đồ ngu. Mày muốn tự do, mày muốn đến với nó, đến nhà nó như những tối trước. Mày không coi tao ra gì. Mày muốn tao chết đi để khỏi bận cẳng hả !

Tao còn mạnh lắm ! »

Ông đập tay lên ngực hai ba lần. Rồi bất thình lình ông tát nàng một cái. Nàng không nhúc nhích. Ông thấy má con đỏ lên vì cái tát. Hai mắt nàng trô trố mở to vì sợ hãi, tia mắt đầy hằn học, bất lực. Ông càng tức giận, dùng hết sức tát nàng cái nữa. Nàng lảo đảo, kêu một tiếng như tiếng rên xiết.

Ông lùi ra, cơn giận làm ông run rẩy, ông thét :

— Được rồi ! Tao sẽ đến nhà thằng bác sĩ của mày, dạy cho nó biết đừng có phạm đến danh dự nhà Mesurat ! Nó chỉ chú ý đến tiền của mày chứ nó thiết gì mày. Tao sẽ không để cho mày chút gì cả. Mày không được lấy ai cả. Tiền của tao sẽ cúng cho nhà nước. Mày sẽ biết. Ngày mai tao sẽ đến nhà thằng Maurecourt trước, rồi sau đến trưởng khế của tao. Chúng mày không coi tao ra gì ! Một đứa ăn cắp nữ trang của tao trốn đi, một đứa làm hại danh giá tao, đi mê một thằng khốn nạn nó thèm muốn của cải nhà tao. Tao cũng ngu muội đến nỗi không hiểu những việc càn dỡ của chúng mày ! »

Ông dừng lại nhìn con vẫn đứng trơ trơ :

— Mày không tin lời tao hả ? Tao sẽ đến nhà thằng Maurecourt ngay tối nay».

Ông bước mau ra cửa. Adrienne đưa mắt rõi theo, rồi bất thần nàng trở lại bình tĩnh. Nàng ra khỏi phòng đóng xầm cửa lại. Trong chỗ tối om nàng nghe thấy cha nói tên mình, giọng ông khác hẳn đi. Một giây qua. Nàng tưởng như nom thấy một tia sáng quay quanh đầu ông già. Nàng hoảng sợ, rồi không biết tại sao, có một sức mạnh vô cùng thúc đẩy nàng nhẩy xổ đến cầu thang; tất cả sức nặng người nàng xô vào vai cha làm ông già mất thăng bằng té nhào đàng trước, nàng víu lấy thành cầu thang.Nàng nghe thấy cha kêu «Ự!» như người bị cắt hơi thở. Chắc ông lăn xuống, đầu đập vào bực thang rồi từ đấy nẩy ra rơi xuống chân thang, hai chân đập vào thành làm chuyển động cả thang. Tai nàng thấy rõ thành thang

rung động rồi kế đến một lần động thứ hai nhỏ hơn.

Nàng cúi xuống, hết sức vươn người ra, bụng ép vào thành gỗ. Mồ hôi nhỏ giọt ở thái dương, ở lông mày. Nàng sẽ gọi «Ba !».

Một lát sau nàng ngồi xuống bực thang thứ nhất và đợi.

*
* *

Thời gian trôi qua. Nàng tự hỏi nàng có ngủ thiếp đi hay không, bây giờ là mấy giờ : Nàng thấy người đau như dần nên phải khom lưng lại, nàng ráng sức đứng giậy nhưng mỏi mệt lạ thường, lại ngồi xuống tựa lưng vào thành thang, run lên vì rét. Đầu nàng trống rỗng. Có lúc nàng tưởng như mình nằm trong giường và đang nằm mơ : nàng mơ thấy mình ngồi ở cầu thang và nhớ lại vừa bị cha quở mắng tận tình. Ảo tưởng đó làm nàng yên dạ. Nàng không muốn chống với giấc ngủ nhưng tia sáng mỏng mảnh ở khe cửa buồng lọt ra làm nàng tỉnh thức. Tuy thế nàng vẫn tưởng mình đã thiếp ngủ và đang mơ.

Sau nàng tỉnh hẳn, nhớ rõ những việc xẩy ra nhưng nàng không tin là có thực. Tại sao nàng lại ở đây ? « có lẽ mình mê ngủ » Nàng nghĩ thế rồi cười thầm.

Trở về phòng thấy cửa đóng, phòng nồng nặc mùi dầu thắp, chắc là để đèn cháy đã lâu. Nàng lấy đồng hồ ra xem : Hai giờ.

Bất thần, khi nàng để đồng hồ vào ngăn kéo bàn đêm, nàng có cảm giác nghe thấy tiếng cha nói. Ông ta hét như lúc chập tối. Nàng quay lại không thấy gì cả. Nàng nghĩ : « Ba la hét thế nào được vì ba đi ngủ rồi ». Nàng cởi áo và sổ tóc ra nhưng tay run rẩy, nàng sợ nàng nói to : « Ta thử lên phòng ba coi ».

Nàng cầm cây đèn ra khỏi phòng, mắt đăm đăm nhìn cầu thang lên tầng lầu thứ hai.

Phòng ông Mesurat ở ngay trên phòng nàng. Nàng đi tới cửa và lắng tai nghe rồi đưa tay cầm nắm cửa định mở, nhưng cửa khóa. Nàng tựa vào tường đứng đợi. Bất thần nàng lại lẩm bẩm : «Không!» Nàng ra đến cầu thang cúi nhìn xuống nhưng không thấy gì cả, ánh sáng đèn không thấu mặt đất. Nàng dang tay đưa cây đèn ra thì thấy một người nằm dưới chân thang. Cách nằm ngay đơ không phải điệu bộ người ngủ hay người bị ngất đi, không thể lầm lẫn được. Người ta không thể giả chết. Nàng thấy rõ cái đầu ở giữa một vũng nước mầu sậm, rồi hai tay đặt bậy bạ trên đầu, hai chân để lên bực thang cuối cùng. Nàng kéo cây đèn vào thì không thấy gì nữa.

Nàng đi trở xuống, tay vịn vào tường, tiếng bước đi rụt rè vang lên trong lặng. Bấy giờ có ai đi bên cạnh chắc nàng cũng không thấy vì để hết ý tứ vào sự suy nghĩ. Hai mắt nàng trống rỗng, nhưng sâu trong khoé mắt mất tinh thần ấy có một cái gì biểu lộ sự kinh ngạc làm mặt nàng có một vẻ ngơ ngác quái gở.

. . . . . .

★

Vì bề ngoài không có bằng chứng khả nghi, và chăng cũng không ai muốn bới việc ra làm gì nên mọi việc đều êm thấm. Người ta cho rằng ông Mesurat rủi ro xẩy bước ngã xuống cầu thang nên lâm nạn.

Adrienne bây giờ sống cảnh mờ côi giữa căn nhà mông mênh yên lặng và ngao ngán hơn bao giờ. Mối tình héo hắt có vẻ tưởng tượng hơn là thực tế càng nung nấu cho nàng điên dại thêm. Nàng còn gặp nhiều thất vọng ngoài đời, gây ra bởi một xã hội thành kiến, bởi mưu mô xảo quyệt của cô điếm già Legras muốn khai thác sự bí mật của Adrienne. Trẻ người, non dạ, không người đỡ đần chỉ bảo, nàng là đứa trẻ ngây ngô nông nổi và mê muội bị đời tàn nhẫn từ bỏ không thân nhân như tất cả những đứa con không thích ứng được với cuộc sống xã hội. Đời sống lôi nàng trở lại với cảnh lẻ loi như xưa mà bộ mặt còn kinh tởm hơn.

. . . . . .

*

Trước 10 giờ, bác sĩ Maurecourt bước vào phòng khách. Trước tiên nàng không nhận ra. Ông không báo trước, ông đứng dậy trước mặt nàng không nói gì. Nàng nhìn bác sĩ, tim thắt lại như đời sống đã ngưng, rồi chợt hiểu bác sĩ đến thăm bệnh, nàng kêu lên :

— Ông hỏi gì ? »

Vừa lúc ấy nàng nghĩ : «ta lầm, không phải rồi. Người ấy thấp hơn cơ mà. Nước da không đỏ đến như thế này.» Nhưng rồi nàng chắc chắn mình không lầm, nàng tưởng chừng như xấp sỉu.

— Tôi tưởng cô ở nhà bà Legras, tôi đã sang bên ấy để biết tin về sức khoẻ của cô. Đêm nay cô có ngủ được không?»

Adrienne không trả lời. Nàng không thể rời khỏi khuôn mặt mà nàng tưởng tượng ra khác thế. Nàng vừa thấy xấu hổ tái tê vừa thấy mừng rỡ cháy lòng, đến nỗi không nói được lên lời. Nàng không biết mình làm gì, nàng lùi lại, ngồi xuống kỷ. Maurecourt đứng một lúc rồi cũng ngồi xuống.

— Nếu tôi biết cô yếu như vậy tôi đã đến sớm hơn. Đáng lẽ cô phải cho tôi biết. Cô vui lòng trả lời một vài câu hỏi sau đây, tôi cần biết. »

Nàng gật đầu :

—Cô ngủ được chứ ?

Nàng nghĩ ngợi rồi trả lời « không ».

— Từ bao giờ ?

— Tôi không biết, — rồi thêm, — tôi không thể trả lời được.

Ông vẫn nói thật giọng êm dịu :

— Tôi muốn giúp cô nên tôi mới hỏi đó thôi.

Nàng thở ra và cúi đầu xuống.

«Vâng tôi biết vậy» nàng nói khẽ như nói một mình. Rồi nàng cảm động quá không cầm được nữa. Nước mắt trào ra.

Ông đợi một chút rồi nói :

— Tôi biết rõ những nỗi khổ tâm của cô hơn cô tự nghĩ. Cô sống cô liêu, không chơi bời với ai như vậy rất có hại. Cô phải đi chơi đây đó thăm người này thăm người kia. Sự buồn phiền đáng sợ lắm.

— Tôi không muốn đi chơi...

Ông đứng dậy ra vẻ suy nghĩ. Sau trở lại ngồi trước mặt nàng.

— Cô muốn khỏi bệnh không ? »

Nàng nghĩ ngay đến những cơn ho, và ông biết rõ chuyện chăng, nàng vội cãi :

— Tôi không có bệnh gì cả.

— Ta chẳng nên chơi chữ. Cô không được vui xướng, thì cũng thế chứ gì ?

Nàng ngước mắt nhìn ông :

« Nếu vậy, phải làm thế nào để khỏi bệnh, theo như ông nói ? »

— Cô cho phép tôi hỏi cô ít câu.

Nàng gật đầu.

— Cô có hay đi lễ không ?

Adrienne đỏ mặt, nàng nhớ lại những lời bà Legras nói với mình về Maurecourt, và không dám nói mình không tin tưởng gì cả sợ trái ý ông. Bất thần nàng muốn như ông, muốn giống hệt ông. Đợi một lúc rồi ông nhắc lại như chưa hỏi gì :

« Thần kinh cô rối loạn lắm. Cô sẽ mắc bệnh nếu cô không tìm cách phản ứng ngay từ bây giờ. Phải đi chơi chỗ này chỗ kia, nhiều hơn từ trước tới giờ. Có nhiều nỗi buồn bực đáng ra không có, mà chỉ vì cô sống cô độc nên mới cảm thấy rõ rệt như vậy. Cô giữ kín những ý nghĩ lâu dần nó ngấm vào tâm trí như thuốc độc. »

Nàng sợ hãi :

— Ông nói sao ?

— Cô phải ráng sống một cách khác. Không bao giờ cô vui sướng được nếu cô không có cái gì để bận rộn, không giao thiệp với mọi người. Cô làm gì cả ngày ?

Nàng so vai, không trả lời.

Cô không nên giấu tôi gì cả. Cô nhớ cho, tôi đến đây để giúp cô, tôi có thể nói rằng để cứu cô, vâng để cứu cô... Có phải từ khi ông nhà mất đi, cô thấy khổ sở hơn ? »

Nàng rùng mình.

— Cô thương nhớ ông nhà lắm phải không ? Nhưng có khi nào xảy ra sự xích mích giữa cô với ông nhà không ?

— Sao ông lại hỏi tôi điều ấy ?

— Để giúp cô nói sự thật.

— Ông muốn nói gì ?

Ông không trả lời. Thế là nàng thấy cái gì nao nao trong người, hình như ruột gan đều đập mạnh như trái tim. Bất thần nàng đứng dậy nắm hai tay đưa lên cổ.

— Sao ông lại nhìn tôi vậy ? Ông làm gì tôi đây ?

Tiếng nói như một tiếng kêu bị bóp nghẹt. Rồi nàng nói tiếp theo, điệu bộ kỳ quặc, gần như điệu bộ một đứa trẻ đọc bài :

— Ba tôi té cầu thang.

— Ông không thấy đường à ? Maurecourt nói khẽ

— Không.

Nàng nghĩ ngợi rồi tiếp theo, như nói trong một giấc mơ :

« Trời tối, tôi đóng cửa phòng tôi lại, đèn để trong ấy. Bắt thình lình tôi đến gần, trong bóng tối, trên cầu thang. »

Nàng im bặt.

— Rồi sao ?

— Tôi xô vào vai ông đẩy ông tới. » Giọng nàng nhỏ quá khó nghe rõ.

Yên lặng một lúc lâu. Giờ nàng không sợ nữa. Người nàng đã tê dại đi. Nàng chỉ còn một cảm tưởng là cái gì ghê gớm đã xảy ra.

— Tại sao cô lại giết cha ?

Nàng bị xúc động mạnh quá. Giọng nói mạnh và sẵng lôi nàng ra khỏi cơn yên lặng. Nàng kêu một tiếng, bước một bước lại gần bác sĩ, khuỵu đầu gối ngã xuống chân bác sĩ. Ông vẫn ngồi yên.

— Ai bảo ông vậy, người đàn bà ấy, bà Legras phải không ? »

— Tôi biết từ lâu, từ sáng hôm đến khám nghiệm để cho chôn.

Nàng nghẹn ngào :

— Ông sẽ tố cáo tôi ?

— Tố cáo làm gì ? Cô đã khổ sở nhiều rồi ! Đứng lên !

Ông cũng đứng dậy, cúi xuống gần nàng và nói như ra lệnh :

— Đứng lên cô !

Nàng nghe lời. Nàng rùng mình, vung tay và lắc đầu, như nàng muốn nói « không » hai mắt quầng đen mở to vì kinh sợ. Ông nhẹ nhàng đặt ngón tay lên cánh tay nàng nói một giọng bình tĩnh nhưng nghiêm nghị :

— Bây giờ đi lên phòng ông nhà».

Nàng có một cử chỉ như là mỉm cười nhưng vẻ nhìn thê thảm làm cho thiểu não.

— Cô đừng sợ, tôi xin nhắc lại, tôi đến đây để giúp đỡ cô. Cô còn trẻ lắm, cô phải được hưởng hạnh phúc, nhưng nếu cô không bỏ những ý nghĩ đen tối thì không bao giờ vui sướng được. Bây giờ cô phải nghe lời tôi. Ta lên căn phòng ấy.

Cửa vẫn đóng, đã hai tháng nay tôi không vào đấy.

— Chìa khóa đâu ?

Adrienne ngồi yên. Ông dịu dàng đòi hỏi :

— Tôi muốn có cái thìa khóa ấy, cô đưa tôi.

Như có gì thúc đẩy bất thần, nàng đến một cái bàn mở ngăn kéo lấy thìa khóa đưa cho bác sĩ.

— Đưa tôi đi, cô tựa vào tay tôi mà đi»

Khi lên tới lầu hai nàng lại thấy lo ngại như lúc trước, nàng buông tay ông dừng lại. Ông nắm chặt lấy tay nàng.

« Cô không tin tôi ư ? »

Trước cái nhìn xoáy vào mặt nàng, nàng cúi đầu xuống, bật ra tiếng khóc nức nở. Ông buông tay nàng. Nàng nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ và cửa mở. Ông bước vào rồi gọi : « vào đây ! »

Adrienne gắng sức bước vào.

Bác sĩ mở các cửa. Rồi quay lại hỏi ; « cô làm sao thế ! cô ngồi xuống đây ».

Ông cầm tay nàng dắt đến một ghế bành. Nàng ngồi xuống nhìn xung quanh.

Tại sao ông lại đưa tôi vào đây ?

— Để cô quen đi không sợ căn phòng này nữa. Cô đã bỏ không hai tháng. Cô lầm. Vì cô không bước vào nên nó có vẻ ghê gớm đối với cô. Cũng như trong người cô cũng có những căn phòng bí mật cửa đóng kín mít như thế cô không dám bước vào bao giờ. Đáng ra cô phải mở cửa cho ánh sáng mặt trời vào. Có tôi ở đây cô có sợ không ?

Nàng đưa hai mắt đầy tín nhiệm nhìn ông, mặt nàng khác hẳn trước.

Nàng nói khẽ : « không »

Ông phác một cử chỉ.

« Cô thấy không ? cô đã khỏi rồi. Bây giờ không có gì nữa, không có bóng ma, không đáng sợ. Cô không dám nghĩ đến cha vì cô sợ ông nhà phải không ?

Nàng giơ tay lên trán như sợ ông nói cái gì ra. Ông đọc trong mắt nàng vẻ lo sợ và tỏ ra không nén nổi sự nóng nẩy, ông nói tiếp :

« Cô tưởng tượng ra những điều không có thực. Ông nhà đã sang thế giới khác không thể về ám ảnh cô được. Trong phòng này, trong nhà này không có gì hết, nghe không ?

Ông nắm tay nàng.

— Tôi tin ông »

Ông giữ tay nàng và nói luôn, nhưng nàng không hiểu ông nói gì. Sự đụng chạm ấy làm nàng rối trí. Chân tay nàng run rẩy, nàng thấy mình không còn sức lực nữa. Bất thần nàng ngã xuống chân ông mà kêu :

— Ông đừng bỏ tôi !

Nước mắt trào ra, nàng đỏ mặt nói hấp tấp :

— Ông không biết rằng tôi mới được sung sướng từ nãy tới giờ, từ lúc ông vào đây. Tôi không thể nói cho ông biết được. Nếu ông bỏ tôi, tôi hóa điên, tôi chết mất. Đã từ mấy tháng nay, tôi chỉ nghĩ đến ông. Tôi viết thư cho ông nhiều lắn.

Tôi khổ sở từ ngày trông thấy ông đi qua đường »,

Ông đỏ ửng má, nắm lấy cổ tay nàng:

« Chết ! cô đừng nói thế, cô không hiểu cô nói gì rồi »

Nàng lắc đầu và tiếp :

« Ông không cấm được tôi nói. Tôi không có lỗi gì nếu tôi yêu ông ».

— Không thể được rồi. Cô không yêu tôi đâu.

Ông buông tay nàng và lùi ra xa. Nàng đứng dậy.

— Sao lại không thể được ?

— Cô hãy nghĩ đến tất cả những điều cản trở to tát. Tuổi tôi, cô biết tôi bao nhiêu tuổi không ? Tôi 45 tuổi rồi hơn cô 27 tuổi. Cô có nghĩ tới điều ấy không ?

— Điều ấy không quan hệ gì.

— Cô nghĩ thế à ? Có lẽ tôi độc ác với cô, nhưng tôi không thể nói khác được hãy nghe tôi Cô có thể được hưởng hạnh phúc. Nhưng cô phải hiểu rằng hạnh phuc sâu xa và bền vững cần phải căn cứ vào ít ra nửa phần lẽ phải. Không còn gì vô lý hơn cô nghĩ rằng tôi lại có thể là chồng cô. Cô nghĩ vậy chỉ vì cô sống cô độc. Nhưng nếu cô đi chơi cho khuây khỏa, giao du với mọi người trong hàng tỉnh... ba cô có nhiều thân hữu ở đây chứ ? Tôi sẽ giúp cô. Ở đây có nhiều nơi xứng đáng.

Adrienne ngước mắt lên :

— Nơi nào xứng đáng ?

— Tôi có thể kể tên ra.

— Tôi không muốn.

— Sao vậy ?

— Vì tôi chỉ có thể yêu ông.

— Cô có ý ấy vì một hôm cô thấy cô đơn, một hôm cô nao núng vì buồn nản.

Cô có thể yêu một người khác cũng như thế. Thí dụ như hôm ấy người ngồi trên xe không phải tôi, người ấy là một người thanh niên...

— Tại sao ông lại thí dụ như thế.

Dù rằng có thật như thế cũng không có gì thay đổi cả.

Bất thần nàng giận dỗi con người đã làm nàng đau khổ như vậy.

— Ông nói phải, nhưng không phải tôi đã chọn ông. Tôi không thể đau khổ cho một cái gì phù phiếm. Không thể được. Ông phải yêu tôi Ông phải thương tôi. Thí dụ như tôi đã lầm mà yêu ông, tôi cũng không thể cưỡng được mà.

— Nếu cô biết rằng tôi có những sự xấu khiến cô phải tránh xa tôi...

Ông chợt nghĩ lại :

— Cô nên hiểu, tôi không tin rằng hạnh phúc của cô chỉ tùy thuộc ở tôi. Không lẽ trời bắt cô yêu một người mà cô không thể lấy làm chồng được.

— Sao tôi lại không lấy được ?

Ông không trả lời câu hỏi, vẫn nói tiếp :

— Vì thế tôi không tin là cô có tình yêu ấy hay tình yêu ấy có thể sâu xa được. Cô đã lầm, cô không hiểu lòng cô đấy.

— Nhưng tôi biết là tôi không lầm. Tôi đau khổ vì tôi yêu. Sao ông lại không tin tôi ?

Ông nhìn nàng, lặng lẽ, rồi lại nói :

— Ta không thể bàn chuyện này nữa.

— Sao ? Ông về ư ?

— Tôi sẽ cho cô biết một điều làm cô phải lánh xa tôi. Tôi có bệnh, bệnh nan y.

— Có bệnh ? Nàng nhắc lại như không hiểu nghĩa chữ ấy.

— Vâng, vì vậy chị tôi đang dạy học ở Ba Lê phải đến ở với tôi. Tôi thường bị ngất đi.

Adrienne tái mặt.

— Không phải.

— Thật đấy. Đời sống tôi phải đếm từng ngày. Chỉ hai năm nữa tôi sẽ chết.

Nàng kêu lên một tiếng, đứng dậy rồi lại ngã xuống ghế, mồ hôi toát ra chán. Maurecourt lặng yên, cũng không nhìn nàng nữa.

— Không phải thế. Ông nói thế để tránh tôi.

Ông lắc đầu.

— Vậy thì cần gì, ông ốm đau cũng không sao. Đó không phải là một lý do để từ chối. Tôi sẽ chết theo ông. Ông không còn sống thì tôi ở đây làm gì ?

Nàng đứng dậy muốn đến gần ông nhưng ông nắm lấy tay nàng :

— Tôi không có quyền để cô sống với một ảo tưởng. Tôi không yêu cô.

Nàng không quay mặt đi, nàng ngồi yên, nhưng hai tay nàng trong tay bác sĩ đã lạnh giá, và bất thần, nàng có cảm tưởng như tim ngừng đập, như nàng rơi xuống vực thẳm.

— Vậy tôi phải làm thế nào bây giờ ?

Ông không trả lời ngay. Nàng thấy hai hạt nước mắt ông lăn xuống má. Ông khẽ nó :

« Cuộc thử thách này đau khổ lắm. Cô hãy phản ứng đi chớ để mình ngã quỵ »

. . . . . .

Người chị bác sĩ là Marie Maurecourt đột ngột bước vào phòng khách nhà Adrienne, Marie không chào nàng nói luôn :

— Sáng nay tôi định gặp cô nhưng không được. Chắc cô đã dặn người nhà trước. Dầu sao tôi cũng nói vắn tắt cho cô nghe. Giọng cô hấp tấp và sẵng. Người cô run luôn làm động đậy tấm lá nho bằng là gài trên mũi. Cô nhìn người thiếu nữ ngồi tựa vào lưng ghế bành : « cô có biết cô đã làm gì không ? » Cô đợi nàng trả lời nhưng không thấy. Trong sự yên lặng này, nàng nghe rõ cô ta thở hổn hển gần như phì ra hơi.

— Cô đã giết em tôi ».

Adrienne giật mình mở miệng :

— Tôi ?

— Phải ! Cô không biết đã làm em tôi xúc động quá. Em tôi người rất yếu. Đời cậu nó chỉ là chuỗi ngày ốm đau. Cậu nó đau tim nặng lắm chỉ một chút xúc động cũng làm ngất đi. Tội phải chăm nom cho nó. Tôi hơn cậu nó 10 tuổi mà cậu nó về già hơn tôi. Nếu vạn nhất em tôi có mệnh hệ nào. . . tôi sẽ chết theo em. Tôi chỉ còn nó ở trên đời. Tôi không tha thứ được những thứ đàn bà như cô đến quyến rũ bằng những chuyện riêng của họ.

Cô ta nhìn Adrienne vẫn ngồi yên, ngừng lại một giây.

— Cô có biết thư từ của cô tôi đem làm gì không ? tôi ném ra đường, tôi sẽ làm vậy nữa nếu cô tìm cách viết thư cho cậu nó. Cô đừng hòng gặp mặt em tôi. Cậu nó đến đây vì cô quyến rũ nó lại, lấy cớ là ốm đau. Bây giờ thì tôi đã biết rồi. Cô có thể mời một bác sĩ khác. Sáng nay lúc trở về tôi tưởng cậu nó chết ngay. Có đến năm phút không nói được một lời. Chưa bao giờ tôi lo sợ như thế. Cậu nó nằm lịm trong phòng...

Cô ta có vẻ quá xúc-động vì nhớ lại những phút ấy, giọng cô sẵng thêm.

— Bây giờ tôi cho cô hay, nếu em tôi có mệnh hệ nào, cô sẽ phải chịu trách nhiệm. Hẳn là phải có luật trừng phạt những trường hợp giết người như vậy.

Tôi có lời khuyên cô, cô nên đi khỏi nơi này thì hơn. Ở đây tiếng tăm cô cũng không lấy gì làm trong sạch cho lắm. Tôi, tôi cũng không muốn tin lời đồn đại, tôi biết lời nói xấu của cô Grand chẳng có giá trị gì, nhưng ở một nơi như tỉnh này, những lời đồn đại càn dỡ cũng tai hại như mình làm xấu thật.

Cô giầu có, cô có thể bán nhà cửa đi đến một tỉnh khác ở, thiếu gì đám xứng đáng ».

Cô nhìn Adrienne ngồi sợ sệt, hai mắt không còn một chút tinh thần nào. « Cô nguy đến nơi mà không biết sao ? Ngày mai nhà chức trách đến đây để điều tra. Vậy cô tính sao ? Bây giờ có đóng kịch cũng vô ích ».

Marie cúi xuống gần Adrienne, cầm lấy tay nàng và nhìn vào tận mắt nàng :

— Cô nghĩ sao ? »

Bất thình lình cô buông tay, ngẩng lên lẩm bẩm :

— Hắn làm sao vậy ! »

Marie đợi một giây nữa ra chiều lưỡng lự. Trước cô tưởng Adrienne chế nhạo mình, nhưng sau thấy trong khóe mắt nàng có một cái gì quái gở không thể lầm lẫn được. Hai mắt trống rỗng, hai mắt người ngủ đem lật hai mi lên, hai lòng tử trơ trơ, có lẽ không trông thấy gì cả.

Marie vội vàng quay ra cửa « chuồn » thẳng.

☆

. . . . . .

Trời tối xầm xuống.

Nàng không ăn cơm tối, từ lúc Marie đi khỏi nàng vẫn ở trong phòng khách. Bây giờ nàng ngồi trông ra quanh mình nhưng vẫn có cái nhìn kỳ quặc đưa từ vật này đến vật kia mà không nhìn thấy gì cả.

Trời tối hẳn.

Từ phía tỉnh lỵ một điệu nhạc quân hành vọng tới.

Adrienne đứng dậy. Nét mặt nàng không để lộ một ý nghĩa, một cảm xúc nào. Nàng quay mặt vào phía trong thở mấy hơi dài. Rồi đi lại trong phòng tối. Bất thình lình nàng đụng phải cái ghế và kêu thất thanh. Nàng đứng lặng một lát rồi đi ra khỏi phòng khách, bước xuống vườn.

Bây giờ nàng bắt đầu nói một mình. Nàng nói huyên thuyên không biết đâu mà nghe. Nàng nói liến thoắng nhưng không chú ý đến lời mình nói.

Vẻ thản nhiên của nàng làm cho nét mặt cứng lại như một pho tượng. Cảnh vật hầu như bị xóa nhòa trước cái trán tái ngắt, cái miệng đỏ chót lảm nhảm nói không ngừng.

« Năm trăm quan lãnh của chưởng khế mỗi tháng, cộng với 1500 quan tiền để dành, có thể để làm của hồi môn. Vả chăng mình có thể mượn tạm người quen, mượn bà Legras, bà Maurecourt... Ta có thể vào phòng của Germaine lúc nào muốn vào. Chị ấy còn nợ mình 500 quan, còn thiếu nợ thì ta còn chiếm lấy phòng. Ngươi có hiểu không ? »

Mấy lời sau nàng nói với một người đàn bà vừa ở trong nhà ra. Bà này vội tránh sang phía đường bên kia. Adrienne khoa chân múa tay tiến lại. Nàng kêu : « Mụ điên hả? mụ cũng sợ à ? chạy thì hơn ! »

Người đàn bà đã đi xa, nàng lẩm bẩm chạy đi là phải. Nhưng đừng ai làm cho tôi rối trí. Tôi đã chán những chuyện khả ố này rồi ! »

Rồi bỗng nàng tuôn ra những câu chửi tục tĩu nhất...

Đến sau có một vài người đi đường giữ nàng lại, khi nàng đi đến dãy nhà đầu tiên của một làng gần đấy. Nàng không con nhớ tên tuổi, chỗ ở mình nữa, nàng không còn nhớ gì cả.

CÔ-LIÊU

— Muối nếm riêng thì mặn chát ; nhưng nhờ nó mà các thức ăn được gia vị ngon lành. Ấy đó, những nỗi khó khăn là muối của cuộc đời.

Baden-Powell

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CÁNH CHIM KỶ-NIỆM

TRUYỆN NGẮN QUỐC-TẾ

- **Purshohottam-Dobhal (Ấn độ) — George-Joseph (Tân Tây Lan)**
- **Nirmal-Kumar-Mustaphi (Ấn Độ) — W. J. ELSMAN (Bỉ)**
- **Paavo - Fossi (Phần Lan) — Yasushi - Jnoue (Nhật)**
- **Juran - Hisao (Nhật)**

Do PHẠM-THỊ-LAN chọn và LƯƠNG-TRỌNG-MINH *dịch*
MINH-LAN *xuất bản* **Giá 30$**

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◆ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone 20.831 — SAIGON

LÊ-TẤN-ĐIỀU

ĐÔI NIỀM VUI NHỎ

Đối với trẻ con ở ngoài lộ thì Trung thu đến từ những ngày đầu tháng tám, những chiếc đèn nhiều kiểu đầy màu sắc như thể giới của trẻ thơ, xuất hiện trong các cửa hiệu tạp hóa bên cạnh những đầu lân và dăm ba cái mặt nạ ngộ nghĩnh, cười hoài không biết mỏi. Một số nhà buôn có sáng kiến, để tỏ rằng mình không phải chậm tiến, đã chế tạo thêm một số đèn lạ : hình hỏa tiễn, hình máy bay phản lực, xe tăng, thiết giáp v.v.. Nhưng sự sửa soạn tưng bừng dù sao cũng vẫn cũ như năm ngoái, năm kia.

Trong cái xóm nhỏ này thì Trung thu chỉ đèn thực sự khi thằng Tới, em thằng Tần, dầy một cái đèn làm bằng ống bơ và lõi chỉ, đi khắp xóm để biểu diễn công trình của thằng anh. Đó là một cái đèn gồm một thanh tre dài ở đầu có một mẩu dây thép lồng qua một cái lõi chỉ và một cái ống bơ sữa bò. Ống chỉ là bánh xe chạy trên mặt đường, nên được để trong ống bơ, ánh sáng quay loang loáng thật hấp dẫn. Lũ trẻ trong xóm kéo ra vây quanh thằng Tới rồi lóc cóc chạy theo nó, đứa nào cũng có vẻ hớn hở như cái đèn đã nhắc chúng nhớ đến những điều thật vui.

Những đứa lớn lại khéo tay và sẵn dụng cụ thì về nhà, cóp đúng kiểu đèn của thằng Tới, hì hục tạo cho mình một cái. Còn một số lớn những đứa khác thì đành phải mở một cuộc thương lượng với thằng Tần để có đồ chơi. Năm nay cha mẹ chúng có vẻ nghèo hơn mọi năm và cũng khó tính hơn nên những đứa năm ngoái có đèn xếp thì năm nay chờ mãi chả thấy gì cả.

Tần là một đứa trẻ gầy và đen, lúc nào cũng cởi trần. Đôi tay nó dài nghêu nhưng lại rất khéo léo. Mùa nào thức ấy, nó cung cấp cho lũ trẻ

trong xóm rất nhiều thứ đồ chơi rẻ tiền. Chưa có món đồ nào nó bán quá năm đồng. Lũ trẻ có lệ cứ thấy thằng Tần, hoặc em nó, thằng Tới, bắt đầu có thứ gì là chúng bắt chước làm theo hoặc tìm cách mua cho bằng được. Đối với khách hàng, Tần không tỏ ra khó khăn lắm, tiền tệ có thể được thay bằng một số lượng đồ chơi khác có giá trị tương đương. Môi trên thằng Tần bị sứt để hở cả răng nanh và một mẩu lợi đỏ, có lẽ chính vì thế mà nó ít nói. Nhưng mặc dầu có cặp môi không hoàn toàn, thằng Tần lại vẫn có tài kê hai ngón tay cái lên môi mà thổi thành tiếng còi thật lớn, kêu vang từ đầu xóm tới cuối xóm Lũ trẻ tha hồ bắt chước, chả có đứa nào thổi to được bằng nó. Cuối cùng thì đứa trẻ nào cũng tỏ ra cảm phục thằng Tần. Nhờ thế công việc buôn bán của nó có vẻ phát đạt. Đôi khi cũng có một vài chuyện rắc rối xảy ra không phải giữa kẻ bán người mua mà do bà mẹ của người mua. Một bà mẹ thấy con mình lấy tiền quà để mua dế thì nghĩ là con mình dại, đã bị thằng Tần « ăn dỗ » và bà liền đến tận nhà Tần để đòi lại tiền cho con. Trong trường hợp này bao giờ Tần cũng bị thiệt. Con dế được trả lại có khi đã mất một càng, đi đứng lừ đừ như sắp chết. Tần chỉ nhếch cái môi sứt lên phản đối ấp úng dăm ba câu rồi vừa lấy tiền trả vừa trợn mắt nhìn ông khách hàng một cách bực bội. Khi đã chót tiêu mất số tiền hoặc không tìm cách nào để hoàn tiền lại cho khách hàng được thì Tần phải trốn đi cả buổi cho câu chuyện êm dẫn. Nếu người ta mách bà Năm, mẹ Tần, thì Tần bị bà đuổi đánh liền. Bà Năm mập và hiền, luôn luôn tươi cười với tất cả mọi người và dành riêng sự cau có cho lũ con. Không hiểu sao lúc nào bà cũng tin rằng Tần lắm lỗi. Mỗi lần có người đến mách là bà có dịp đuổi đánh thằng Tần khắp ngõ và truất một bữa cơm của nó. Công việc đuổi đánh con của bà Năm có vẻ nhộn nhịp linh đình lắm, có khi bà cầm chổi, có khi bà cầm gậy gộc hay thanh củi nhưng chỉ chạy được ít bước là bà đã dừng lại để kể tội con và phân trần với vài người quen. Thành ra, không cần phải cố gắng lắm, Tần vẫn có thể chạy thoát.

Thực ra công việc làm ăn, buôn bán lặt vặt của thằng Tần không hề đem lại cho mẹ nó một chút lợi lộc nhỏ nào. Bán được tiền nó nhét vào cái túi quần đùi rồi đem đổi thành tiền các để đánh đáo với lũ trẻ lớn ngõ bên hoặc đi xi-nê lai rai.

Từ hôm mồng chín tháng tám hai anh em thằng Tần đã bắt đầu đi lang thang trên Sở Rác để tìm ống bơ và cuộn chỉ, dây thép, hộp cá. Được cái nào chúng đem về đục lỗ làm đèn ngay để bà Năm khỏi bán cho hàng ve chai mất.

Hai đứa ngồi xệp trước cửa nhà đục ống làm đèn để lũ trẻ trong xóm tiện đến xem và chọn lựa. Thỉnh thoảng lại có đứa đem ống bơ, lõi chỉ và một số vật liệu khác đến nhờ thằng Tần làm hộ. Để trả công cho đôi tay khéo léo của Tần lũ trẻ phải nộp nền, ống bơ hoặc một số dây

chun. Chỉ gặp những đứa quen lắm nó mới chịu làm không nhận thù lao. Năm nay loại đèn ống bơ được cải tiến thêm một chút. Đáy ống, đáng lẽ được bịt kín, bây giờ được lũ trẻ đồng ý lấy đinh đục thật nhiều lỗ nhỏ, ánh sáng thoát ra được nhiều hơn.

Phải công nhận rằng việc buôn bán của thằng Tần năm nay bị xút kém lắm. Có lẽ tại bọn trẻ trong xóm có cái túi tiền lép hơn mọi năm nhưng lại có bộ óc khôn ngoan hơn. Chúng nó cũng tích trữ và đi kiếm ống bơ và chỉ nhờ anh em thằng Tần làm giúp những việc khó nhất. Thành ra số khách hàng thật sự của Tần chỉ có ba đứa. Hai đứa còn bé, và thằng Hùng, ở ngoài lộ, nhà giầu, có đèn tàu bay hẳn hoi, cũng đi tìm mua của Tần một cái đèn ống bơ để đầy bên lề đường vào những ngày trời mưa. Hùng khoái chơi đèn ống bơ hơn vì cái đèn tàu bay mẹ nó cầm mang ra khỏi nhà và thường bắt treo ở cửa.

Thấy hạ giá mãi mà không bán thêm được cái nào, anh em thằng Tần xoay ra làm đèn máy bay để chơi riêng. Thằng Tần lúc nào cũng muốn tỏ cho lũ trẻ trong xóm biết rằng : về mục đồ chơi không có đứa nào vượt được nó cả.

Thế là bắt đầu từ tối hôm mồng mười, trong xóm đã bắt đầu có ánh đèn lập loè và tiếng ống bơ chạm nhau kêu loong-coong. Tùy theo nền tài chánh, và nhất là tùy theo tuổi tác của các nhà sản xuất đèn, nếu tính theo thứ tự từ lớn tới nhỏ thì các kiểu đèn cứ được giản dị hóa dần dần.

Hai ba đứa gần bằng tuổi thằng Tần, tự làm lấy được đèn ống bơ, trên đáy ống bơ quay chúng đục hình hoa lá và dán giấy bóng xanh đỏ làm cho ánh sáng phát ra có vẻ nhiều màu sắc hấp dẫn hơn. Một số không tìm được lõi chỉ để làm bánh xe thì chúng thay lõi chỉ bằng một cái ống bơ kín hai đầu. Loại đèn này có vẻ thiếu mỹ-thuật và cổng-kềnh, bánh xe hay bị nghẹt, nhưng lại có một ưu điểm là hai ống bơ chạm nhau phát ra một âm thanh vui tai trẻ nhỏ. Và, vì cao hơn, nên loại đèn này có thể đi qua nhiều vũng nước mà vẫn được an toàn.

Những đứa trẻ thiếu vật liệu, chỉ kiếm được có một cái ống bơ thì không làm nổi những kiểu đèn tối tân kể trên. Chúng cũng đục nhiều lỗ ở đáy ống bơ để ngọn nến đặt ở giữa có thể chiếu sáng cả hai phía. Rồi chúng luồn dây thép, lồng qua đèn làm thành một cái quai để xách.

Vài đứa, cũng chỉ có trơ trụi một cái ống bơ, mà lại nhỏ quá không biết dùi lỗ thì đành gắn cục nến dưới đáy ống bơ rồi bưng. Có đứa khôn hơn lấy giấy bao quanh ống bơ để cầm cho đỡ nóng tay.

Hai kiểu đèn kể sau đây, giản dị ngang nhau và khá thông dụng, dành riêng cho các nhà sản xuất không có lõi chỉ, không có ống bơ và dây thép. Kiểu thứ nhất gồm có một cái que dài ngắn tùy thích và một mẩu nến, lấy mẩu nến gắn lên một đầu que, thế là xong. Kiểu thứ

hai gồm có cũng một mẩu nền và một miếng giấy, chọn được loại giấy dấy thì càng tốt, quấn giấy thành hình cái phễu rồi nhét mẩu nền vào giữa là được. Nền chảy xuống sẽ được giấy chặn lại, các bàn tay nhỏ xíu sẽ được an toàn không bị bỏng.

Với những kiểu đèn đặc biệt ấy, đêm nào lũ trẻ cũng thắp sáng những con đường nhỏ trong xóm.

Đêm nào chúng cũng thắp đèn nhưng chỉ tối hôm rằm là chúng tỏ ra vui vẻ hơn cả. Có lẽ đó là ngày chính chúng chờ đợi mà có lẽ cũng vì sau hôm rằm việc chơi đèn của chúng không còn hợp lýnữa. Trừ những lúc trời đổ mưa lớn thì không có cái gì khiến chúng kém vui cả. Chúng không cần trăng nhưng luôn luôn mong ước bầu trời không vẩn mây và cái ngõ nhỏ được khô ráo.

Trời vừa tối được một lúc thì mấy đứa nhỏ, con ông Tấu bán tạp hóa ở đầu xóm, lấy một cái đầu lân bán è rú nhau ra trước cửa nhà múa may và gõ trống loạn xạ. Ấy thế là lũ trẻ túa hết ra đường, một vài đứa reo lên mấy tiếng vu vơ, chúng đá nhau, đẩm nhau, dúi đầu nhau xuống để tỏ sự vui mừng. Có mấy đứa lớn thì lại cõng nhau chạy đùng đùng.

Lập tức, anh em thằng Tân đem chiếc đèn máy bay phản lực ra treo trước cửa nhà. Chiếc đèn khá lớn, có chở trên lưng thật nhiều cờ quạt. Đèn được thắp bằng bóng đèn pin sáng lòa, thằng Tân đã nối tất cả những hộp pin, mà nó nhặt được trên Sở-Rác, lại với nhau để lấy điện lực cung cấp cho đèn. Trên sườn trái của thân máy bay có một hàng chữ viết ngả nghiêng : « Ngài tết Trung-thu » và bên sườn phải : « MÁI BAI PHẢNG LỰT » đó là bút tích của thằng Tới vì, tuy là em, nhưng nó lại học giỏi hơn thằng Tân. Trò xong đèn, Tân đem một bát cơm ra ngồi trước cửa nhà vừa ăn, vừa coi đèn, vừa xem lũ trẻ vui đùa. Thỉnh-thoảng lại có đứa em nó đem chiếc đèn hư về nhờ anh sửa.

Lũ em Tân đứa nào cũng có một chiếc đèn ông bơ. Chúng dẫn đầu bọn trẻ đẩy đèn đi từ ngõ nọ sang ngõ kia. Chúng đẩy cả đèn xuống các vũng nước để xem nước bắn tung tóe. Những đứa có đèn ông bơ kiểu xách tay thì không đi thành hàng lối rõ-rệt, chúng tản ra chạy lăng quăng khắp nơi, len lỏi vào cả những cái ngõ hẹp nhất để soi đường.

Ba anh em thằng Chiến, năm ngoái có được chơi chung một cái đèn xếp,

năm nay mỗi đứa bưng một cái ống bơ có thắp nến ở trong để chạy theo các bạn nhỏ.

Chúng đi lom khom, chậm chạp, tay phải cầm đèn, tay trái giơ lên che gió. Chúng không dám ho, không dám cười lớn không dám reo to sợ làm đèn tắt. Nhưng dù phải rước đèn trong một tình thế khó khăn như vậy, cả ba đứa đều có bộ mặt hân hoan, sung-sướng. Hình như chỉ cần một ánh sáng nhỏ, một tiếng cười reo ngắn-ngủi của một đứa trẻ khác là chúng cảm thấy vui mừng rồi. Thình-thoảng, một trong ba ngọn nến bị tắt, cả ba đứa dừng lại mồi lửa cho nhau, thành ra không bao giờ chúng theo kịp bọn trẻ kia. Cả ba đứa cứ loay hoay, mò mẫm đuổi theo các bạn. Trong xóm có nhiều ngõ nhỏ. Gặp các ngã ba, ngã tư anh em thằng Chiến dừng lại và thấy phía nào có nhiều ánh đèn là chúng lại lom khom bưng đèn tiến tới. Thằng anh, giữ nhiệm vụ dẫn đạo thỉnh thoảng lại reo khẽ lên :

— A ! Tụi nó kia rồi !

Để thông báo cho hai đứa em khỏi đi lạc hướng.

Cuộc rước đèn của anh em thằng Dần lại chậm chạp hơn nữa. Hai đứa còn bé tẹo. Thằng anh quấn giấy quanh cục nến rước đi trước. Thằng em đốt nến gắn ở đầu cái que đi theo sau. Thằng anh mặc cái quần đùi không có áo. Và thằng em mặc cái áo ngắn cũn cỡn, không có quần. Đứa em bé quá nên không biết cách che nến, mà nó cầm cái que cũng không được ngay thẳng. Đầu que có nến luôn luôn chúc xuống. Mỗi lần ngọn nến bị tắt hay rời khỏi đầu cái que thằng bé lại hét lên một tiếng, chân trái nó dậm bình bịch xuống đất để báo hiệu cho thằng anh. Hai anh em chỉ quanh quẩn rước đèn trong cái ngõ cạnh nhà, không dám đi đâu xa.

Năm chị em con Tình thì không có đèn ông bơ hay đèn que. Mẹ chúng đã cấm chúng nghịch lửa, sợ chúng sẽ đốt nhà. Bà ta đã bị cháy nhà một lần nên lúc nào cũng sợ hãi lo lắng. Ngoài việc cấm con cái, ngay từ mấy hôm trước bà đã đứng ở cửa lớn tiếng khuyên cáo trẻ con lối xóm và cấm không cho đứa nào mang đèn đến gần vách lá của bà. Chị em con Tình đứa nào cũng gầy còm nhút nhát vì phải ăn uống thiếu thốn mà lại bị mẹ đánh đòn hơi nhiều. Chúng sợ mẹ một phép. Nhưng lúc mẹ đi vắng, con chị cũng lén đi mua được hai cục nến đem về thắp và gắn ngay xuống nền đất trước cửa nhà. Năm chị em xúm quanh nhìn ngọn lửa. Hai đứa quỳ hẳn gối xuống đất, thỉnh thoảng lại cạy những vệt nến đã chảy xuống, đi vào ngọn lửa, Thằng bé Út nhìn ngọn lửa rồi nhe răng cười với hết các anh chị. Mỗi lần có bọn trẻ đi qua cửa, nghe tiếng ống bơ kêu loong coong và thấy ánh sáng lập lòe, nó lại đứng dậy vỗ tay reo hò chào mừng. Chị em con Tình cũng hớn hở như đang được dự phần thật sự trong cuộc vui đêm rằm.

Tất cả đều lộ vẻ sung sướng, dù rằng Tết Trung thu chỉ đến với hai

bàn tay trắng, không bánh, không kẹo, và không có cả lấy một ông trăng tròn. Bầu trời lúc nào cũng xì xị cái mặt ra như chỉ chực đổ mưa xuống. Có một cái gì thật là thần tiên trong cái thế giới sơ sài của chúng. Lũ trẻ nghèo được may mắn là dễ tính và có tài tự tạo lấy nguồn vui. Từ những đứa làm nổi chiếc đèn tàu bay đến những đứa phải bưng ống bơ, thắp nến ở đầu que hay chỉ biết ngồi vây quanh một ngọn nến, tất cả đều hân hoan. Thỉnh thoảng lại có đứa bị cha mẹ gọi về sai rũ giường chiếu, quét dọn hay ru lũ em ngủ. Cuộc vui của chúng liền bị chấm dứt và có thể kể như là chấm dứt quá sớm, lúc ấy chúng mới lộ vẻ luyến tiếc và hơi buồn rầu.

Chỉ có trường hợp hai anh em thằng Vang ở cuối xóm là hơi đặc biệt. Cả hai được hưởng một cái tết Trung thu khác hẳn với cái tết của lũ trẻ trong xóm. Cả hai không được nhập bọn với các bạn nhỏ một phút nào. Cha chúng làm lơ xe tính tình khó khăn, cục mịch, không chơi thân với ai ở đây, nhất là từ sau ngày anh ta đánh gẫy răng người hàng xóm. Anh ta còn trẻ và mạnh. Thỉnh thoảng anh em thằng Vang lại thấy cha chúng về nhà với cái đầu quấn băng trắng xóa có lấm tấm vết máu đỏ. Cha chúng nhăn nhó, cáu kỉnh có khi rên, có khi chửi mắng vu vơ rồi hứa hẹn ấm ĩ với mẹ chúng là thế nào cũng sẽ chém chết kẻ này, kẻ khác để phục thù.

Mẹ chúng thì hiền hơn và thường chỉ chú ý đến chúng sau khi đã săn sóc thật kỹ lưỡng gánh hàng hay mấy con gà nuôi sau nhà.

Trong đêm rằm, ngay từ lúc bảy giờ tối khi bọn trẻ trong xóm sắp sửa ra đường, mẹ thằng Vang đã sửa soạn gồng gánh để đi bán ở trước cửa một rạp hát cải lương. Và như thế, chắc chắn cũng như mọi ngày, chị chỉ về nhà sau mười một giờ khuya.

Một lúc sau, ba nó cũng chụp chiếc mũ vải lên cái đầu đầy sẹo ngang dọc và đi làm nốt. Trước khi ra đi anh ta cẩn thận nhốt hai đứa con trong nhà và buộc cửa lại bằng một mẩu dây thép để chúng khỏi lẻn ra đường rồi anh dặn to :

— Ở nhà coi nhà đó nghe chưa.

Để tìm tự do, anh em thằng Vang có thể đi nhờ sang nhà ông Năm hàng xóm bằng cách chui qua rào. Nhưng lối thoát này chúng chỉ được quyền sử dụng trong một trường hợp độc nhất, đó là trường hợp nhà bị cháy. Còn nếu lạm dụng chúng sẽ bị ông Năm chặn đường hoặc sẽ tố cáo và nhất định chúng sẽ không thoát khỏi một trận đòn đau.

Thực ra, trước khi đi mẹ chúng đã dúi vào tay mỗi đứa một quả ổi chín, tuy mẹ không tuyên bố lý do sự rộng rãi khác thường ấy, cả hai cũng đinh ninh rằng đó là món quà ngày rằm của chúng. Nhưng chúng tiêu thụ trái ổi quá nhanh nên khi bọn trẻ thắp đèn đi lại tấp nập ở trong ngõ thì anh em thằng Vang chẳng còn gì để chung

vui nữa. Chúng đứng áp mặt vào giữa hai nan gỗ chắn khung cửa mà nhìn ra ngoài. Chúng theo rõi từng ngọn nến sáng, lắng nghe từng tiếng cười, tiếng ồng bơ chạm nhau. Một nhà nào đó mở lớn máy thu thanh. Những bài ca dành cho trẻ nhỏ vang lên ca tụng trăng rằm, ca tụng mâm cỗ trông trăng, khen ngợi những kiểu đèn đẹp. Trong lời nói, trong tiếng ca thì hình như trẻ nhỏ đang ngự trị tất cả. Hình như mọi chuyện đều quy tụ về một mục đích là tạo hạnh phúc cho chúng. Vẫn từ trong máy người ta kể một chuyện cổ tích hay thần tiên gì đó. Giọng kể nhẹ nhàng, khiêm nhượng lúc nào cũng êm ái, vuốt ve như chỉ sợ chạm mạnh vào cái thế giới tuyệt diệu mà mong manh của trẻ nhỏ. Vì xóm này chưa bao giờ được cái hân hạnh đón bước chân của một nhà hảo tâm nào, nên anh em thằng Vang không hiểu tý gì về những câu chuyện phá cỗ, ăn bánh trái của người ta nói vọng đến tai chúng. Nhưng chúng vẫn nao nức vì biết những âm thanh ấy đang dành cho chúng. Và cả hai đứa cứ ép má vào cửa để nhìn ra ngoài được nhiều hơn. Thằng anh tần mần cạy những mẩu gỗ bị mọt ăn trên cánh cửa. Mỗi lần có vài đứa trẻ xách đèn đi qua gần chúng là cả hai vẫy tay chào mừng, thằng em thì, nhân dịp đó, thò cả hai cánh tay ra ngoài để hỏi xin bọn trẻ một mẩu nến thắp chơi, nhưng không có đứa nào cho nó cả.

Lúc lũ trẻ trong xóm kéo nhau ra đường lớn để chạy theo một tiếng trống múa lân nào đó thì hai đứa nhìn cái ngõ vắng và tối, bàn nhau :

— Chắc ngoài đó có múa lân.

— Coi múa lân sướng thiệt ha ?

— Cầu trời cho má về sớm...

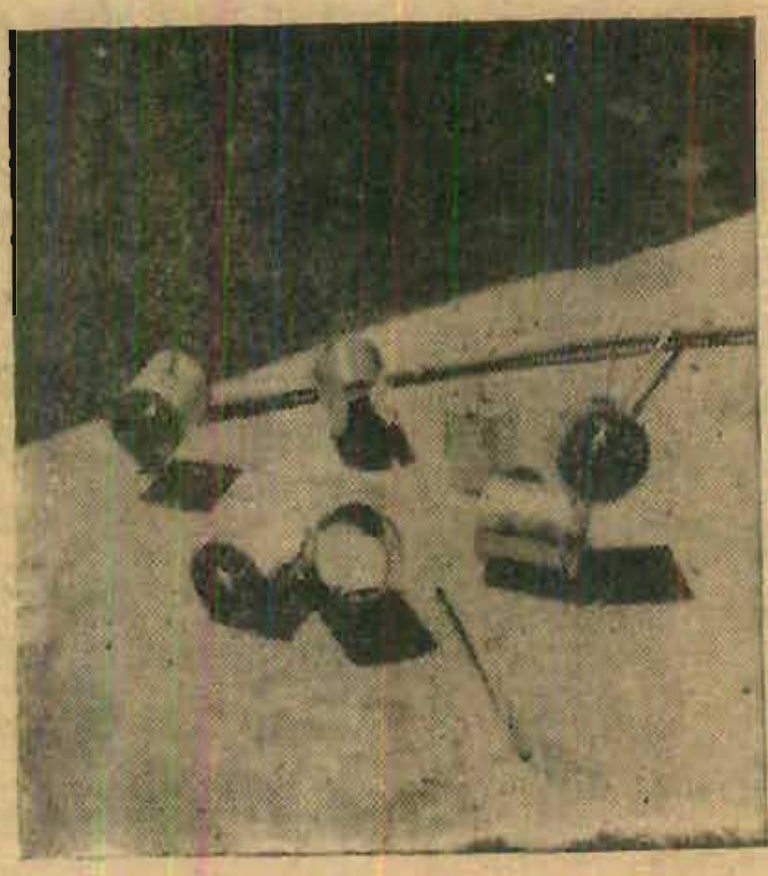

Và chúng cứ đứng áp má vào khung cửa sổ cho đến thật khuya, để hưởng trọn vẹn một cái tết Trung thu trần trụi, sơ sác. Thỉnh thoảng hai đôi mắt mới được thắp sáng lên bằng ánh nến, bằng nguồn vui của những đứa trẻ khác...

Trung Thu 63

LÊ-TẤT-ĐIỀU

— Hãy nhậu đi, Hâfiz và hãy vui lên : đừng làm như kẻ giả nhân giả nghĩa, tưởng che được mưu mình bằng cách đọc thật to Kinh Thánh.

Hâfiz

—Nếu quả những cuộc âm mưu đôi khi do những người thông minh tổ chức ; thì luôn luôn chúng được thi hành bởi bọn thú dữ.

Rivarol

SINH HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc, tập II

NGUIỄN NGU-Í

Cuối năm rồi, có một quyển sách nhỏ làm nao nao giấy mực và xôn xao làn sóng điện. Đó là « *Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc* », tác phẩm đầu tay của một bác sĩ y khoa, trung tá trong quân đội cộng hòa, ông Nguyễn-Tuân-Phát, biệt hiệu Anh-Tuân.

Báo chí và đài phát thanh nói đến khá nhiều, sách bán rất chạy, ít tháng sau khi ra mắt độc giả, đã phải tái bản. Rì thu năm nay, tập II (1) lại chào đời.

Và nếu tập II lại được « số đỏ » như tập I, thì hẳn không lâu, người thầy thuốc họ Nguyễn của chúng ta sẽ... phát ốm đi mất, vì phải cảm phải nghĩ liên miên để sớm có những đứa con tinh thần kế tiếp mà tạ lòng thân chủ xa gần vẫn một lòng ái mộ...

Người «qua các hàng sách» lần nầy xin vội thưa rằng mình chỉ muốn đùa tác giả, vì với ông, không có sự « mang nặng đẻ đau » trong việc viết. Ông vồn «nghĩ thề nào viết thề, (2)» viết như lúc ông «ông nói chuyện ba hoa với các bạn » ông « hàng ngày (3) khi công việc thảnh thơi (4).» Nghĩa là tác phẩm ông không văn chương « tí nào », và chẳng văn nghệ gì ráo. Đó chẳng qua là những « ý nghĩ vụn vặt » mà ông thích, viết thành bài, đã đăng hằng tuần ở báo Ngôn-Luận; ông góp chúng lại in thành sách, tin rằng chúng « cũng sẽ có ích cho một vài người khác » vì chúng đã có ích cho ông.

Vì thế mà người giới thiệu cũng như những nhà phê bình, điểm sách hầu hết đều khen tác giả đã «giản dị »

(1) Của *Anh-Tuấn* Nguyễn-Tăn-Phát, do Ngôn-Luận xuất bản, Nguyễn-Vỹ đề tựa, Sàigòn, 1963.

(2) Thiếu chữ *ấy* hoặc chữ *nấy*, chắc là in sót.

(3) Đáng lẽ là : *hằng* ngày.

(4) Trong «Mấy lời nói đầu» của tác giả, đăng trong tập I.

« chân thật», và đã đem lại niềm tin vui cho người đọc.

Vì tuy là người thầy thuốc, nhưng ông không cảm nghĩ thuần theo óc của nhà y học. mà còn cảm nghĩ theo lòng của một con người và hồn của kẻ nghệ sĩ.

Hai mươi ba bài trong tập I, thì có độ bốn bài là thuộc hẳn về chuyên môn, chúng có những cái tên : *Phải ăn thế nào, Trẻ con sốt, Bệnh hóc hiểm, Bệnh tật*. Kì dư là tác giả đã để cho con thuyền Cảm Nghĩ đẩy đưa, khi lạc vào vườn Nghệ Thuật (*Sân khấu, Thơ*), lúc trôi xuôi về Quá khứ (*Hướng đạo, Xác chết, Bác sĩ mới ra trường*), thường thì để ngoại cảnh và nội tâm đưa đường dẫn lối (*Mưa, gió, rét, Buồn, Nghĩ...vẩn vơ, Tôi không muốn... già v.v.*)

Muốn đời được yên vui, người ta cần giữ gìn sức khoẻ, (cả phần xác lẫn phần hồn), thương người, sống hồn nhiên cởi mở..., đó là mấy nét nổi bật của tác phẩm đầu tay này.

Quyển thứ nhì, số bài có hơn quyển thứ nhứt : ba mươi bài, nhưng phân loại, thì cũng gần như nhau. Cũng có những bài có tánh cách chuyên môn hẳn, như : *Không bao giờ ăn no, Thuốc Tây thuốc ta, Quân y*. Về Nghệ thuật, thì có bài : *Mĩ thuật*. Xuôi về quá khứ, có *Một vài kỉ niệm* (đoạn đời làm bác sĩ quân y thời Pháp thuộc), còn thì là bài phiếm luận do những điều nghe thấy gợi ra, nghe thấy trong người mình cũng như nghe thấy chung quanh mình và thỉnh thoảng cũng « triết lí tí ti » : *Đời là gì ? Ao ước, Khi đã được rồi, Thừa trừ, Đạo Phật là gì ? v.v.*» Có thêm một điểm, là chuyện thời sự đã cung cấp cho tác giả hai bài : *Cháy* và *Khi hoạn nạn*.

Nói thế, không phải chúng tôi có ý cho rằng quyển « cảm nghĩ... » thứ nhì chẳng có gì mới lạ, bạn nào đã đọc rồi quyển trước thì chẳng cần đọc quyển này. Đây chẳng phải là hai giọt nước, giọt rơi trước, giọt rớt sau ; mà là hai chị em, cô em làm cho cảm tình ta đã có về cô chị càng đậm đà thêm và giúp ta hiểu thêm người đã sanh thành hai cô.

Quyển trước, tác giả luận phiếm về *Ái tình*, thì quyển này, tác giả bàn chơi về *Tình yêu và tình bạn*. Trên nửa năm trước, ta được biết « *người bác sĩ mới ra trường* » ấy làm, cảm, nghĩ thế nào ở Kiến-An, ở Hòa-Bình, thì nay, ta lại được đọc « *một vài kỉ niệm* » của người bác sĩ dân y ấy bị trưng dụng vào ngành quân y, đổi lên mạn Cao-Bằng. Quyển I cho thấy đại khái « *Phải ăn thế nào ?* » thì quyển II nói rõ và kĩ những cái lợi của thói « *Không bao giờ ăn no* ». Năm rồi, ta không khỏi buồn khi nghe người thầy thuốc ấy bàn về « *Khổ não* », năm nay, ta khó mà chẳng vui lúc Anh-Tuấn luận về cái « *Sống yên vui* » cùng « *Những cái vui nhỏ* » Ông đã dẫn ta vào cái thế giới « *Buồn* », rồi nay ông lại « *Chữa bệnh buồn* » cho ta bằng cả lí thuyết lẫn thực hành. Cuối thu năm ngoái, ông và ta cùng « *Nghĩ... vẩn vơ* », thì giữa thu năm nay, ta lại vì ông mà thắc mắc : « *Đời là gì ?* », mà tìm hiểu « *Đạo Phật là gì ?* », mà tự

hỏi : « *Lỗi tại ai ?* » « *Sân khấu* », « *Thơ* » được bàn qua, rồi tới phiên «*Mĩ thuật*» ; có lẽ trong quyển III, ta sẽ được nghe người thầy thuốc hăng say này đề cập đến « *Họa* », « *Nhạc* », vì ngoài cái nghề « *cứu nhơn độ thế* » ra, ông còn :

Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.

Và mùa thu này, ta lại được biết cái sướng của « một bác sĩ cũng võ vẽ đòi viết văn, mới viết văn được ít lâu lại có mộng in sách và đã dám in sách » ! (5).

Trên kia chúng tôi có nói đến xuất xứ của những cảm nghĩ này. Chúng vốn ở trong một mục của tờ « Ngôn-Luận », mục « *Văn nghệ và y học. Cảm nghĩ của một người thầy thuốc* », do tác giả phụ trách.

Đối tượng là độc giả báo hằng ngày. Những người mà phần đông vốn là « thường thường bậc trung », địa vị, tiền bạc cũng như hiểu biết. Cho nên câu chuyện y học của người bác sĩ phải pha một ít màu mè, hương vị văn nghệ vậy. Để người đọc thấy vui vui, hay hay mà... đọc. Những lời khuyên thường khó nuốt, nên con người y khoa đã phải bọc chúng một lớp đường. Và để con bệnh khỏi khó chịu (mà còn thích thú là khác), ông đã đem chính ông ra mà khám, mà rọi kiếng, mà mổ xẻ, rồi tìm phương pháp, thuốc men điều trị.

(5) Trong bài « *Cuốn sách đầu tay* », trang 96

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Hồi chuông tắt lửa**, truyện dài của Thế-Nguyên, do Đại Nam Văn hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, trình bày mỹ thuật, dày 67 trang, loại bản-thảo không bán.

— **Thơ trắng** tập thơ của Đỗ Tấn, do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng — Sách dày 90 trang, gồm trên 30 bài thơ ; tựa của Võ Phiến ; giá 30đ.

— **Hương duyên** truyện dài đồng quê của Thanh-Thủy do Thanh Thủy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 252 trang, giá 49 đ.

— **Bí mật của nàng** truyện dài của Bình-Nguyên-Lộc, do Thế Kỷ xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 330 trang ; giá 76 đ.

— **Thanh hoa** số 27 ngày 1-10-65, tạp chí ra ngày 1 và 15 mỗi tháng. Chủ nhiệm : Lê Bá Kông, Tòa soạn và trị sự 80/8 Bà Huyện Thanh Quan Sàigòn. Mỗi số dày 58 trang, giá 5đ.

— **Việt luận** *luyện thi Tiểu Học và Đệ Thất Trung Học* : của Từ-Phát do Thanh Quang xuất bản tác giả gửi tặng. Sách dày 238 trang, in lần thứ 5, có thêm nhiều đề mới, bài mới, dày 238 trang giá 40 đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản trên đây cùng tòa soạn tạp chí Thanh Hoa và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa

Ông đã « chân thật » đến mức mà một số người trong đại gia đình Văn-nghệ lấy làm cảm động, ngợi khen, nhưng cũng làm đôi người tỏ vẻ khó chịu, khó chịu vì nghĩ rằng « chân thật » đến mức tự nói xấu mình như thế, thì hoặc là điên, hoặc là kiêu ngạo : Nói xấu mình vì tin chắc rằng có lợi... cho mình. Nhưng còn có hạng người thứ ba, họ không điên, họ không kiêu ngạo, họ chân thật vì trời sanh ra họ thế và họ « quen mất nết đi rồi ». Ta có thể cho người thầy thuốc họ Nguyễn tên Tuấn-Phát thuộc về hạng này lắm chớ.

Cái « giản dị » của tác phẩm cũng bị đem ra mổ xẻ. Tác giả thì cho rằng mình nghĩ thế nào viết thế ấy, mình viết văn như lúc nói chuyện ba hoa với bạn bè. Nhưng đôi người không nghĩ thế : Họ cho đó là nhũn nhặn giả, vì ai đã sản xuất được một tác phẩm văn chương giản dị, thì hoặc là phải tử công phu hoặc là được trời ban cho đức tánh văn nghệ ấy.

Quả thật, trong cuốn đầu cũng như trong cuốn kế, Anh-Tuấn đã viết như ta nói chuyện, và người đọc khó tính có thể bực mình vì những tiếng « tổ bố », « pa chê », « sữa...», có thể khó chịu vì những đoạn văn như :

« Ta sướng đầy, rồi ta khổ đầy.

« Ta vui đầy rồi ta buồn đầy.

« Ta hăng đầy rồi ta « xỉu » đầy.

« Ta hiểu đầy rồi ta lại chẳng hiểu gì.

« Ta đang lên cao rồi ta lại ngã « tụp bõm » một cái...» (6), có thể sau này khi đang đọc một đọc « Tôi sẽ kể... » Tôi sẽ tả..., Tôi sẽ nói... » rồi bỗng « Tôi đã vào...», để rồi tiếp theo là « Tôi sẽ kể... », (7) và thỉnh thoảng, gặp đôi chỗ sơ hở, sổng sượng, nhưng mà cũng hơn một lần, bắt gặp những bài cảm động, những đoạn văn mà ý diễn hoặc lời phô khéo léo, tỏ rằng người viết cũng đã tổn công, không nhiều thì ít. Chúng tôi không nghĩ Anh-Tuấn đã nhũn nhặn giả, chúng tôi nghĩ rằng đó là một cách nói của một người không muốn « một ít kinh nghiệm trong nghề thầy thuốc » và « một ít kinh nghiệm của đời » nhỏ nhặt của mình « bị »... soi mói như thể một công trình nghệ thuật.

(6) Trang 145-146.
(7) Trang 59.
(8) Trang 17.

Sách Báo Mới

Bách Khoa đã nhận được :

— **Tin vui,** số 4 + 5 tháng 9 + 10 - 63, nguyệt san dòng Phan-xi-cô Việt - Nam, do L. M. Phan-xi-cô Hoàng-Trọng-Tiến làm chủ nhiệm và Tòa Soạn đặt tại số 3, Phạm-Đăng-Hưng Sàigòn — Mỗi số, khổ nhỏ, 80 trang, giá **5** đ.

Nếu bạn định tìm trong tác phẩm của Anh-Tuấn những rung động mãnh liệt hoặc những cảm xúc tinh vi, hay những ý tưởng cao sâu, thì bạn thất vọng. Nhưng nếu bạn muốn có một người bạn tốt bụng, vui tính, hồn nhiên, biết điều, chịu khó, trong những giờ mệt mỏi, ốm đau, buồn chán, thì tìm đến Anh-Tuấn là điều chúng tôi khuyên bạn nên làm.

Người thầy thuốc ở Nguyễn-Tuấn-Phát sẽ ân cần chỉ cho bạn những điều gì nên tránh, nên theo để ngừa bịnh hoặc trị bịnh một cách hữu hiệu và... ít tốn.

Người nghệ sĩ nơi Anh-Tuấn sẽ vui vẻ lấy cọ, lấy đàn, lấy bút... để bạn thấy rằng còn Nghệ thuật, đời còn đáng sống.

Và người trong con người của Anh-Tuấn Nguyễn-Tuấn-Phát sẽ thân mật chuyện trò với bạn về chuyện xưa, nay, chuyện trước mặt, chuyện bên mình, chuyện người, chuyện ta với một giọng chân chất, khi ngậm ngùi, khi dí dỏm, khiến bạn có thể tìm lại chút yên, vui đã mất.

NGUIỄN-NGU-Í

Sách thời mới

★ THƯ NHÀ *truyện của Võ-Phiến* **38 $**

★ HĂM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ
truyện của Xtê-phan Vai, do Tràng-Thiên dịch **22 $** (Hết)

★ TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI
tiểu luận văn học của Tràng-Thiên **42 $**

★ GUỒNG MÁY
truyện của Giăng-Pôn-Xac, do Trần-Phong-Giao dịch **48 $**

★ THƠ TRẮNG của Đỗ-tấn **30$**

Mua sỉ, do nơi các nhà phát hành :
Sống-Mới, Nam-Cường, Á-Châu, Khai-Trí

Nhắn tin

Hiện nay nhà **GIAO ĐIỂM** đã bán hết cuốn

Sứ Mệnh Văn Nghệ Hiện Đại

của TRẦN-PHONG-GIAO *dịch* Albert Camus. Quí vị cần mua sỉ, xin hỏi tại các nhà sách **TỰ-LỰC** (số 92) và **KHAI-TRÍ**, *số 62 Đại-lộ Lê-Lợi, Sàigòn.* Miền Trung, xin hỏi các nhà sách **LAM-SƠN**, *số 144 Đại-lộ Độc-Lập Đà-Nẵng.*

nguiễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa phỏng vấn giới nhạc sĩ

XIII

● TRÚC-PHƯƠNG.

Tên thật *Nguyễn-Thiện-Lộc.*

Sanh năm 1933 tại làng Mĩ-Hòa, quận Cầu ngang, tỉnh Trà-Vinh (nay là Vĩnh-Bình, Nam-Việt).

Chuyên về tân nhạc.

Đã cộng tác với đài phát thanh Pháp-Á: (1954-1955), ban Sầm-Giang của Trần-Văn-Trạch, và nhiều ban Văn-Nghệ lưu động ở tỉnh.

Đã xuất bản, trên ba chục bản nhạc: Tình thắm duyên quê (1954-56), Chiều làng em (1958), Đò chiều (1958), Nửa đêm ngoài phố (1960), Hai chuyến tàu đêm (1960), Tàu đêm năm củ (1961), Chuyện chúng mình (1961), Chiều cuối tuần (1962), Hai lối mộng (1962), Bóng nhỏ đường chiều (1962), Người xóm củ (1963), Tuổi tình yêu (1963), Mắt em buồn (1963), Buồn trong kỉ niệm(1963)...

● Vai trò của đài phát thanh trong việc giới thiệu nhạc phẩm mới rất là trọng yếu. Một bài hát mới được giới thiệu ở phòng trà, hoặc ở một đại nhạc hội, không nghĩa lí gì sánh với một bài hát được giới thiệu qua làn sóng điện. Thính giả nghe truyền thanh nhiều lần, thích tìm mua, nhà xuất bản mới tìm mình để thương lượng xuất bản. Có được xuất bản, tác phẩm mình mới được phổ biến sâu rộng, và mình mới có tiền để sống, để tiếp tục sáng tác.

● Tôi nghĩ rằng nhạc sĩ mình mà có sáng tác những ca khúc ngắn để hát « mua vui» ở tửu điếm trà đình, hay những bản hợp tấu để trình bày trọng thể trước một cử tọa chọn lọc, thì người sử dụng âm thanh không được phép quên mình là người Việt, và công trình nghệ thuật của mình phải được đồng bào mình cảm thông trước nhất.

Tôi bảo người bạn làm giám-đốc một nhà xuất-bản nhạc Việt :

— Nhờ anh cho tôi biết vài anh em nhạc sĩ Tân-nhạc, hiện được giới bạn trẻ ưa chuộng. Tôi sẽ tìm đến để phỏng-vấn. Vì có một số độc-giả trẻ trách chúng tôi sao hỏi nhiều nhạc-sĩ Tân-nhạc tiền chiến, mà ít hỏi đến các bạn trẻ mới xuất hiện sau trận thế chiến thứ nhì. Chúng tôi có biết vài người, nhưng hỏi lại anh cho nó chắc.

Người bạn nọ bèn dở sổ tay, biên biên, chép chép, xé đưa tôi tờ có tên và địa-chỉ vài nhà Tân-nhạc được giới tuổi trẻ mến chuộng.

Nhạc-sĩ thứ nhất, tôi tìm không ra nhà.

Nhạc-sĩ thứ nhì, đi vắng.

May mà tôi gặp được nhạc-sĩ thứ ba.

Đó là anh Trúc-Phương.

Được biết anh vừa ở đài phát-thanh về, tôi bèn hỏi :

— Đài vẫn còn giữ nguyên - tắc : mỗi bài hát chỉ được trình-bày một lần trong tuần ?

Anh gật đầu.

— Lắm anh em than phiền quyết-định này lắm. Còn anh thì sao ?

Anh đốt điếu thuốc, hút một hơi, rồi mới trả lời :

— Anh em than phiền thế có lí ; mà đài quyết-định thế, cũng có lí. Vì từ được trình-bày tự-do, đến trình bày hạn chế, người nhạc-sĩ sáng tác ca khúc nào mà chẳng buồn, chẳng bực. Nhưng sở dĩ đài có biện pháp gắt gao như thế là bởi trước kia, vài người có trách-nhiệm lập chương trình phát-thanh phần Tân-nhạc đã vì tình riêng hoặc sở thích riêng mà tỏ ra thiên-vị trông thấy.

— Nhưng đứng về phía thính-giả, một bản nhạc mình thích, mình yêu cầu đài, mà một tuần chỉ được nghe có một lần, nghĩ cũng là quá ít.

— Tôi cũng nghĩ thế. Một bài hát hay mà ngày nào cũng nghe hát, hóa ra nhàm tai, vả lại cũng phải nhường chỗ cho những bài hát khác, hoặc cũ, hoặc mới. Một tuần mà được hát hai lần thì là vừa phải.

— Tôi cũng mong thế.. Tiện đây, xin anh cho biết qua một bài hát muốn được trình-bày ở đài, thì tác-giả nó phải qua những con đường nào ?

— Trước hết là mình đưa bản nhạc cho ban hội-đồng văn-nghệ của đài kiểm-duyệt. Xem về mặt nghệ-thuật, có giá-trị không, lời ca có phạm vào chủ-trương hiện thời của chính-phủ không. Được phép trình-bày, mình mới tìm đến một anh trưởng-ban Tân-nhạc . . .

— Đài có mấy ban Tân-nhạc giúp, anh ?

— Có đến mười một ban. Anh trưởng ban Tân-nhạc đó bằng lòng ghi vào chương trình phát-thanh của ban anh rồi, mình mới tìm ca sĩ quen biết, tập họ hát cho thuần, rồi trình-bày qua làn sóng điện.

— Rồi chính ca-sĩ ấy lãnh « ca sê » ?

— Dĩ nhiên.

— Bao nhiêu, anh ?

— Ba trăm.

— Còn tác giả ?

— Tác-giả lãnh... cái vui được « nghe »

khai sanh đứa con tinh-thần của mình.

— Vậy thì đài phát-thanh đóng vai trò trọng yếu trong việc giới thiệu nhạc phẩm mới.

Anh phì trong một hơi thuốc :

— Rất là trọng yếu. Một bài hát mới được giới thiệu ở phòng trà, hoặc ở một đại nhạc hội, không nghĩa lí gì sánh với một bài hát được giới thiệu qua làn sóng điện. Thính giả nghe truyền thanh nhiều lần, thích, tìm mua ; nhà xuất bản mới tìm mình để thương lượng xuất bản. Có được xuất bản, tác phẩm mình nói được phổ biến sâu rộng, và mình mới có tiền để sống, để tiếp tục sáng tác. Cho nên khi ở đài, có sự thay đổi gì, là anh em chúng tôi...

—... Hồi hộp ?

— Gần như thế. Thử xem đường lối của đài có gì thay đổi không ? Nhất là xem coi ông trưởng ban Văn-Nghệ là người thế nào ? Dễ thông cảm, hay là cứng rắn, hoặc quá to xa mà...

Thấy anh tìm chữ chưa ra, tôi cười mà tiếp tay :

—... Mà « bảo hoàng hơn vua chúa » ?

Anh cười theo, rồi tiếp :

— Có một điều làm chúng tôi khó hiểu, là thường vấp phải trở ngại không ngờ này : đài phát thanh vốn trực thuộc nha Tổng-Giám đốc Thông tin, thế mà bài hát được Hội đồng kiểm duyệt của Nha cho phép xuất bản, thâu thanh, mà khi đem xin trình bày ở đài phát thanh, thì lại bị bác. Ngược lại, có những bài đài cho phép hát mà rồi Nha lại không cho in.

— Chắc là Nha và Đài đều có lí cả.

Anh cười :

— Khổ một nỗi là cái « có lí » của hai bên làm những kẻ sống về sáng tác và xuất bản nhạc gặp nhiều trở ngại và thiệt thòi :

— Sẵn anh nhắc đến việc xuất bản nhạc, tôi xin nói anh đôi chi tiết. Thường thì một bài hát in ra, nhà xuất bản trả tác quyền các anh bao nhiêu ?

— Chữ tác quyền anh nói đó, không biết có đúng trong trường hợp chúng tôi không. Vì chúng tôi bán đứt cho nhà xuất bản, và sau đó, không còn quyền gì nữa.

— Thế thì một bản nhạc, nhà xuất bản trả các anh bao nhiêu ?

— Không chừng, anh à. Tùy theo tác giả, tùy theo bài hát ăn khách nhiều hay ít.

— Anh có thể cho biết giá hạ nhất và giá cao nhất.

— Ngoài đôi trường hợp ngoại lệ không kể, thường thường, thì giá hạ nhất là tám ngàn, cao giá nhất là ba chục ngàn.

— Thế thì các anh sống thong thả rồi ! Cứ mỗi tháng được xuất bản một bài nhạc, là đủ sống ít nhất là trong ba mươi ngày.

Anh cười buồn.

— Anh tưởng thế, chớ tiền nhà xuất bản trả, mình có mang về nhà trọn cho đâu, anh. Các bạn đã giúp mình trong việc « lăng xê » bản nhạc, tuy mình không lấy tiền để trả công khó cho anh chị em, chớ tiền lãnh rồi, bổn phận đầu tiên là thết các bạn ấy « một chầu ». Tiêu đi

hết 5, 7 ngàn trong việc này là việc thường. Vả lại đâu phải tháng nào, mình cũng có một bản nhạc ra đời. Những bạn nào có công ăn việc làm chắc chắn, sáng tác nhạc không cần được xuất bản, xem đó làm việc phụ, chẳng nói làm chi, chớ những người chỉ sống vì nhạc như tôi, thì dầu được bạn trẻ có cảm tình nhiều, cũng sống qua ngày tháng vậy thôi.

— Còn khi thâu bài hát vào dĩa, các anh được trả bao nhiêu tiền ?

— Từ ngàn rưỡi đến ba ngàn.

— Và các chủ hãng dĩa hát được toàn quyền in bao nhiêu thì in, trong bao nhiêu lâu cũng được ?

— In bao nhiêu tùy họ, nhưng hai năm sau, mình có quyền cho hãng dĩa khác in.

— Và họ cũng có quyền in.

Anh gật đầu. Tôi nói :

— Nãy giờ quấy rầy anh về phép tắc, quyền hạn, tiền nong như thế cũng đủ lắm rồi, vậy giờ xin làm phiền anh về khía cạnh nghệ thuật.

Sáng tác những đường lối vạch sẵn, có làm anh mất khá nhiều cảm hứng như đa số các bạn cùng ngành ? »

— Tôi cũng như các bạn khác. Từ chỗ được tự do sáng tác đến chỗ sáng tác theo một vài đường lối, người nghệ sĩ nào lúc đầu lại chẳng thấy khó chịu, lúng túng vì cảm thấy mình bị ràng buộc. Nhưng mà trong giai đoạn đặc biệt, thì chúng tôi phải chịu và lại lâu rồi chắc cũng sẽ quen đi, nhưng lúc đầu thì thật là lúng túng bực bội.

Tôi còn đang nghĩ ngợi, thì anh đề tặng tôi một bản nhạc của anh mới xuất bản.

— Bạn trẻ thích các bài hát của anh, chắc anh cũng hiểu vì sao chớ ?

— Tôi có hỏi một số bạn trẻ thích nhạc tôi, nên tôi biết điều đó. Tôi sáng tác, lấy nguồn cảm hứng ở chính những vui buồn, lo, nghĩ của mình, hoặc bị cảm xúc bởi những nỗi niềm của người đồng lứa. Tôi cố sao chân thành trong khi sáng tác, và nét nhạc của tôi lúc nào cũng phảng phất hồn cổ nhạc. Và tôi nghĩ rằng ta chỉ nên mượn kĩ thuật của Tây phương thôi, còn tâm tình phải là của người Việt ở thế hệ mình, mà muốn diễn tả cho đúng, muốn cảm được người nghe — người Việt — thì không thể bỏ qua cái vốn âm hưởng mà người Việt mình đã nghe từ mấy ngàn năm, ăn sâu vào tiềm thức... Cho nên, Tân nhạc được sống mạnh thời hậu chiến, là từ khi các nhạc-sĩ đã đem những giọng hò, giọng ngâm quen thuộc của người dân mình vào sáng-tác của họ một cách phải chăng và khéo léo.

« Tôi nghĩ rằng nhạc-sĩ mình mà có sáng tác những ca khúc ngắn để hát « mua vui » ở tửu điếm trà đình, hay những bản hợp tấu để trình bày trọng thể trước một cử tọa chọn lọc, thì người sử dụng âm-thanh không được phép quên mình là người Việt, và công trình nghệ thuật của mình phải được bổng bào mình cảm thông trước nhất ».

— Thế thì, đối với cổ-nhạc . . .

— Ta nên bảo tồn và tìm cách phát-triển. Bằng cách nào, thì xin anh hỏi các bậc huynh trưởng của nền cổ-nhạc.

— Còn đối với nhạc Tây-phương ?

— Nhạc Tây-phương hay Bắc, Nam phương . . . gì, ta cũng cần nghiên cứu và học hỏi, nhưng với mục-đích để làm giàu cho nhạc Việt ta.

— Theo anh thì hiện tình và tương lai ngành Tân-nhạc . . .

— Hiện tại, thì u buồn, còn tương lai thì mờ mịt.

Anh nhắc tôi dùng nước trà đã nguội vì tôi mãi lo hỏi anh mà quên uống. Tôi vừa hớp nước, vừa nhìn gian phòng đơn giản và chưa có vẻ gì là phong lưu của một người nghệ-sĩ được thanh niên thích nhạc mình. Và tôi đột ngột hỏi anh.

— Anh này, chẳng hay các nhà xuất-bản nhạc họ « dám lời » bao nhiêu, khi gặp một bản được « nhiệt-liệt hoan-nghinh ? »

— Họ dám lời đến hai trăm ngàn.

— Thế à ? Sao anh không tự xuất-bản đôi bài. May ra . . .

— Mình tự xuất bản thì « dám lỗ » hết vốn ! Chính tôi đang tự in một bài hát của mình. Mong rằng chẳng phải lần cuối.

Và anh mở sơ mi, đưa tôi coi bản-nhạc ấy. Tên nó là « *Buồn trong kỉ-niệm...* » Nhìn lên anh, tôi thấy mắt anh ngời chút ánh vui vui.

NGUIỄN-NGU-Í viết lại

● Cô BÌNH-MINH

Họ Nguyễn

Sanh năm 1931 tại Tân-An (tỉnh Cần-Thơ nay là Phong-Dinh, Nam-Việt).

Giáo sư phụ trách môn Nhạc pháp, Nhạc sử và Sư phạm tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sàigòn từ khi trường thành lập.

Giáo sư các trường Nữ Trung học Gia-Long, Nhà-Trắng và hiệu trưởng nữ trung học tư thục Đức-Trí ở Sàigòn.

— « Nhạc Tâm lí học » dạy ta cách dùng Nhạc để phát triển những năng khiếu của trẻ. Ta tìm hiểu trẻ từng giai đoạn. Trong đời sống của chúng, từ lúc sơ sanh đến lúc thành nhơn chi mĩ : ở tuổi nào thì năng khiếu nào cần phát triển trước, rồi ta xem trong Nhạc có yếu tố nào có thể áp dụng để giúp sự phát triển nói trên.

— Phần đông phụ huynh cho con em học Âm nhạc là cốt được thấy kết quả trước mắt : biểu diễn trước công chúng, điều ai cũng thấy cả và dễ hái những lời khen thưởng, tức là phần hình thức, chớ ít người để ý đến phần nội dung của Âm nhạc vốn lắng chìm vào trong tiềm thức, âm thầm, cô đọng.

Người nữ chủ nhân ấy vừa cười vừa phác họa một cử chỉ từ chối :

— Xin các anh tha cho. Tôi không phải là nhạc sư, nhạc sĩ, mà cũng không phải là nhạc học giả ; tôi chỉ là người biết đánh đàn...

— ... và giáo sư âm nhạc tại trường quốc gia Âm nhạc từ ngày thành lập cho đến nay !

— Người thiếu phụ ngồi đối diện tôi lại cười, mắt hơi rộng mở :

Nhưng còn nhiều chị em khác từng đi học lâu năm ở ngoại quốc về, thấy xa hiểu rộng hơn. Còn tôi chỉ đi quanh quẩn lại trong nước. Đồ nội hóa mà, anh !

Tôi cũng cười theo người đối thoại vui tính.

— Chị nói thế, chớ đồ nội hóa cũng có cái hay, cái đặc biệt của nó. Chẳng giấu gì chị, cuộc phỏng vấn giới nhạc sĩ của chúng tôi cũng gần kết thúc, mà chỉ có hai chị trả lời ; ít nhất cũng được ba chị góp ý kiến, mới có thể nói trong bài tổng kết rằng các nữ nhạc sĩ nghĩ thế này, mong thế nọ... Tôi cũng có thăm một số chị em từng học nhạc ở Âu-Châu, từng dạy đàn, công có, tư có ; nhưng vì lẽ này hay lẽ khác, các chị em ấy lúc đầu nhận trả lời rồi vào giờ phút chót chối từ. Biết chị lúc nào cũng sốt sắng, nên...

Người đối diện không cho tôi nói hết câu :

— Sốt sắng trao đổi quan điểm, kinh nghiệm thì tôi xin luôn luôn sẵn sàng, nhưng sốt sắng tỏ bày ý kiến ... trên mặt báo, thì tôi quả có đắn đo : biết những gì mình nói có ích lợi gì cho người đọc chăng ? À, mà sao anh không hỏi bà Nguyễn-Văn-Tị, bà thầy tôi đó.

— Anh em chúng tôi nhớ đến bà ngay khi mở đầu cuộc phỏng vấn : tôi có thư sang Mĩ hỏi bà, không được thư trả lời tôi nhờ anh Trần-Văn-Khê ở Pháp viết thư nói giúp và nhắc giùm, nhưng đến nay, cũng chưa nhận được cái gì của bà. Thôi thì trò hãy « trả nợ » thế thầy vậy !

— Khổ một nỗi là « trò » này vốn liếng ít quá. Tôi dạy Nhạc Pháp, Nhạc sĩ và Sư phạm, thì còn biết gì để nói.

— Tôi thấy chị có dạy môn tâm lí về Nhạc, đó cũng là điều mà ít người biết...

— À, hay là để tôi nói với anh về môn đó. Tôi đã mệt vì nó nhiều. Nói ra để bắt anh chia bớt cái mệt ấy vậy.

— Chị dạy môn ấy lâu chưa ?

— Mới có hai năm nay, anh à. Nó mới được ghi vào chương trình từ niên khóa 1962-62. Tiếng Pháp gọi là *Psychologie de la Musique*, chúng tôi dịch là *Nhạc Tâm lí học*. Môn này, chính người Pháp cũng mới chú trọng sau đây.

— Và ở trường quốc gia Âm nhạc, chỉ mình chị đảm nhận môn mới này ?

Chị gật đầu.

— Ông giám đốc trường thấy tôi từ lâu ở trong ngành giáo dục, nên giao môn « Nhạc Tâm lí học » cho tôi phụ trách.

— Hẳn ông giám đốc cũng cấp tài liệu cho chị...

— Không có, mới chết chớ anh. Vì môn này rất mới — ngay ở Pháp nữa — nên tài liệu không có gì cả. Tôi phải

tự mình chạy tìm tài liệu. May mà tìm được một ít. Rồi đem bàn với các bậc đàn anh, đàn chị nghiền ngẫm thêm ; tôi vừa dạy, vừa học, vừa tìm kiếm, lại vừa rút kinh nghiệm, nên năm đầu thật chật vật !

— Vạn sự khởi đầu nan mà chị. Nhưng chị lại được cái sung sướng của lớp người mở đường khai tối.

Chị lắc đầu nhè nhẹ :

— Anh dạy quá lời. Sung sướng có thật đấy, nhưng đâu dám cho mình là kẻ tiên phuông.

Người nữ chủ nhân như sực nhớ bổn phận mình, vui vẻ mời tôi uống nước ; tôi cũng bỗng sực nhớ mình chưa hỏi người giáo sư Âm nhạc ấy điều cần phải hỏi.

— Quên hỏi chị mục đích môn Nhạc Tâm lí học. Có phải dùng Tâm lí học mà hiểu Nhạc ?

Chị cười. Tôi lại đoán :

— Thế cgắc là dùng Nhạc để áp dụng trong giáo dục sao cho đúng với tâm lí con người ?

— Đại khái là thế. Tôi xin nói rõ hơn.

Môn này dạy ta cách dùng Nhạc để phát triển những năng khiếu của trẻ. Ta tìm hiểu trẻ từng giai đoạn trong đời sống của chúng, từ lúc sơ sanh đến lúc thành nhơn chi mĩ : ở tuổi nào thì năng khiếu nào cần phát triển trước, rồi ta xem trong Nhạc có yếu tố nào có thể áp dụng trong giáo dục để giúp sự phát triển nói trên.

« Anh coi, khá rắc rối chớ — Lúc đầu, tôi tưởng đó là một thứ tâm lý giáo khoa (psychologie de la pédagogie), mà nhấn mạnh về khía cạnh âm nhạc ; rồi thấy không phải thế, tôi bắt sang việc nghiên cứu những hiện tượng tâm lí chung để hướng về âm nhạc ; rồi thấy cũng chưa đúng. Sau cùng, mới tìm được mục đích môn dạy ấy mà tôi vừa, trình bày với anh.

— Xin chị đi vào chi tiết.

— Tỉ như trẻ sơ sanh nằm thì đạp chân múa tay theo một trật tự nào đó ; ta bồng chúng, chúng ưa nhảy lên nhảy xuống ; chúng khóc, thường ta vỗ nhè nhẹ vào mông hay vào đùi, chúng nín. Anh có để ý các điều này không ?

Tôi mỉm cười, rồi nói :

— Nghĩa là trẻ sơ sanh đã ý thức mơ hồ về tiết điệu (rythme) ?

— Đúng thế. Ta xem lại Nhạc, nghiên cứu thấy âm tiết (rythme musical) gây được sự điều hòa trong tâm hồn, sự vui tươi trong tâm tính.

— Tôi để ý trẻ lúc bảy, tám tuổi cũng còn ở trong giai đoạn ưa tiết điệu : con trai thường bắt chước lính đi đứng nhịp nhàng, con gái thích ưa nhảy dây, đánh đũa...

— Nhận xét thế xong, mình mới phân tích âm tiết, xem coi trong các thứ âm tiết, có thứ nào thích hợp với lứa tuổi nào, để có thể đem dùng hầu giúp trẻ tâm hồn được điều hòa, tâm tính được vui tươi.

— Còn âm điệu ?

— Âm điệu (mélodie) cũng có ảnh hưởng nhiều đến tâm hồn, tâm tánh người nghe, nó dễ làm ta xúc động, khi nó mang hồn dân tộc. Ta cũng phân tích âm điệu để xem nó có thể áp dụng vào giai đoạn nào của tuổi trẻ.

« Người ta đã phân tích đến mực có thể nói là khá tinh vi, để khi thí nghiệm, người tinh ý được thấy mỗi yếu tố của âm điệu có ảnh hưởng đến cơ quan nào trong người ta nữa, tỉ như yếu tố này ảnh hưởng đến thần kinh hệ; yếu tố nọ ảnh hưởng đến sự tuần hườn, có yếu tố kích thích một năng khiếu nào đó, hoặc ru ngủ một năng khiếu nào khác...

-- Vậy thì trẻ nghe mẹ cất tiếng hát ru mà nín thinh, hoặc ngủ, là đã chịu ảnh hưởng của âm điệu rồi chớ ?

— Quả có thế. Nói chung thì tuổi trẻ thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm của âm tiết và âm điệu. Cho nên ta phải dung hòa âm điệu và âm giai trong việc kích thích những năng khiếu của tuổi thơ. Nhưng mà hoàn cảnh lắm khi không cho mình thực hiện. Chị ngưng một chặp, buồn ra mặt, rồi nói qua việc khác.

— Trong lúc dạy môn « Nhạc Tâm-lí học » này, tôi thấy khuyết điểm sau này của lối dạy Nhạc của ta ngày nay. Người ta quá chú trọng về hình thức, mà lơ là phần nội dung.

Tỉ như môn ám tả âm-nhạc (Dictée musicale), nó biến người theo nó không còn thưởng thức nhạc như xưa, mà chỉ làm người ta trở nên kẻ đi dán nhãn trên các chai thuốc vậy.

Một tiếng đàn đánh lên, người ta không nghĩ đến việc xem nốt nhạc ấy âm tính (sonorité) thế nào, nó cảm xúc ta ra sao, mà người ta phải vội nhớ ngay cái tên của nó là gì trước hết.

Chẳng khác nào đứng trước một chai nước mắm, người ta thấy cần dán ngay nhãn hiệu nước mắm ấy trên mình chai, mà không nếm coi nước mắm ấy ngon, dở thế nào.

— Chị cho như thế bỏ hình bắt bóng ? Những gì mình mong muốn. Ở đất Sài-gòn này, mình dễ gì kiếm một người giữ con biết hò những điệu hát, hò của dân tộc. Ai lại chẳng biết trẻ nhỏ nên sống những nơi tĩnh mịch, để tai chúng nghe tiếng suối róc rách, tiếng lá tre xào - xạc, tiếng gà gáy sáng, tiếng chim hát trưa . . . Nhưng cuộc sống chôn chân mình ở đô-thành, trẻ phải chịu nghe những âm-thanh chát, chúa chối tai !

Chị gật đầu.

— Mục-đích của môn tôi dạy (nếu anh cho phép tôi ví von) không phải đào tạo những người lanh mắt lẹ tay, hễ ai đưa thứ nước mắm nào là dán đúng ngay nhãn hiệu đó, mà là đào tạo những người biết nếm nước mắm để thưởng thức cái vị riêng của nó và nói cho người khác biết.

« Đi xa nữa, ta có thể nói vì quá xem trọng cái hình thức của Nhạc, mà người ta thích con em mình học Nhạc để biểu-diễn trước công chúng, nghĩa là thích cái gì rầm rộ, huê dạng. Vì ai cũng thấy cả, và dễ hái những lời khen thưởng. Cái phần nội dung của Nhạc vốn lắng chìm vào trong tiềm thức, âm thầm cô đọng, ít ai thấy, nên học sinh dễ chán mà phụ huynh cũng ít người hiểu để cho con em theo học.

— Chắc chị đã gặp lắm trở ngại . . .

— Có, anh à. Trước hết là đối tượng của tôi quá chênh lệch . . .

— Về tuổi tác ?

— Tuổi tác cũng có, mà học lực cũng có. Có kẻ trên bốn mươi, có người mới mười sáu tuổi đầu. Sinh viên có, học sinh có, giáo chức có, giáo sư Âm - nhạc bậc Trung-học có. Phần đông ở Sài-gòn — Gia Định, cũng có một số ở Lục-tỉnh. Những học sinh chưa học khoa Tâm-lí học ở ban Tú-tài theo có phần khó nhọc.

— Họ có ham học môn của chị không ?

— Ham thì có hạm, nhưng còn thích thật sự thì có lẽ ít. Họ phải tốt nghiệp bằng Sư phạm về Nhạc mới được Chánh phủ bổ đi dạy. Mà môn tôi dạy lại là một môn nằm trong chương trình thi ra trường thành thử bắt buộc họ phải chăm học.

— Đó là năm đầu còn năm sau ?

— Năm sau cũng có cái « mệt » của nó. Số là các sinh viên tốt nghiệp năm rồi, chỉ một số ít được đi nhận chức (vì số giờ dạy Nhạc ở Trung học vốn ít), họ sanh ra nghi ngờ cái ích lợi thiết thực của ngành họ đeo đuổi. Thành ra năm thứ nhì, họ ghi tên học có phần ít. Họ học bên diễn tấu, « chắc ăn » hơn, thành tài là có thể tìm chỗ làm ngay.

— Nói thế, chớ chị cũng có gặp những người kiên tâm trì chí chớ ?

— Có, anh à, và chính nhờ thế mà tôi thấy được an ủi nhiều. Có những người lớn tuổi, đang đi dạy chữ, theo học để biết thêm, họ tỏ ra thích thú lắm, và sau bài giảng, họ đặt những câu hỏi rất thiết thực và cũng rất thông minh. Lại có những giáo sư dạy nhạc ở các trường công, tư, gặp nhiều trở ngại, rắc rối trong nghề, nên họ ghi tên học vừa để hiểu biết thêm, vừa để nêu lên những điều rắc rối, trở ngại nói trên cho thầy, bạn tìm cách giải quyết giùm.

« Thấy họ chịu khó thế, mình càng rán thêm để môn dạy mới mẻ này dễ hiểu và hấp dẫn hơn ».

Chị trầm ngâm một đỗi :

— Chắc anh cũng thấy môn tôi phụ trách giống như một khu rừng rậm. Bao nhiêu là khó khăn. Tôi mong được nhiều bạn đồng hành. Nếu kết quả được nhiều, và được đem áp dụng thì môn « Nhạc Tâm lí học » sẽ gây ảnh hưởng tốt đẹp trong việc giáo dục thanh thiếu nhi biết bao.

« Âm nhạc mà được áp dụng đúng với nhu cầu tâm lí của trẻ ở từng giai đoạn sinh lí sẽ giữ một vai trò quyết định trong việc hướng trẻ về Chân, Thiện, Mĩ.

« Tôi xin kể anh nghe trường hợp của tôi. Chị em tôi vốn học trường đầm từ thuở nhỏ, nên rất dốt về văn chương và lịch sử nước nhà. Tôi còn nhớ năm tôi mười hai tuổi, tôi tự hỏi cờ nước mình đâu mà lại phải chào cờ nước Pháp mãi. Giữa lúc đó, ba má tôi nhờ một người thanh niên viết báo quen dạy Việt ngữ cho ba chị em chúng tôi. Thì thời cuộc lúc bấy giờ, chúng tôi học không bao lâu, đâu vài tháng, và mỗi tuần, học có vài giờ, nhưng lần đầu học tiếng nước nhà ấy ảnh hưởng đến đời chúng tôi sau này không ít. Chúng tôi trọng tiếng mẹ, yêu quê hương ngay ở buổi học đầu tiên. Và trong những ngày cực khổ của cuộc kháng chiến bài thơ « *Nước tôi* » do ông thầy Việt ngữ đầu tiên ấy giảng dạy trong giờ đầu đã an ủi

nâng đỡ và kích thích chúng tôi không ít.

« Anh xem đó, văn chương ảnh hưởng đến những tâm hồn non trẻ là thế, huống hồ gì âm nhạc vốn là nghệ thuật đi thẳng vào tiềm thức của người. Nhưng... »

Cổng đã mở, mà nữ chủ nhân vẫn còn bỏ câu mình lơ lửng.

Sao tôi lại ngùi ngùi, chân bước ra đường mà lại thử bổ túc câu người trong giới âm thanh bỏ dở :

« Nhưng trong giai đoạn đặc biệt này của Đất Nước, chẳng biết có còn ai yên tâm rảnh trí để lắng nghe đôi tiếng tơ đồng..»

NGUYỄN-NGU-Í *thuật*

— Không khi nào có chiến tranh hay, cũng như có hòa bình dở.

Franklin

— Sự đắc thắng của những chánh sách mị dân chỉ thoáng qua, nhưng những hoang tàn của chúng thì tồn tại mãi.

Charles Péguy

— Tôi không bao giờ nghĩ đến tương lai ; nó đến sớm hơn ta tưởng.

A. Enstein

Đính Chính

B. K. số 162

— «*Mục phỏng vấn giới nhạc sĩ*» : tr. 91, cột 1, dòng 21. « thương lượng *vời* tôi », xin đọc : « ... *với* ... » ; tr. 92, cột 2, dòng 22 và 24, lộn con số chỉ năm 1963, xin sửa *1935*, và 1935, xin sửa *1963*, cùng cột, dòng chót, dấu phết giữa chữ « ra » và « ý », xin thay bằng chữ *một* ; tr. 94, cột 1 dòng 12, xin bỏ dấu chấm sau chữ hội ».

— Tên thật họa sĩ Hùng-Lân là : Hoàng-văn-Hương, chớ không phải H.V. Hường (có dấu huyền) vậy xin bỏ đính chính trong số 158.

— Bài « Hai giờ với hai tác giả K.L.V.N.P.V.N », tr. 29, cột 1 câu đầu : « Hai mươi năm qua », xin đọc : « Hai mươi *hai* năm qua ». — tr. 37 cột 2, dòng 3d « *uiển* », xin sửa lại « *uiên* ».

— Mục « sinh hoạt », trang 95, lộn chú thích : ngày 14-7-1963, xin sửa : 14-8-1963.

Bách Khoa vừa nhận được

— Tuổi lạ. Tình thương.. (Ái-Huệ) Giấc ngủ thiên đường (Trường-Thủy) Luận tình yêu (Hồ-Sĩ-Thứ) Bài thơ Hi vọng (Đ.V.Tâm-Linh) Khi về (Song-Phương) Tình thu (Nhiệt-Hà) Trở về với Biển (Cung-Hoàng) Trầm ca — Khuynh hướng (Phan-Việt-Thủy) Lẻ bóng... (Võ-Quê) Sông nâu... (Châu-Thanh-Phố) Mang mang (Trần-Huiền-Ấn) Ảo ảnh... (Thùy-Lam) Của mẹ... (Song Phương) dặm khơi... (Hy-Bằng) Nguyện cầu... (Hoàng-Bá) Lần về Vĩnh-Điện... (L. Hoàn) Đường về — Những gì còn lại (Nguyễn - Luân-Hoàng) Ngỡ ngàng phố cũ — Hình ảnh sau tôi (Trần-Nguyên-Phương) Chuyện tình II — Dòng sông Hồng... (Triều Sao Đại) Hiền — Suy tư (Huỳnh-Vương) Đau thương.. (Thái Ngọc-San) Nước tôi — Mùa lúa mới — (Thi-Thi-Hoài-Mộng) Ghen (Thái-Hồng) Màu áo thiên thanh... (Ng.T.Đăng) Phút giây hiện tại... (Hồ - Hồng - Huân) Dưới cái sống cùng cái chết... (Bạch-Huy) Phân ưu — Saigon... (Du-Tử-Lê) Bức họa chiều quê.(Thị-Đặng-Diễm-Ái) Làng An (Huyền-Phong) Tôi làm reo... (Lâm-Bình-Phong) Khúc hát cho đời... (Tôn-Thất-Vinh) Chuyến đi về sáng (Thương-Hoài-Anh) Ca khúc 1, 2, 3, 4 (Giang Đa) Bài thơ tặng vợ (Quang-Bút) Bản cáo cuộc đời (Trần - Tích - Duyên) Đêm và Ngày (Hồng-Tuấn) Giữa hai sự bỏ quên (Lê-Đình Phạm-Phú) Hai Mẹ Con. Bức thư về Mẹ (Nguyễn-Lê-Cang) Nhan sắc quê ngoại. Tình ruộng vườn (Luân-Hoàn).

Anh Trần-Huiền-Ân Anh nên «thông cảm» điều anh hỏi trong thư. Đã nhận đủ bài của anh và Thùy Lam. Sẽ lựa đăng hoặc có thư riêng góp ý.

Ô. Hồ-Xuân-Phong Tòa soạn đã nhận được bài và bưu phiếu ông gửi.

Bạn Hà-Li-Hải. Mời bạn đến tòa soạn nhận một thư riêng. Xin hỏi ông X.H.

Cô Phương-Khanh, TV.— Mải đến nay, tôi mới được đọc thư và thơ cô. Xin cho biết địa chỉ để liên lạc :

N.N.Í

Nhạc Mới

Bách-Khoa đã nhận được các bản nhạc sau đây : *Đừng hỏi tại sao* của Trần-Thiện-Thanh, *Lẻ bóng* của Lê-Dinh và Anh-Bằng, *Mùa thương tay đợi mắt chờ* của Đỗ-Kim-Bảng và Y-Vân, *Đôi mắt người thương* của Nguyễn-Hiền và Y-Vân, *Thương về miền Trung* của Duy-Khánh, *Đèn đêm phố nhỏ* của Tấn-An và Hoài-Linh, *Đã mấy thu rồi* của Minh-Kỳ và Nguyễn-Hiền, *Em chờ anh trở lại* của Hoàng-Nguyên, *Chiều tiễn anh* của Đỗ-Thiều và Dạ-Lan-Thanh, *Sầu mộng* của Tuấn-Khanh, *Ngày hạnh phúc* của Lam-Phương, *Tìm về* của Lan-Đài và Y-Vân. Các bản nhạc này đều do nhà « Tinh-Hoa miền Nam » xuất bản và gởi tặng.

Chúng tôi xin cảm tạ nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000 000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000 000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHẮC MỆT

NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÕA TIỀN"!

Cigarettes

VIRGINIE

Quản-nhiệm :

HUỲNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn

160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Dây nói : 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÁN

412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$

Công sở : 15$